

DUY TUỆ

Tháp Sàng
Tinh Yêu Dân Tộc
Trang
Tinh Bế Đê



Những Điều Dạy Về Phật của Phật Hoàng

TRẦN NHÂN TÔNG

Những Điều Dạy Về Phật Của Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Duy Tuệ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

Làm sao có nhiều lợi ích khi đọc những trang sách này?

Lời cảm ơn

Vài điểm lưu ý khi đọc các tác phẩm của tác giả Duy Tuệ

I - THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP VUA TRẦN NHÂN TÔNG

I. Thân Thế

II. Sự Nghiệp

III. Viên Tịch

II - MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ, PHÚ, BÀI GIẢNG, VĂN XUÔI, TỜ BIỂU CỦA VUA TRẦN NHÂN TÔNG

I. Thơ

Dự Yến Với Văn Túc Vương

Mạn Hứng Ở Sơn Phòng

Ca Ngợi Thượng Sĩ Tuệ Trung

Đề Chùa Thôn Hương Cổ Châu

Kệ Thị Tịch

Thân Như

II. Phú

Phú Cư Trần Lạc Đạo

Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca

III. Bài giảng

Bài Giảng Tại Viện Kỳ Lân

IV. Văn xuôi

Hành Trạng Của Thượng Sĩ Tuệ Trung

V. Tờ Biểu

Tờ Biểu Xin Đại Tạng Kinh

III - NHỮNG BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ DUY TUỆ VỀ VUA - PHẬT TRẦN NHÂN TÔNG

Bài Học Sống Đạo

Sống Trong Thiền Định

Vua Phật Trần Nhân Tông

Hiện Tượng Xuất Gia

Cư Trần Lạc Đạo

Dân Tộc - Tín Ngưỡng - Pháp Trị

Cung Ma Cõi Phật

Cần Chú Ý Đến Những Vấn Đề Cốt Lõi Tư Tưởng Của Ngài Trần Nhân Tông

Làm Rõ Thêm Về Những Điểm Nổi Bật Của Trần Nhân Tông

Số Đời

Người Việt Cao Quý

Tuệ Giác Việt Nam

Quốc Độ Phật Yên Tử

Bài Học Trong Ngày Giỗ Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông

Thư Chào Mừng Lễ Kỷ Niệm 699 Năm Ngày Giỗ Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông

Hãy Là Đấng Sáng Tạo Cho Chính Mình

Vì Dân Tộc, Trần Nhân Tông Bước Theo Trí Phật

Cổ Phật Quyền Năng

Thư về Hội Thảo Khoa Học Trần Nhân Tông và Lễ Giỗ Ngài lần thứ 703.

Trần Nhân Tông và Ánh Sáng Độc Lập Tự Do

IV - NỘI DUNG THAM KHẢO

Tặng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông cho Thái Lan

Trung tâm UNESCO nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt Nam đã tổ chức Đại Lễ Tưởng niệm 702 năm ngày Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn

Hoàng dương tư tưởng cao đẹp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Làm sao có nhiều lợi ích khi đọc những trang sách này?

Có hai cách tiếp cận những trang sách này thật nhiều lợi lạc. Thứ nhất là hiểu những trang sách này qua các dòng chữ và ý nghĩa ẩn chứa trong các câu chữ. Thứ hai là cố gắng cảm nhận và thấu hiểu một lực màu nhiệm bí mật qua những trang sách này. Ngoài ra các bạn cũng nên tìm đọc Hành Trang Vào Đời sẽ nhận nhiều lợi ích kỳ diệu.

Duy Tuệ

Lời cảm ơn

Quý độc giả thân mến!

Cho đến nay, đã có nhiều đầu sách của tôi được xuất bản, tái bản và phát hành. Tôi thường nhận được rất nhiều thư cảm ơn tác giả đã chỉ ra những giá trị to lớn chưa từng có. Cảm ơn quý vị đã dành sự ưu ái và ngưỡng mộ.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời cảm ơn đến:

- Công ty Đầu Tư Giáo Dục Minh Triết,
- Trung tâm UNESCO Nghiên Cứu & Ứng Dụng Phật Học Việt Nam
- Nhà Xuất bản Văn Hóa Thông Tin,
- Câu Lạc Bộ Trần Nhân Tông tất cả các nơi,
- Ban phiên tả,
- Các quý vị biên tập viên,
- Cá nhân hiền giả Giác Tuệ (ông Ngô Văn Quán, Ủy viên thường vụ Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam),
- Cá nhân hiền giả Duy Trung Ý.
- Cùng nhiều tổ chức, cá nhân khác đã góp sức hình thành và xuất bản cuốn sách này. Cầu nguyện Quý vị nhiều sức khỏe và bình an.

Duy Tuệ

Vài điểm lưu ý khi đọc các tác phẩm của tác giả Duy Tuệ

1. Các tác phẩm của tác giả Duy Tuệ chỉ dành cho người muốn và quyết tâm thay đổi cuộc đời, để được hưởng trọn vẹn không gian tự do trong đầu óc, sự an tâm - thành đạt - hạnh phúc nơi chính mình.
2. Nội dung các tác phẩm Duy Tuệ giúp bạn khám phá thế giới đầu óc huyền bí của con người, để tỏ tường và làm chủ chính nó, để luôn thấy rõ mọi vấn đề của cuộc sống đang diễn ra trong và với (hay quanh) bạn. Từ đó, tầm nhìn hay khả năng thấy biết (trí thấy của riêng bạn), năng lực sáng tạo ngoài phạm vi đầu óc con người được kích hoạt và tuôn chảy, lòng thông cảm và tình thương yêu vô điều kiện dâng trào. Bởi thế, các tác phẩm Duy Tuệ không dành cho người chỉ tìm kiếm kiến thức để nạp vào cái đầu vốn đã eo hẹp, chật chội.
3. Khi đọc, bạn cố gắng và tự nhắc nhở mình loại bỏ ra ngoài đầu óc tất cả kiến thức, kinh nghiệm về khái niệm chất chứa trong đầu óc. Nghĩa là, không để khối kiến thức, kiến thức cũ kĩ trong đầu óc vận động và nảy sinh những ý kiến, đánh giá hoặc so sánh chủ quan, cản trở bạn nhận được những giá trị lớn lao ẩn dưới từng câu chữ. Hãy đọc trong tình trạng cái đầu tập trung chú ý nhận biết cao nhất, tỉnh táo và trống không, không có bất cứ suy nghĩ hay ý tưởng nào. Mỗi lần đọc là mỗi khám phá mới mẻ và lí thú.
4. Câu chữ chỉ là phương tiện truyền trao thông điệp, quan trọng là bạn thẩm thấu và trực nhận được gì đằng sau những câu chữ ấy. Do vậy, bạn không nên chỉ hiểu theo khái niệm vốn có của câu chữ về vấn đề tác giả trình bày. Bởi, có khi tác giả đề cập đến vấn đề a, nhưng thông điệp truyền tải lại là b.
5. Hãy đặt câu hỏi cho vấn đề mà bạn thắc mắc hay quan tâm. Bạn cứ hỏi nhưng không cần và không phải đi tìm câu trả lời. Bằng việc học và thực hành liên tục, đáp án sẽ tự hiện hữu trong bạn.
6. Bạn nên tìm nghe các bài giảng audio trực tiếp của tác giả, bạn sẽ mau chóng nắm bắt được những bí mật mà câu chữ trong sách không thể chuyển tải được.
7. Bạn hãy liên lạc với bộ phận trợ giúp độc giả của công ty chúng tôi, vốn là các Hiền giả Minh Triết, những người đang có những thay đổi tốt đẹp và sâu sắc từ việc hàng ngày thực hành và ứng dụng những bài giảng của tác giả. Bạn sẽ nhận được những chia sẻ trải nghiệm thú vị, hữu ích.
8. Mọi quan tâm, thắc mắc muốn được tác giả phúc đáp, cũng như liên hệ với các Hiền giả Minh Triết, mời bạn gửi thư về **info@minhtriet.vn** hoặc gọi số **08.3.911.5501**

Chúc bạn nhận được những giá trị đích thực!

Ban Công Tác Bạn Đọc

I - THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP VUA TRẦN NHÂN TÔNG

I. Thân Thể

Trần Nhân Tông tên thật là Trần Khâm, sinh ngày 11/11 năm Mậu Ngọ (1258), là con của vua Trần Thánh Tông và Nguyên thánh Hoàng Thái Hậu. Khi mới sinh, màu da toàn thân như vàng ròng, sáng chói. Vua cha đặt tên là Phật Kim. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đã ghi: “Được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng ròng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng... Bên tả có một nốt ruồi đen, các nhà tướng số cho rằng, ngày sau sẽ gánh vác việc lớn.”

Từ nhỏ, Nhân Tông đã sùng kính Đạo Phật. Năm 16 tuổi (1274) được vua Thánh Tông phong tước tử Khâm làm Hoàng thái tử. Ngài không chịu, muốn nhường cho em nhưng vua cha không chấp nhận. Cũng trong năm này, Nhân Tông đã kết duyên cùng với trưởng nữ của Quốc mẫu Nguyên Từ. Duyên cầm sắt tuy hài hòa nhưng lòng thái tử hình như muốn thoát tục. Vào giờ Tý một đêm, Ngài đã vượt thành ra đi, định lên núi Yên Tử tìm đạo. Khi đến chùa Đông Cứu thì trời vừa hừng sáng, thân thể mệt mỏi, Nhân Tông vào nghỉ trong tháp của chùa. Vị sư thấy người thanh niên tướng mạo khác thường, tỏ lòng ái mộ, bèn dọn cơm thết đãi. Hôm sau, Thái hậu thuật lại ý định vượt thành xuất gia của Đông cung Thái tử. Vua Thánh Tông sai quân thần tìm kiếm. Khi phát hiện thấy ở chùa Đông Cứu, quần thần mời Thái tử về và sau đó Ngài lên ngôi.

II. Sự Nghiệp

1. Tại gia

Năm 20 tuổi (1278), Trần Nhân Tông lên ngôi, lấy hiệu là Thiệu Bảo (22/10 năm Mậu Dần). Khi lên ngôi, dù có của cải, quyền hành nhưng vua vẫn giữ mình thanh tịnh, Thường đêm ngày nghỉ ở chùa Tư Phúc. Một hôm nằm nghỉ trong chùa, vua mộng thấy từ rốn mình mọc lên một hoa sen lớn như bánh xe, trên có Đức Phật vàng. Bên cạnh có người chỉ vào vua hỏi: “Biết Đức Phật này chăng? Đó là Đức Biến Chiếu Thế Tôn.”. Sau khi tỉnh mộng, Ngài bèn thuật lại cho Thượng hoàng Thánh Tông nghe. Thánh Tông cho là chuyện lạ thường. Từ đó vua chay tịnh, long nhan hơi gầy, Thượng hoàng trông thấy bèn hỏi lí do. Vua thưa rõ ý định xuất trần. Thượng hoàng khóc nói: “Cha nay đã già, chỉ trông cậy vào con, nếu con mà như thế thì sự nghiệp của tổ tông sẽ như thế nào?”. Cả hai cha con đều rung rung nước mắt!

Vua Nhân Tông sáng suốt, đa tài, hiểu học, thông hiểu kinh sách. Vua thường mời các vị thiền sư vào cung đàm đạo. Nhân Tông nhờ Thượng Sĩ Tuệ Trung mà thâm nhập Phật lí. Với khí tiết hào hùng trong việc trị nước an dân, Ngài là đấng Minh Quân biết thu phục lòng dân trong hai cuộc hội nghị Bình Than và Diên Hồng, tiêu biểu cho khí thế hào hùng của người dân Việt. Hai lần đánh bại đại quân tàn bạo Nguyên Mông xâm lược Đại Việt, tỏ rõ tài thao lược, điều binh khiển tướng vào những năm lịch sử oai hùng sáng chói 1285 và 1289. Ngài đã làm rạng danh các tướng lĩnh như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Trần Khắc Chung, Trần Nhật Duật. Thời ấy, siêu cường Nguyên Mông đã phải chịu thảm bại trong những cuộc xâm lăng Đại Việt. Các sử gia trong và ngoài nước đã nhận định về cuộc chiến thắng của nhân dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo của vua Trần Nhân Tông như sau:

- Nhà vua anh minh.
- Tướng tá tài giỏi.
- Quân dân một lòng, cả nước ra sức.
- Phát huy truyền thống yêu nước của người Việt.

2. Xuất gia

Nhà vua đã kế thừa được sự nghiệp của các bậc tiền nhân và nhận thấy rõ, chỉ có trí tuệ Phật mới đưa đất nước và con người đến đỉnh cao của hạnh phúc, mới đem đến sự sống an lành cho dân tộc. Nhà vua thấy rõ, chỉ có ánh đạo vàng mới xóa bỏ được bất công và thù hận. Vì thế, năm Quý Tỵ (1293), Trần Nhân Tông truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông và lên làm Thái thượng hoàng.

Năm 1295, Ngài đến chùa Vũ Lâm, huyện Gia Khánh (nay là Hoa Lư - Ninh Bình) tập sự xuất gia. Quốc sư Huệ Tuệ làm lễ xuất gia cho Ngài. Cảnh sống đạo của Ngài được thể hiện qua bài thơ Trăng:

“Đèn chong chênh chếch, bóng sách đầy giường

Đêm vắng song thu lác đác sương

Thức dậy tiếng chày đầu chẳng biết

Trên cành hoa quế nguyệt lồng gương.”

Tháng 10 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hưng Long thứ 7 (1299, 41 tuổi), Ngài vào núi Yên Tử, chính thức tu hạnh Đầu Đà, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Với sự sống an vui, tự tại, Ngài chuyển pháp luân trang trải ánh đạo vàng trên khắp quê hương nước Việt. Ngài thu nhận Đông Kiên Cương làm đệ tử, sau này được đặt hiệu là Pháp Loa nhị tổ. Nhị tổ truyền cho Huyền Quang tam tổ. Về sau được giới Phật tử tôn xưng Trúc Lâm tam tổ.

Những tác phẩm của Ngài gồm có:

- Thiền Lâm Chỉ Ngữ Lục.

- Trúc Lâm Hậu Lục.

- Thạch Thất My Nữ.

- Đại Hương Hải Ấn Thi Tập...

Những tác phẩm này đã mất mát nhiều, nay chỉ còn 28 bài thơ chữ Hán, một bài kí, hai bài văn Nôm là Cư Trần Lạc Đạo Phú và Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca.

III. Viên Tịch

Ngày mồng một tháng giêng năm Mậu Thân (1308, Ngài 51 tuổi), Hương Vân Đại Đầu Đà ủy thác cho Pháp Loa kết hạ chùa Báo Ân. Từ đó, Ngài đi khắp núi non. Đến ngày 21/10, bầu trời âm đạm, gió rít thê lương, tuyết phủ đầy cỏ, Ngài bảo đồ chúng: **“Thời tiết đã đến, có lẽ ta sắp đi!”**

Đêm 01/11, sao trời lại tỏ. Hương Vân hỏi:

“Bây giờ là giờ gì?”

Thị giả Báo Sát thưa:

“Giờ Tý”.

Hương Vân đưa tay ra hiệu mở cửa sổ, Ngài nhìn trăng và nói:

“Giờ này ta đi!”

Báo Sát hỏi:

“Tôn Đức đi đâu?”

Hương Vân bảo:

“Tất cả pháp chẳng sinh

Tất cả pháp chẳng diệt

Nếu hiểu được như thế

Chư Phật thường hiện tiền

Đâu có gì đi lại.”

Bảo Sát hỏi:

“Nếu như không diệt thì sao?”

Hương Vân lấy tay che miệng Bảo Sát, bảo:

“Chớ nói mê!”

Nói xong, Ngài nằm theo thế sư tử an nhiên viên tịch, thọ 51 tuổi. Niên hiệu Long Hưng thứ 16, năm 1308, được tin Điều Ngự viên tịch, vua Anh Tông cùng đình thần lên núi Ngọa Vân đánh lễ, rồi nghênh đón ngọc cốt và xá lợi rước về kinh đô. Cả nước để tang trong 15 ngày, toàn dân đều cầu nguyện.

Khi tang lễ xong, vua Anh Tông dâng tôn hiệu cho Hương Vân Đại Đầu Đà là Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Phật Tổ.

Ngọc cốt tôn trí tại lăng Quy Đức, phủ Hưng Long. Xá lợi chia làm hai phần, một phần dựng vào tháp bảo và một phần dựng vào bảo tháp chùa Vân Yên, núi Yên Tử. Vua Anh Tông đúc tượng Điều Ngự Giác Hoàng bằng vàng, một thờ ở chùa Báo Ân, một thờ ở chùa Vân Yên.



Khu di tích Am Ngọa Vân, Đông Triều, Quảng Ninh - Ảnh

II - MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ, PHÚ, BÀI GIẢNG, VĂN XUÔI, TỜ BIỂU CỦA VUA TRẦN NHÂN TÔNG

(Những tài liệu trong phần này được trích trong Toàn tập Trần Nhân Tông của tác giả Lê Mạnh Thát)

Thơ

Dự Yến Với Văn Túc Vương

Chân rùa bóc đỏ mọng

Yên ngựa nướng vàng thơm

Sơn tăng giữ giới sạch

Cùng ngồi chẳng cùng ăn.

Mạn Hứng Ở Sơn Phòng

Ai buộc mà đi giải thoát tìm?
Không phạm sao phải kiếm thần tiên
Vượn mồn, ngựa mỗi ta già phải.
Như cũ am mây một sập thiền
Phải trái tâm theo hoa sớm rơi
Lợi danh lòng lạnh mưa đêm rồi
Hoa tàn, mưa tạnh non im ắng
Một tiếng chim kêu xuân hết thôi.

Ca Ngợi Thượng Sĩ Tuệ Trung

Nhìn lên càng cao
Dùi càng bén cứng
Chợt ở phía sau
Thấy liền trước đứng
Cái đó gọi là
Thiền Thượng sĩ vững.

Đề Chùa Thôn Hương Cổ Châu

Số đời một màn kéo,
Tình người đôi mắt ngân.
Cung ma chật hẹp lắm,
Cõi Phật khôn xiết xuân.

Thân Như

Thân như hơi thở vào ra mũi

Thế tựa gió lườn mây núi xa

Đỗ quyên rền rĩ trăng ngày sáng

Đừng để tầm thường xuân luống qua

Kệ Thị Tịch

Hết thấy pháp không sinh

Hết thấy pháp không diệt

Nếu hay hiểu như vậy

Chư Phật thường trước mặt

Đến đi sao có đây.

II. Phú

Phú Cư Trần Lạc Đạo

Hội Thứ Nhất

Mình ngồi thành thị;
Nết dưng sơn lâm.
Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tính;
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.
Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý;
Thị phi tiếng lạng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.
Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý;
Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ nằng mấy chủ tri âm.
Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng;
Liễu mềm hoa tốt, ngắt quần sinh tuệ nhật sâm lâm.
Lo hoán cốt, ước phi thăng, đan thần mới phục;
Nhắm trường sinh, về thượng giới, thuốc thỏ còn đàm.
Sách Dịch xem chơi, yêu tính sáng yêu hơn châu báu;
Kinh nhàn đọc dẫu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim.

Hội Thứ Hai

Biết vậy!
Miễn được lòng rồi;
Chẳng còn phép khác.
Gìn tính sáng tính mới hầu an;
Nén niềm vọng, niềm dưng chẳng thác.
Dứt trừ nhân ngã, thì ra tướng thực kim cương;

Dừng hết tham sân, mới lấu lòng màu viên giác.

Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây Phương;

Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc.

Xét thân tâm, rèn tính thức, há rằng mong quả báo phô khoe;

Cầm giới hạnh, địch vô thường, nào có sá cầu danh bán chác.

Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thuở đắng cay;

Vận giấy vận sồi, thân căn có ngại chi đen bạc.

Nhược chửn vui bề đạo đức, nửa gian lều quý nửa thiên cung;

Dầu hay mẩn thuở nhân nghi, ba phiến ngói yêu hơn lầu gác.

Hội Thứ Ba

Nếu mà cớ,

Tội ắt đã không.

Phép học lại thông.

Gìn tính sáng, mưa lạc tà đạo;

Thừa mình học, cho phải chính tông.

Chửn bựt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã tổ;

Vong tài đối sắc, ắt tìm cho phải thói Bàng công.

Áng tư tài, tính sáng chẳng tham, há vì ở Cánh Điều Yên Tử;

Rần thanh sắc, niềm dưng chẳng chuyển, lộ chi ngòi am Sạn non Đông.

Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc

Sơn lâm chẳng cớ, họa kia thực cả đồ công.

Nguyên mong thân cận minh sư, quả bồ đề một đêm mà chín;

Phúc gặp tình cờ tri thức, hoa ưu đàm mấy kiếp đơm bông.

Hội Thứ Tư

Tin xem:

Miễn cốc một lòng;

Thì rồi mọi hoặc.

Chuyển tam độc mới chứng tam thân;

Đoạn lục căn, nên trừ lục tặc.

Tìm đường hoán cốt, chử xá năng phục được luyện đan;

Hỏi phép chân không, hề chi lánh ngại thanh chấp sắc.

Biết chân như, tin bát nhã, chớ còn tìm Phật tổ Tây Đông;

Chứng thực tướng, ngộ vô vi, nào nhọc hỏi kinh Thiền Nam Bắc.

Xem tam tạng giáo, ắt học đòi thiền uyển thanh quy;

Đốt ngũ phận hương, chẳng tốn đến chiêm đàn chiêm bặc.

Tích nhân nghi, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích Ca;

Cầm giới hạnh, đoạn xan tham, chử thực ấy là Di Lặc.

Hội Thứ Năm

Vậy mới hay!

Bụt ở trong nhà;

Chẳng phải tìm xa.

Nhân khuấy bốn nên ta tìm bụi;

Đến cốc hay chử bụi là ta.

Thiền ngộ năm câu, nằm nhãng cong quê Hà Hữu;

Kinh xem ba biển, ngồi ngời mái quốc Tân La.

Trong đạo nghĩa, khoáng cơ quan, đà lọt lẩn trường kinh cửa tổ;

Lánh thị phi, ghê thanh sắc, ngại chơi bời dậm liễu đường hoa.

Đức bụi từ bi, mong nhiều kiếp nguyên cho thân cận;

Ớn Nghêu khoáng cả, lọt toàn thân phô việc đã tha.

Áo miễn chần đầm ấm qua mùa, hoặc chằm hoặc xể;

Cơm cùng cháo đói no đòi bữa, dầu bạc dầu thoa.

Ngăn bát thức, non bát phong, càng đề càng bội;

Lấy tam huyền, nong tam yếu, một cất một ma.

Cầm vốn thiếu huyền, xá đàn dấu xoang vô sinh khúc;

Địch chẳng có lỗ, cũng bấm chơi xướng thái bình ca.

Lấy cội tìm cành, còn khá tiếc Câu Chi trưởng lão;

Khuấy dầu chấp bóng, ắt kham cười Diễn Nhã Đạt Đa.

Lọt quyền kim cương, há mặc hầu thông nên nóng

Nuốt bằng lật cút, nào tay phải xước tượng da.

Hội Thứ Sáu

Thật thế!

Hãy xá vô tâm;

Tự nhiên hợp đạo.

Dừng tam nghiệp mới lặng thân tâm;

Đạt một lòng thì thông tổ giáo.

Nhận văn giải nghĩa, rạc rài nên thiền khách bơ vơ;

Chứng lý tri cơ, cứng cát phải nạp tăng khôn khéo.

Han hữu lậu, han vô lậu, bảo cho hay: the lọt, duộc thưng;

Hỏi đại thừa, hỏi tiểu thừa, thừa thẳng tắt: lời tiền, tơ gáo.

Nhận biết lâu lâu lòng vốn, chẳng ngại bề thời tiết nhân duyên;

Dồi cho vạc vạc tính gương, nào có nhuộm căn trần huyền não,

Vàng chữa hết quặng, xá tua chín phen đúc chín phen rèn;

Lộc chẳng còn tham, miễn được một thì chay một thì cháo.

Sạch giới lòng, dồi giới tướng, nội ngoại nên bồ tát trang nghiêm;

Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu.

Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân;

Học đạo thờ thầy, lột xương óc chưa thông của báo.

Hội Thứ Bảy

Vậy mới hay:

Phép bụt trọng thay;

Rèn mới cốt hay.

Vô minh hết, bồ đề thêm sáng;

Phiền não rồi, đạo đức càng say.

Xem phỏng lòng kinh, lời bụt thốt dễ cho thấy dấu;

Học đòi cơ tổ, xá thiền không khôn chút biết nay (nơi).

Cùng căn bản, rửa trần duyên, mưa để mấy hào ly đương mặt;

Ngã thẳng chàng, viên tri kiến, chớ cho còn họa giữa cong tay.

Buông lửa giác ngộ, đốt hoại thấy rừng tà ngày trước;

Cầm kiếm trí tuệ, quét cho không tính thức thuở nay.

Vâng ơn thánh, xót mẹ cha, thờ thầy học đạo;

Mến đức cồ, kiêng bụi ngọt, cầm giới ăn chay.

Cảm đức từ bi, để nhiều kiếp nguyên cho thân cận;

Đội ơn cứu độ, nát muôn thân thà chịu đắng cay.

Nghĩa hãy nhớ, đạo chẳng quên, hương hoa cúng xem còn nên thảo;

Miệng rằng tin, lòng lại lổi, vàng ngọc thờ cũng chứa hết ngay.

Hội Thứ Tám

Chung ấy:

Chỉn xá tua rèn;

Chớ nên tuyệt học.

Lay ý thức, chớ chấp chằng chằng;

Nén niềm vọng, mưa còn xóc xóc.

Công danh mảng đằm, ấy toàn là những đũa ngậy thơ;

Phúc tuệ gồm no, chĩnh mới khá nên người thực cốc.

Dựng cầu đồ, dồi chiến tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu;

Săn hỷ xả, nhuộm từ bi, nội tự tại kinh lòng hằng đọc.

Rèn lòng làm bột, chĩnh xá tua một sức dồi mài;

Đãi cát kén vàng, còn lại phải nhiều phen lựa lọc.

Xem kinh đọc lục, làm cho bằng thừa thấy thừa hay;

Trọng bột tu thân, dùng mưa lỗi một tơ một tóc.

Cùng nơi ngôn cú, chĩnh chẳng hề một phút ngại lo;

Rất thừa cơ quan, mưa còn để tắm hơi lọt lọc.

Hội Thứ Chín

Vậy cho hay:

Cơ quan tổ giáo;

Tuy khác nhiều đàng

Chẳng cách mấy gang.

Chĩnh xá nói từ sau Mã tổ;

Ắt đã quên thuở trước Tiêu Hoàng.

Công đức toàn vô, tính chấp si càng thêm lỗi;

Khuếch nhiên bất thức, tai ngu mảng ắt còn vang.

Sinh Thiên Trúc, chết Thiếu Lâm, chôn đối chân non Hùng Nhĩ;

Thân bồ đề, lòng minh kính, bài giờ mặt vách hành lang.

Vương lão chém mèo, rạt thấy lòng ngựa thủ tọa;

Thầy hồ khua chó, trở xem trí nhẹ con giàng.

Chợ Lư Lăng gạo mắc quá ư, chẳng cho mà cả;

Sở thạch đầu đá trơn hết tấc, khôn đến thừa đang.

Phá Táo cắt cò, đập xuống dấu thiêng thần miếu;

Câu Chi dòi ngón, dùng đòi nếp cũ ông ang.

Lưỡi gươm Lâm Tế, nạng Bí Ma, trước nạp tăng no dầu tự tại;

Sư tử ông Đoan, trâu thầy Hựu, răn đàn việt hươm xá nghênh ngang.

Giơ phẩn tử, cất trúc bễ, nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẫ;

Xô hòn cầu, cầm mộc thực, bạn thiền hòa chúc móc khoe khoang.

Thuyền Tử rà chèo, dòng xanh chữa cho tịnh tẩy;

Đạo Ngô múa hốt, càn ma đường thấy quái quàng.

Rồng Yểm Lão nuốt càn khôn, ta xem chĩnh lệ;

Rắn ông Tồn ngang thế giới, người thấy ắt dang.

Cây bách là lòng, thác ra trước phải phương Thái Bạch;

Bính đình thuộc hỏa, lại trở sau lối hướng Thiên Cang.

Trà Triệu Lão, bánh Thiều Dương, bày thiền tử hãy còn đói khát;

Ruộng Tào Khê, vườn Thiếu Thất, chúng nạp tăng những để lưu hoang.

Gieo bó củi, nẩy bông đèn, nhân mang mới nết;

Lộc đào hoa, nghe tiếng trúc, mặc vẻ mà sang.

Hội Thứ Mười

Tượng chúng ấy,

Cốc một chân không;

Dùng đòi căn khí.

Nhân lòng ta vương chấp khôn thông;

Há cơ tổ nay còn thừa bí.

Chúng tiểu thừa cốc hay chữa đến,

Bụt xá ngăn Bảo sở hóa thành;

Đấng Thượng sĩ chứng thực mà nên, ai ghẻ có sơn lâm thành thị.

Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao;

Chiền vắng am thanh, chốn thực cảnh đạo nhân du hí.

Ngựa cao tán cả, diêm vương nào kể đũa ghênh ngang;

Gác ngọc lầu vàng, ngực tốt thiếu chi người yêu quý.

Chuộng công danh, lòng nhân ngã, thực ấy phàm phu;

Say đạo đức, dòi thân tâm, định nên thánh trí.

Mày ngang mũi dọc, tướng tuy lạ xem ắt bằng nhau;

Mắt thánh lòng phàm, thực cách nhẩn vãn vãn thiên lý.



Kệ Răng:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

(Ở đời vui đạo, hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm

Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền.)



III. Bài giảng

Bài Giảng Tại Viện Kỳ Lân

Ngày mồng 9 tháng Giêng nhuận năm Bính Ngọ (1306), Trúc Lâm đại tôn giả đến viện Kỳ Lân khai đường, chỉ pháp tòa nói:

- Tòa này là giường mây khúc lục, là tòa báu kim nghê. Ngồi đây đoán định lời lẽ Phật tổ thì thật rất chật hẹp.

Bèn niệm hương:

Một nén hương này,

khói lành thơm phức,

khí tốt bay lên,

ngưng đọng năm phần pháp thân,

biến khắp mười phương lễ diệu.

Sức nóng lò hương dâng lên mười phương ban phúc, chín miếu ứng thiêng, tuổi vua lâu bền, ngôi trời vững chãi.

Một nén hương này,

trong sạch rể mầm,

hiếm lạ giống tính,

không mượn sức bón vun,

toàn nhờ xông thấy biết.

Sức nóng lò hương vâng xin mưa thuận gió hòa,

nước thái dân yên,

trời Phật thêm sáng,

xe pháp thường quay.

Một nén hương này,

nướng cũng không chín,

đốt cũng không cháy,

gỗ vào không mở,

kéo lại không đến,

ngó trộm thì con người khô kiệt,

ngủ thử thì cửa não tét đôi.

Sức nóng lò hương dâng lên Vô Nhị thượng nhân,

Tuệ Trung đại sĩ,

mưa pháp ơn nhuần,

cháu con đều gọi.

Thượng hoàng đến tòa giảng,

khi thăng đường,

thượng thủ đánh bảng...

Sư nói:

- Đại chúng, nếu nhắm vào chân lý thứ nhất mà nói, động niệm tức sai, mở miệng là bậy, thì làm sao hiểu chân lý, làm sao hiểu quán tưởng? Hôm nay, hãy căn cứ vào chân lý thứ hai mà nói, thế có được không nào?

Rồi sư ngoảnh nhìn tả hữu, nói:

- Ở đây chẳng có người nào có đủ được con mắt to lớn hay sao. Nếu có, hai đóa lông mày không mất một mảy may. Nếu không, bản đạo không khỏi cái miệng lầm rầm, đưa ra những lời thừa rách nát sáo mòn. Nhưng vì các người, xin lấy ra một phần hổ lột. Hãy lắng nghe, lắng nghe.

Này xem, đạo lớn trống rỗng, đâu buộc đâu ràng, bản tính sáng trong, chẳng lành chẳng dữ. Bởi do chọn lựa, lăm ngả sinh ngang, một giây thoáng mờ, dễ thành trời vực. Thánh phàm cùng chung một lối, phải trái há được phân ranh. Nên biết tội phước vốn không, nhân quả rất ráo chẳng thật. Người người vốn đủ, ai nấy tròn đầy. Phật tính pháp thân như hình với bóng, lúc ẩn lúc hiện, chẳng dính chẳng rời. Lỗ mũi thẳng xuống cửa mặt, lông mày vắt ngang hố mắt, há dễ tìm thấy được đâu?

Nên hãy đi tìm cái đạo không thấy. Ba ngàn pháp môn cùng về tắc dạ. Hà sa diệu dụng thấy tại nguồn tâm. Cái gọi là giới môn, định môn, tuệ môn, các người không thiếu. Nên trở về mà tự nghĩ suy. Phàm những tiếng ho hắng, mày dương mắt nháy, tay cầm chân bước, đó là tính gì? Biết được tính đó là tâm gì, tâm tính rõ thông thì cái gì đúng, cái gì là không đúng?

Pháp tức là tính, Phật tức là tâm. Tính nào chẳng phải là pháp? Tính nào chẳng phải là Phật.

Tức tâm tức Phật, tức tâm tức pháp, pháp vốn chẳng pháp. Tức pháp tức tâm, tâm vốn chẳng tâm, tức tâm tức Phật. Nay các người, thời gian dễ trôi qua, mạng người không dừng lại. Có sao ăn cháo ăn chay mà không rõ việc cái bát cái tô, chiếc thìa đôi đũa để tìm hiểu?

Bấy giờ có vị tăng bước ra, nói:

Ăn cơm mặc áo, tầm thường việc

Sao phải quan tâm để phát ngờ.

Bèn lạy xuống, rồi đứng lên hỏi:

- Cõi thiền vô dục thì không hỏi. Cõi dục không thiền, xin nói cho một câu.

Sư đưa tay chỉ vào khoảng không.

Lại đứng lên hỏi:

- Dùng đòn dãi người xưa để làm gì?

Sư nói:

- Mỗi lần nêu ra, một lần mới.

Lại đứng lên hỏi

- Người xưa đều nói như thế nào là Phật, như thế nào là pháp, như thế nào là tăng. Chỉ như thế nào ấy thì việc thế nào?

Sư đáp:

- Như thế nào. Việc như thế nào.

Lại đứng lên nói:

Không dây đàn gảy tri âm ít

Cha đánh con nghe, cách điệu cao...

Một hôm, sư nghe đồ đệ tụng kinh, bèn hỏi:

- Chúng làm gì thế?

Có tăng đi ra, thưa:

- Chúng niệm Phật tâm.

Sư nói:

Nếu bảo là tâm

Tâm tức không Phật.

Nếu bảo là Phật

Phật tức không tâm.

Thì gọi cái gì là tâm?

Tăng không nói.

Lại hỏi một vị tăng:

- Chúng đang làm gì?

Tăng đáp:

- Niệm Phật.

Sư nói:

- Phật vốn vô tâm thì niệm cái gì?

Lại đứng lên nói:

- Niệm việc đó.

Sư hỏi:

- Việc đó là việc gì?

Lại đứng lên nói:

- Không biết.

Sư nói:

- Ông đã không biết, thì người nói đó là ai?

Vị Tăng không đáp lời.

Lỗ kiến vỡ đê

Mây bụi che mắt

Một hạnh vừa mất
Trăm hạnh đổ theo.
Trân trọng...



ĐỨC VUA TRẦN NHÂN TÔNG

Trên đường vi hành, người hành khất bên đường đang đói rét, Ngài đã dừng ngựa và cúi xuống thăm hỏi

IV. Văn xuôi

Hành Trạng Của Thượng Sĩ Tuệ Trung

Thượng sĩ là con trai đầu lòng của Khâm Minh Từ Thiện Thái Vương và anh cả của Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng thái hậu. Khi Thái vương mất, Hoàng đế Trần Thái Tông cảm nghĩa, phong cho tước Hưng Ninh Vương.

Thuở nhỏ, Thượng sĩ bẩm tính thanh cao, nổi tiếng thuần hậu, được giao trấn giữ quân dân ở

lộ Hồng. Hai lần giặc Bắc xâm lược, có công với nước, lần hồi được thăng chuyển giữ chức Tiết độ sứ vùng biển trại Thái Bình.

Con người Thượng sĩ khí lượng thâm trầm, phong thái nhàn nhã, từ tuổi trẻ chớm rất mến cửa không. Đến tham vấn thiền sư Tiêu Dao ở Phúc Đường, lĩnh hội yếu chỉ, bèn dốc lòng thờ làm thầy, ngày ngày chỉ lấy niềm vui thiền làm thích, không hề vì công danh mà trở ngại. Rồi lui về sống ở phong ấp Tịnh Bang, đổi làm hương Vạn Niên.

Thượng sĩ cùng đời hòa quang, chưa từng đụng chạm người vật nên hay mạnh nổi giống pháp, dù dẫu sơ cơ. Ai tìm đến hỏi, Người cũng chỉ bảo cho biết điều cương yếu, khiến họ trụ tâm, mặc tính hành tàng, không mắc danh thực.

Đức Dụ Lăng mộ tiếng từ lâu, sai sứ vờ vào cửa khuyết. Phàm những lời hầu chuyện nhà vua đều là siêu tục. Nhân thế, vua suy tôn làm sư huỳnh và ban cho tên hiệu hiện nay.

Một lần vào chầu, Thái hậu làm tiệc lớn đãi, Người gặp thịt cứ ăn. Thái hậu lấy làm lạ hỏi rằng: “Anh tu thiền mà ăn thịt thì thành Phật sao được?”. Thượng sĩ cười đáp: “Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật cũng chẳng cần làm anh. Em chẳng nghe Cổ Đức nói Văn Thù là Văn Thù, giải thoát là giải thoát đó sao?”

Khi Thái hậu qua đời, đức Dụ Lăng trai tăng ở cung cấm. Nhân khi khai đường thuyết pháp, bèn mời danh tăng bốn phương mỗi người làm một bài kệ ngắn để bày tỏ kiến giải của mình. Nhưng thấy đều “ngầu bùn sũng nước” chưa có chỗ ngộ. Đức Dụ Lăng bèn đem giấy đến cho Thượng sĩ. Thượng sĩ viết một hơi xong bài tụng tự thuật như sau:

Kiến giải bày kiến giải

Tựa dụi mắt làm quái

Dụi mắt làm quái rồi

Sáng sửa thường tự tại.

Đức Dụ Lăng xem xong, viết tiếp:

Sáng sửa thường tự tại

Cũng dụi mắt làm quái

Thấy quái không thấy quái

Quái kia liền tự hoại.

Thượng sĩ rất tâm phục bài kệ ấy. Tới khi Đức Dụ Lăng ốm, Thượng sĩ viết thư hỏi bệnh. Mở ra xem, Đức Dụ Lăng viết kệ trả lời, có câu:

Mực nồng khí nóng mồ hôi đầm

Quần mẹ sinh ta ướt chửa từng.

Thượng sĩ đọc bài kệ, than thở giây lâu. Đến khi Đức Dụ Lăng trở bệnh nặng, Thượng sĩ tất tả tới cửa khuyết thì nhà vua đã quy tiên rồi.

Nay ta cũng nguyện đội ơn dạy dỗ của Thượng sĩ. Trước đây, khi ta chưa xuất gia, gặp lúc cư tang Nguyên Thánh mẫu hậu, nhân đó có đi thỉnh Thượng sĩ. Người trao cho hai bộ ngữ lục của Tuyết Đậu và Dã Hiên. Ta cho người sống quá tục, sinh ngờ vực, bèn làm ra vẻ ngây thơ hỏi: “Chúng sinh quen cái nghiệp uống rượu và ăn thịt thì làm sao tránh được tội báo?”. Thượng sĩ liền giảng giải rằng: “Giả thử có một người đứng quay lưng lại, thành linh có nhà vua đi qua phía sau, người kia không biết, hoặc ném vật gì vào người vua, người ấy có sợ chẳng? Vua có giận chẳng? Như thế thì biết rằng hai việc không liên quan gì đến nhau vậy. “Nói rồi Thượng sĩ đọc hai bài kệ:

Vô thường các pháp hành

Tâm ngờ tội liền sanh

Xưa nay không một vật

Chẳng mong cũng chẳng mầm.

Ngày ngày khi đối cảnh

Cảnh cảnh từ tâm ra

Xưa nay không tâm cảnh

Chốn chốn thấy bờ kia.

Ta lĩnh ý, giây lâu bèn nói: “Tuy là như thế, nhưng tội phúc đã rõ ràng thì làm thế nào?”. Thượng sĩ lại đọc tiếp bài kệ để chỉ bảo:

Ăn cỏ và ăn thịt

Chúng sinh mỗi có thức

Xuân về muôn cỏ sinh

Chỗ nào thấy tội phúc.

Ta nói: “Nếu vậy thì công phu giữ giới trong sạch không chút xao lãng là để làm gì?”. Thượng sĩ cười mà không đáp. Ta cố nài. Thượng sĩ lại đọc tiếp hai bài kệ để ấn chứng cho ta:

Trì giới và nhẩn nhục

Chuồn tội chẳng chuốc phúc

Muốn biết không tội phúc

Đừng trì giới nhẩn nhục

Như khi người leo cây

Đang yên tự tìm nguy

Như người không trèo nữa

Trăng già làm được gì.

Đoạn người dặn kín ta: “Chớ có bảo cho người không đáng bảo.” Vì vậy, ta biết môn phong của Thượng sĩ thật là siêu việt.

Một hôm, ta hỏi người về tôn chỉ công việc mình. Thượng sĩ ứng khẩu đáp: “Hãy quay nhìn lại công việc của chính bản thân mình chứ không tìm đâu khác được”. Ta bỗng bừng tỉnh con đường phải đi, bèn xốc áo, thờ làm thầy.

Ôi! Thượng sĩ là người thần thái nghiêm trang, cử chỉ đĩnh đạc. Bàn huyền thuyết diệu như gió mát trăng thanh.

Đương thời thạc đức các phương, có người cho Thượng sĩ tin sâu biết rõ, làm ngược làm xuôi, thật khó mà lường được.

Sau, Người nhuộm bệnh ở trang Dưỡng Chân, không ở phòng riêng, mà cho kê một chiếc giường gỗ giữa ngôi nhà trống, nằm theo thế cát tường, nhắm mắt mà tịch. Người hầu hạ và thê thiếp trong nhà khóc rống lên. Thượng Sĩ mở mắt ngồi dậy, gọi người lấy nước rửa tay, súc miệng, đoạn quở nhẹ rằng: “Sống chết là lẽ thường, làm gì phải xót thương quyến luyến làm rối chân tính của ta?”. Dứt lời, Người êm thắm mà tịch. Bấy giờ là ngày mồng một tháng tư năm Tân Mão, niên hiệu Trùng Hưng năm thứ bảy, hưởng thọ 62 tuổi.

Ta thân đến nhà làm lễ viếng và làm bài thiêu hương báo ân tụng, nhưng không chép ra đây. Sau khi nối đạo, những lúc lên đàn thuyết pháp, ta tự nghĩ có bốn điều ân nặng, sửa pháp khó đền nên sai thợ vẽ chân dung của người để dâng cúng, và tự làm bài tụng, ghi rằng:

Đây bậc cổ chùy

Người đâu dễ vẽ

Thước góc Lương hoàng

Mõ chuông Thái đế

Hay tròn hay vuông

Mỏng dày đủ vẻ

Biến pháp một người

Rừng thiền ba phía.

V. Tờ Biểu

Tờ Biểu Xin Đại Tạng Kinh

Họ Trần nước An Nam dâng biểu xin Đại Tạng kinh:

Thần ở Viêm hoang, lâu theo đấng Giác, mãi nhớ bối diệp, truyền tự Trung Hoa. Vào thời Đường Tống, từng có ngựa trắng chở sang. Ngày đại binh kéo đến thì đã hoá nên tro tàn. Thở than chẳng thấy văn kinh, ý sâu rốt cuộc khó tìm, như vào nhà tối mà không đuốc tuệ, như vượt bể khổ mà thiếu thuyền từ. Nghĩ đến tiểu quốc thiếu kinh Đại Tạng, nếu không cầu thỉnh ở thượng quốc thì lấy đâu mở lối cho quần sinh.

Kính nghĩ, hoàng đế bệ hạ là vua Nghiêu Thuấn đương thời, là Phật Thích Ca tái thế, lấy sự độ người giúp vật làm tâm, cho việc rộng ban cứu chúng là lòng. Tiếng ngọc may không giữ kín, tạng báu mong được mở toang. Từ trời mà xuống, ban cho một vạn năm trăm ngàn hơn cuốn kinh, vượt biển về Nam, cứu ức triệu người dân khổn khổ. Công đức ấy hơn công đức trước, quảng đại vô biên. Thánh nhân nay là thánh nhân xưa, lưu truyền có thể.



AM NGỌA VÂN

Dãy núi Yên Tử - Đông Triều - Quảng Ninh

Nơi hơn 700 năm trước, Đức Điều Ngự giác hoàng Trần Nhân Tông viên tịch

III - NHỮNG BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ DUY TUỆ VỀ VUA - PHẬT TRẦN NHÂN TÔNG

Bài Học Sống Đạo

Có vị giáo sư nước ngoài hỏi tôi rằng:

Vua Trần Nhân Tông chủ trương “Cư trần lạc đạo”

Sao Ngài lại xuất gia chạy theo hình tướng?

Tôi thưa rằng:

Ai muốn hiểu rõ việc ấy

Thì cần nghiên cứu và ứng dụng hành trạng của Ngài.

Tôi sẽ nói vài tác dụng xuất gia của Ngài

Về bài học quý báu sống đạo của Ngài

Bài học về tình thương, về trí tuệ siêu việt

Về cuộc sống giải thoát

Bài học hoàn thành xuất sắc trong các vai diễn xuất

diệu dụng tùy duyên.

Việc sống đạo của Trần Nhân Tông có những

giá trị to lớn thực sự.

Giá trị từ hình tướng xuất gia và giá trị từ

nội lực của Ngài.

Ngài Trần Nhân Tông là vị vua nhà Trần đặc biệt

Bản lĩnh không khuất phục Bắc Triều

Đoàn kết hoàng tộc, toàn quan, toàn quân, toàn dân

hai lần đánh thắng Nguyên Mông

Sau đó hiện tướng xuất gia sống đạo

Đem ánh đạo vàng gieo rắc khắp nhân gian.

Ai bỏ được cái khó bỏ nhất

Người ấy thật sự có nội lực đặc biệt, nội lực giải thoát

Trần Nhân Tông nhường ngai vàng lúc mới ba mươi sáu tuổi

Từ biệt hoàng hậu, cung phi, các hoàng tử, công chúa

và cuộc sống đế vương

Khoác áo nhà sư hoằng chuyển pháp luân vô thượng

Sống hạnh Đầu Đà dạy dân tri túc.

Thông thường các hoàng tử của triều đình

Ở địa vị cao sang khó có thể nhận được chân lý của đạo

Cũng khó có thể thuận theo ý chỉ hành đạo

của phụ hoàng

Ngài đi tu sống đạo giúp cho họ chuyển động nội tâm

Các hoàng tử cũng dễ theo gương đạo đức của Ngài

Ngay trong xã hội bây giờ khắp cả hành tinh

Việc giáo dục gia đình theo truyền thống đạo đức

cũng là vấn đề nan giải

Thường thì các bậc cha mẹ

Ít thể hiện tình thương chuẩn mực hướng đến đạo đức

Tạo hạnh phúc cho gia đình và xã hội

Cuộc sống đạo đức dần dần suy thoái.

Họ chỉ thể hiện khả năng lanh lợi của mình dẫn đến

vô minh chấp ngã

Thể hiện thành đạt cái khôn của trí óc

Họ không biết như vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến
con cái như thế nào

Họ không biết những thứ ấy kết cuộc sẽ đem đến cho
gia đình, cho xã hội băng hoại

Chính họ cũng không biết cuối cùng họ sẽ về đâu

Để che dấu sự không biết ấy, họ cứ húc đầu vào mãi

Hậu quả trầm trọng như vậy

Vì họ thiếu phước duyên tiếp cận với các bậc thầy.

Họ khổ vì thiếu tiền

Họ khổ vì nhiều tiền

Họ khổ vì chưa thỏa mãn danh

Họ khổ vì cái danh đang có

Họ khổ vì đại

Họ cũng khổ vì quá khôn

Họ khổ vì chưa có sự nghiệp

Rồi họ khổ vì có sự nghiệp ấy cột chặt cuộc đời

Chưa có thì khổ đau ngơ ngác kiếm tìm

Có rồi thì khổ đau vì gìn giữ lo âu

Cuối cùng họ chẳng biết về đâu

Chẳng biết sống như thế nào để được yên vui,
hạnh phúc.

Cha mẹ đã như vậy, còn con cái thì sao đây?

Chỉ khi nào hiểu được, trải nghiệm được chân lý của đạo

Hiểu được chân lý cuộc đời

Mọi khát vọng sẽ dừng lại và tan vỡ

Trí tuệ giải thoát sẽ ngự trị

Tình yêu sẽ tuôn trào

Cảnh đau khổ trước đó, bây giờ là Niết Bàn,

là thiên đàng an lạc

Lúc bấy giờ nội lực người ấy sẽ ảnh hưởng

những người chung quanh

Nội lực an lạc sẽ tác động cho môi trường an lạc.

Hoàng tộc cũng có nhiều vấn đề mâu thuẫn, phức tạp

Khó ai có thể thỏa mãn trong cương vị của mình

Lòng họ cũng nhiều sân hận, lo âu

Ngài là bậc đế vương tối thượng

Lại từ bỏ tất cả khoác áo tu hành, sống đời đơn giản

Tất nhiên có tác động tốt cho đạo đức của hoàng gia.

Hoàng tộc nào trên thế gian này cũng lắm điều bi đát

Lòng tham lam và sân hận ngập tràn

Đầu óc họ nghĩ đến chiếm đoạt cho nhiều

Lòng họ luôn sân hận vì chưa thỏa mãn.

Nhưng khi một vị hoàng đế oanh liệt, đức độ như Ngài

Buông tất cả để sống đời đạo hạnh

Không lẽ hoàng tộc không chuyển lòng?

Trong trường hợp họ không chuyển được

Thì ít ra họ cũng dần cơn tham sân chút đỉnh

Một chút đỉnh thôi triều đình cũng êm ấm

Nhân dân trong nước cũng được nhờ.

Bậc đế vương và hoàng tộc chuyển tâm đạo đức

Không lẽ quan quân có thể khác được sao?

Họ cũng chuyển tâm theo con đường đạo đức

Quan quân mà đạo đức thì nhân dân phước báu biết bao

Đất nước mới thực sự hạnh phúc an vui!

Toàn dân bấy giờ đều hướng về Phật giáo

Mỗi xã một ngôi chùa

Cũng là nơi sinh hoạt văn hóa của nhân dân

Ngài dạy cho nhân dân thực hành các điều thiện

Và dạy cho họ giữ gìn năm giới

Phật răn Không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, rượu chè,

hút xách và nói dối

Ngài dạy cho dân phải biết an cư lạc nghiệp

Ngài còn đem vàng bạc của triều đình

Phát chẩn cho những người dân thiếu đói

Ngài khuyến khích mọi người sản xuất và tái thiết

đất nước sau chiến tranh

Ngài sống đạo mà nhân dân no ấm

Nếu ai cũng sống đạo, hành đạo theo Ngài thì dân

lợi biết bao.

Lúc bấy giờ tăng đoàn đông quá

Mà sản xuất của nhân dân có hạn

Thì lấy đâu mà nuôi nổi những người xuất gia

Xuất gia tu hành đâu phải là không tốn kém

Tiền xây chùa, tiền ăn học thuốc men

Mỗi năm phí tổn biết bao nhiêu tiền của!

Nên Ngài đã chủ trương thanh lọc

Chỉ để lại ít thôi

Muốn tu thì ở đâu mà chẳng được

Đất nước đang nghèo, độc lập bấp bênh

Vậy nên giải thoát phải đi liền với no cơm ấm áo

Và độc lập chủ quyền Tổ Quốc

No cơm ấm áo, an ninh quốc gia và xã hội

Là nền tảng cơ bản cho cuộc sống giải thoát

Ngài đã hướng việc tu hành của tu sĩ theo hướng ấy.

Đạo nằm ngay tại mỗi hành động no cơm ấm áo

Đạo nằm ngay tại hành động bảo vệ đời sống hòa bình

Đạo không nằm trong tụng kinh gõ mõ,

trì chú ngồi thiền

Đạo của Ngài và Ngài sống đạo như vậy đó.

Nếu tu được như Ngài thì thật sự mới gọi là tu

theo đạo Phật

Cuộc đời chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường

Như một con nước trên một dòng sông

Luôn biến đổi và mãi mãi đổi thay

Từng con nước gắn liền nhau thành một dòng chảy

liên tục.

Cuộc đời là dòng chảy liên tục

Dòng đời và thời gian quyện vào nhau luân chuyển

Vậy nên ta phải có ý thức trách nhiệm với cả một

dòng đời

Ta sống cho ta hôm nay là tiếp tục của
dòng đời hôm qua
Và cho dòng đời ngày mai, mặc dù ngày mai ra sao
ta chưa thể biết.

Ta hình thành cuộc sống của ngày mai bằng
hành vi đạo đức hôm nay
Trần Nhân Tông đã thể hiện trọn vẹn dòng chảy
của cuộc đời

Ngài vẫn biết cuộc đời là thế
Nên dẫn thân vào dòng chảy của cuộc đời
Mở rộng thêm bờ cõi sơn hà và thân tâm tịnh độ.

Giờ khắc huyền thân thị hiện đã xong
Ngài an trú vô niệm hòa vào ánh từ quang chư Phật.

Trong dòng đời Ngài hiện tướng xuất gia
Đem lợi lạc cho Tổ Quốc và đồng bào
Trong dòng đời, Ngài hiện tướng xuất gia
Đã mở cho Phật giáo một con đường thênh thang
đến vô thượng Bồ đề.

Cuộc đời Ngài là giáo lý nhân bản

Dạy vua Anh Tông đạo làm vua

Dạy quan Nhữ Hải y chỉ mà làm lợi cho nước nhà

Dạy công chúa khi ở Chiêm Thành làm việc gì có lợi cho Đại Việt thì không cần suy nghĩ chần
chừ

Khuyến giáo chi đến đi vô ngại trước giờ vĩnh biệt thế gian.

Do vậy

Lúc viên tịch, Ngài lưu bố:

“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh, hởi chi thiền”.

Thể hiện lối sống Thiền Siêu Thiền

Ngài sống vượt qua thiền, vượt qua tôn giáo

Ngài thể hiện trọn vẹn đạo mà Đức Thích Ca chứng ngộ

Hành trạng của Ngài, nay thành di sản văn hóa vĩ đại của Việt Nam

Giá trị xuất gia của ngài là như vậy đó.

Hành trạng của ngài là trọn vẹn với đạo

Ngài sống như đạo nhiệm màu

Mà Phật giáo là con đường Ngài đã dựng

Ngài không bị giáo điều và các hình tướng tu hành trói buộc

Giá trị sống đạo của Ngài là di sản văn hóa vĩ đại của nhân loại.

Câu lạc bộ Trần Nhân Tông

Linh Xuân - Thủ Đức, ngày 10/10/2002

Sống Trong Thiền Định

(Bài này dành cho các chủ doanh nghiệp trang trại)

Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông dạy về Cư trần lạc đạo:

“ Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh, hởi chi thiền.”

Ngài dạy con người nên sống trong thiền. Ngài đưa ra hình ảnh của sống thiền. Đức Phật dạy: “Đau khổ tức Bồ đề”. Bồ đề có nghĩa là sáng tỏ, sáng suốt, tính chất này chính là thiền định. Vậy thiền định sẽ thực sự đến từ chỗ nào nếu không phải từ nơi khổ đau, nơi có đấu tranh, có phiền muộn, có buồn vui? Nếu ai đó cố ý làm ra một hình thức thiền thì thiền định sẽ không bao giờ đến với nơi ấy. Trong thời điểm chứng đạo, Đức Phật vui sướng mà tuyên bố rằng: **“Ta đã chứng được tâm vô lậu và tuệ giải thoát”**. Tâm vô lậu chính là trạng thái làm việc của đầu óc trong thiền định. Ở trạng thái ấy, đầu óc sẽ cho con người những hiểu biết vừa đủ để ứng phó với những gì đang xảy ra mà không cần phải ưu tư để tìm ra lối thoát. Vì khi ưu tư suy nghĩ tìm lối thoát, những suy nghĩ ấy thường xuất phát từ tư tưởng chiếm hữu và dẫn đến đầu óc mờ ám, tất nhiên thường dẫn đến những quyết định rối loạn.

Krishnamurti, một vị thầy về tâm linh cũng đã nói: *“Thiền định không phải cái gì khác với đời sống hàng ngày, đừng đi về một góc phòng và thiền định trong mười phút, rồi lại trở ra và làm một tay đồ tể.”*

Còn Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy dạy Đạo thiền của Trần Nhân Tông cũng dạy: *“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, trong lò lửa đỏ một bông sen.”*

Một vị hoàng đế cai trị một khoảng trời, nếu muốn sự cai trị ấy đem lại tốt đẹp cho ông ấy và cho đồng bào, cho Tổ Quốc thì ông ấy sẽ phải sống trong thiền. Thời nhà Lê có câu chuyện hay, vua Lê Đại Hành hỏi thiền sư Pháp Thuận về vận nước, ngài Pháp Thuận trả lời:

Quốc tộ như đằng lạc

Nam thiên lý thái bình

Vô vi cư điện các

Xứ xứ tức đao binh.

Dịch:

Ngôi nước như mây quấn

Trời Nam mở thái bình

Rõng rang trên điện các

Chốn chốn tắt đao binh.

Quý vị là những chủ doanh nghiệp, quý vị cai quản thế giới doanh nghiệp của mình cũng đầy những phức tạp. Thế giới ấy luôn sinh động như một dòng chảy không ngừng nghỉ, nếu quý vị không ở trong thiền định thì thế giới ấy trước sau cũng dẫn tới rối loạn. Lòng quý vị không rõng rang, không bình yên, bình tĩnh thì thế giới ấy không phải là dòng chảy êm ái mà là dòng chảy của phong ba bão táp.

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh, hỏi chi thiền.

Đạo ở đây là thực tại, là chân lý, là lẽ thật, là bao trùm, không chọn lựa, không hôm qua, không ngày mai, chỉ có ngay đây và bây giờ.

Ý nghĩ, lo âu, sầu muộn, sợ hãi, tính toán, hơn thua, ghen ghét, vui buồn đều không hợp với đạo, với thiền định. Chúng với đạo là cách biệt. Đạo thì thật, trạng thái làm việc của đầu óc trong thiền định thì thật, còn chúng thì không thật, chúng như bóng ma, chợt đến chợt đi. Nhưng hầu hết con người lại chìm đắm trong chúng! Quả thật tai hại biết chừng nào!

Nhưng có được bao nhiêu người trong cuộc sống an vui với thực tại đây. Vấn đề ở đây chính là ở bên trong cái đầu. Nói đến Cư trần lạc đạo hay sống trong thiền định là nói về trạng thái làm việc của đầu óc mỗi người. Người ta thường nghĩ về quá khứ hay vẫn sống với quá khứ, những thứ đã đi qua và không bao giờ trở lại, hoặc người ta sống với lo lắng hay hy vọng vào ngày mai, những thứ chưa được biết hay không thể biết một cách chắc chắn. Như vậy thì làm sao an vui được. Quá khứ và tương lai đưa họ đến suy nghĩ, lo âu, hy vọng và thất vọng. Những trạng thái ấy làm vẩn đục đầu óc, tính sáng bị mờ. Bản chất của đầu óc là thấy và biết, giờ đây cái thấy biết bị mờ, đây cũng là một phần của mê. Nó làm cho họ không còn thấy rõ các vấn đề đang xảy ra và vì vậy sẽ không có cách ứng xử phù hợp.

Cuộc sống là bao hàm toàn bộ. Nhưng nếu con người không tập trung tại chỗ nhận biết, dùng nhận biết để quan sát cái toàn bộ thì sẽ rơi vào sự chia chẻ, đầu óc sẽ mất đi tính chất thiền định vốn có, bị thế giới nhị nguyên giằng xé, rời xa đạo và không được đạo nâng đỡ. Hãy nhìn vào đứa trẻ dưới hai tuổi, nó không biết gì về quá khứ, không có khả năng nghĩ đến ngày mai, không suy tư, không ý tưởng, không lo lắng sầu muộn, nó thấy cái gì cũng mới, nó không bị kinh nghiệm chi phối, nó sống bằng trực giác, vì vậy nó dễ thương và mọi người dễ gần gũi và nó đương nhiên được cuộc đời nâng đỡ. Nó vô tình huy động được sức mạnh của cuộc đời và tạo hoá săn sóc nó, đạo nâng đỡ và nuôi dưỡng nó.

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Trẻ thơ không có sự lựa chọn trong cuộc sống, nhưng nó vô tình mà sống tùy duyên. Nó không đau khổ. Ai cũng thấy nó đẹp và nó thực sự có sức mạnh màu nhiệm. Bên ngoài nó mỏng manh, nhưng sâu bên dưới là sức mạnh màu nhiệm kỳ lạ! Còn người lớn thì luôn lựa chọn. Cuộc sống như một dòng chảy, ta trên dòng chảy ấy làm sao lại lựa chọn. Lựa chọn là của tư tưởng. Ta cứ lựa chọn, cuộc đời cứ trôi chảy, được hay không được cũng đừng vui mừng hay đau khổ.

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Cách sống này là sống trong thiền định, hoàn toàn hợp với đạo. Đầu óc không bị vướng vào bất cứ gì. Đầu óc như vậy là tỏa sáng. Nhưng quý vị cứ nhìn lại mình mà xem. Có lúc đói cũng không muốn ăn. Nếu đói quá sợ sút cân thì ăn trong tình trạng chán ngán, ê chề, lo sầu nuốt không nổi! Mệt muốn ngủ mà cũng không ngủ được. Ăn, ngủ không được là do quá khứ quấy rầy, tương lai thôi thúc. Tư tưởng nghĩ về quá khứ và tương lai trở thành những con ma quỷ hành hạ mình ngày đêm.

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Thái độ này diễn ra trong đầu óc là hợp đạo, hòa vào đạo và như vậy đầu óc luôn phát sáng, các con ma ý nghĩ cảm xúc tiêu cực không thể xuất hiện. Như trong phòng đèn sáng thì bóng đêm tan biến trong hư không, nhưng nếu đèn không sáng thì bóng đêm bao phủ. Thái độ này của đầu óc sẽ là môi trường cho trí tuệ Phật hay thánh trí nơi mỗi chúng ta hoạt động. Loại trí tuệ ấy gọi là tuệ giác, nó không do suy nghĩ mà có, chính do trạng thái vắng lặng của đầu óc làm cho nó phát sinh ra một khi hoàn cảnh chung quanh đòi hỏi, gọi là tùy duyên mà ứng hiện.

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Con người quen tìm mọi thứ bên ngoài, đến nỗi họ dựa hẳn vào bên ngoài để mưu tìm hạnh phúc hay niềm vui. Họ tin bên ngoài và tin vào suy nghĩ tính toán của mình. Bên ngoài thì luôn thay đổi và họ cũng không làm chủ được. Còn tư tưởng, suy nghĩ bên trong cũng không thực, không bền vững, không chắc chắn, nó là cái bóng của ký ức, là cái ảnh của niềm mơ. Do đó, dựa vào chúng thì làm sao yên tâm được, vì dựa vào điều không thật. Cái gì không thật thì không sống động và màu nhiệm. Hãy dựa vào bản chất của cõi màu nhiệm trong đầu óc là sự nhận biết. Ngoài sự nhận biết, trong cõi màu nhiệm trong đầu óc còn cho ra nhiều thứ quý giá khác có thể giúp con người vượt qua khổ đau và lo lắng như lòng kiên nhẫn, sự thành thật, chân tình, tính thận trọng, ý chí, tình thương, sự hòa đồng, niềm tin cậy vào sự màu nhiệm của chân tâm hay tính sáng của tính nhận biết, sự hồn nhiên, sự thanh thản, sự rỗng không của đầu óc, tinh thần phá chấp, tinh thần vô tư không chấp ngã, tình yêu... Những thứ ấy thật vô cùng quý giá, chúng có sẵn nơi đầu óc mỗi người.

Kho báu bên trong cho ta sự thỏa mãn, còn những kho báu bên ngoài sẽ cho ta sự khổ sở vì phải đổi đầu. Hầu như chưa có một chủ kho báu bên ngoài nào an lạc hân hoan thật sự. Họ chỉ có niềm vui và hạnh phúc nho nhỏ ngắn ngủi rồi tiếp tục đối phó cho đến hơi thở cuối cùng đầy bi đát. Còn những ai nhìn thấy kho báu bên trong, tâm hồn vắng lặng thì các bậc ấy an lạc và hân hoan triền miên trong mọi hoàn cảnh và thời gian.

Hãy biến những thứ đó thành tài sản hữu hình nếu muốn. Hãy dùng những thứ quý báu ấy

vượt qua khó khăn. Chỉ một tình yêu không thôi cũng mạnh hơn quyền uy của bạo chúa, mạnh hơn tiền bạc châu báu ngọc ngà, mạnh hơn vũ khí hạt nhân!

Hãy chuyển hướng chú ý của đầu óc về với trạng thái thiền định thì cảnh bên ngoài sẽ chuyển. Con người nhiều khi đánh mất chính mình mà không hề biết. Chạy theo lòng ham muốn tầm thường, mà đem những rác rưởi trong đầu óc ra dùng để thỏa mãn các loại ham muốn. Thông thường, sự ham muốn bắt nguồn từ bên trong mà con người khó thấy, nên họ khéo che đậy nó để rồi trở thành ung nhọt. Nếu có sự ham muốn bên ngoài, mà sâu bên trong không có sự ham muốn thì những ham muốn ấy là tùy duyên để vui người vui mình. Chỉ có ham muốn ấy là ham muốn của Bồ tát. Và ai cũng là Bồ tát được.

Quý vị là các chủ doanh nghiệp, chủ trang trại, cũng là các vị Bồ tát vì việc làm của quý vị không phải để kiếm cơm ăn áo mặc mà trong sâu thẳm của tâm hồn, quý vị thực lòng muốn làm được một cái gì đó tốt đẹp như để khẳng định giá trị làm người của quý vị, nhất lại là người Việt Nam trong hoàn cảnh đất nước vừa mới hòa bình sau gần khoảng hai trăm năm chiến tranh! Các vị là bồ tát Bồ tát thật, vì các vị có ích thật sự cho cuộc đời dù quý vị có thất bại hay thành công.

Quý vị nên chú ý điều quan trọng này:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh, hởi chi thiền.

Đây là cách sống Đạo mà Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã khám phá và ứng dụng trong toàn bộ cuộc sống của mình. Ngài là một vị hoàng đế của Đại Việt cách nay khoảng bảy trăm năm. Ngài là đỉnh cao của lòng yêu nước nồng nàn, đánh bại đội quân xâm lăng mạnh nhất thế giới, nhưng lại sống giải thoát toàn triệt. Vì vậy, Ngài mới đủ bản lĩnh đúc kết con đường sống Đạo, con đường Phật Nhân Bản như trên.

Con đường ấy không né tránh cuộc đời, con đường bao gồm toàn bộ cuộc đời không lựa chọn. Không chọn thành thị hay núi rừng, không chọn tại gia hay xuất gia, không chọn tu hành hay không tu hành, không tính toán thiệt hơn, con đường hết sức thực dụng, thực tế vì Đạo là thực tế. Con đường không chọn ăn chay hay ăn mặn, con đường không có hình thức hay phương hướng bên ngoài cõi màu nhiệm của đầu óc, con đường phi thời gian và không gian, con đường không đề cao hay hạ thấp. Ấy là con đường của thiền định trong cuộc sống hằng ngày, hay còn gọi là cách sống trong thiền định.

Quý vị chú ý đến vấn đề trọng đại này mà chưa cần để ý đến các hình thức tu thiền nào khác:

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Hãy chú ý đặc biệt thường xuyên đến khả năng nhận biết vô tận của đầu óc, ấy là bản chất căn bản của đầu óc con người. Khi nhận ra được thực tại này, quý vị sẽ có kinh nghiệm về kho báu. Chưa cần vội quan tâm đến trì giới, tụng kinh, trì chú. Những thứ ấy sau này sẽ hiểu và áp dụng

tùy duyên. Thông thường, con người hay chạy Đông chạy Tây hướng đầu óc ra ngoài tìm cầu sự màu nhiệm nào đó để giúp cho họ vượt qua khổ đau, hoặc tìm những cảnh giới ngoài đầu óc để mong gặp thánh hiền giúp cho họ con đường về với đạo. Thánh hiền hay thánh trí đã sẵn trong đầu óc rồi vậy. Bồ Đề Đạt Ma đã dạy: “Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm”. Nếu biết tự tâm là Phật chớ nên tìm Phật ngoài tâm. Những người đi tìm Phật, hết thấy đều chẳng biết tự tâm là Phật. Nếu chẳng thấy tính **(khả năng nhận biết vô tận của đầu óc)** thì niệm Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới cũng không ích lợi gì.

Cái quý báu nhất của con người chính là tâm Phật nơi chính mình. Tâm này thường sinh ra vô lượng công đức, nó thường nâng đỡ đời người theo kiểu riêng của nó mà lí trí không thể biết được. Phải tuyệt đối tin cậy vào tâm này!

Vô tâm đối cảnh, hỏi chi thiền

Nếu một người cố ý tạo ra một kĩ thuật thiền, một pháp thiền nào đó, thiền định sẽ không xuất hiện. Tính chất của thiền là vô tư, vô tâm, là buông bỏ các ý nghĩ. Người ta dùng nhận biết để nhận biết, để quan sát tất cả các vấn đề đang diễn ra trong nội tâm mình, trong đầu óc mình, đang diễn ra chung quanh mình. Chỉ quan sát, nhận biết cho tỏ tường, vượt qua sự dính mắc với các vấn đề ấy. Lúc này, Diệu Lực nhận biết như một dòng sông trong vắt đang tuôn chảy, tất cả các vật chứa trong dòng sông này đều được trông thấy một cách tường tận, dòng sông không vướng vào nó được. Dòng sông nhận biết về nó. Sự nhận biết được tập trung thì cõi màu nhiệm trong đầu óc càng thanh tịnh, càng trong sáng. Ấy chính là cách làm việc của đầu óc trong thiền định. Sự nhận biết tường tận giúp cho họ biết được bản chất của các cảnh. Bản chất của chúng thường thay đổi, không bền, vô ngã và rồi sẽ đến chỗ tan rã hoàn toàn để trở về lại trong hư không, nơi mà nó đã ra đi. Ra đi chỗ nào, về lại chỗ ấy. Giống như không nơi đi và đến.

Nhưng họ có vô tâm được đâu. Tâm và cảnh lúc nào cũng có chất keo dính vào, nên chúng chạm nhau là dính liền gỡ không ra!

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh, hỏi chi thiền.

Có người sẽ nghi ngờ rằng nếu sống như thế thì vai trò của suy nghĩ, tính toán coi như không có, làm sao chấp nhận được. Đừng có lo, khi sống như thế thì đầu óc vắng lặng, tức đầu óc trong trạng thái thiền định, lúc ấy Phật tính sẽ tiếp xúc với não và sẽ ra lệnh cho não phát ra những trí tuệ cần thiết nâng đỡ khi hữu sự. Hãy cứ thử sống như vậy một thời gian ngắn chừng vài ba tháng sẽ có kinh nghiệm nhiệm màu của Phật tính hay chân tâm. Con người đã có kinh nghiệm quá nhiều trong cuộc sống có tính toán, nhưng lại ít kinh nghiệm vô tư trong cuộc sống. Hình như tiền bạc đến với con người trong lao động vô tư chân

thật và ra đi khi con người tính toán đến điểm cao nhất. Cũng là một sự kì lạ!

Hãy tin cậy trí tuệ của trạng thái đầu óc bình yên, vô tư, vắng lặng. Trạng thái đầu óc này có cơ chế làm việc chính xác mà ta không thể nào hiểu được. Chỉ có sự tin cậy tuyệt đối vào nó và hãy sống như vậy đi rồi sẽ rõ dần. Sống như vậy sẽ hiểu biết nhiều và làm việc nhiều với độ chính xác cao mà đầu óc thì như không làm gì cả, không dính mắc vào thành công hay thất bại. Cách làm việc như vậy là làm việc trong thiền định.

Chúc quý vị ứng dụng thành công con đường Cư Trần Lạc Đạo, tức sống thiền mọi lúc mọi nơi!

Đi cũng thiền

Ngồi cũng thiền

Trong lò lửa đỏ một bông sen.

18/08/2002

Vua Phật Trần Nhân Tông

Nhân dân Việt Nam đều biết Vua Trần Nhân Tông là một vị Minh Vương, một vị Thánh Vương và là người ứng dụng lời Phật dạy trong mọi hoàn cảnh. Trong thời kì làm Thái Thượng Hoàng, trong tâm Ngài luôn sống bằng hạnh của một vị xuất gia, được 6 năm và sau cùng Ngài sống cuộc đời xuất gia hoàn toàn từ trong tâm đến ngoại tướng.

Để minh chứng rằng Ngài đã sống phù hợp chính pháp của Phật từ lúc là Thái Tử đến khi tịch diệt, chúng tôi xin trích các kinh Phật từ kinh A Hàm đến kinh Đại Thừa. Đồng thời, chúng tôi cũng trích một số nội dung trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Thánh Đăng Lục và những hành trạng của Ngài. Và cũng cho thấy rằng Phật pháp bất ly thế gian, Phật pháp góp phần xây dựng và phát triển, một quốc gia hòa bình, an ninh, thịnh vượng, đoàn kết trong nhân dân, trong triều đình và giữa triều đình với nhân dân. Cũng qua các trích dẫn ấy cho thấy ngài Trần Nhân Tông đã dùng bản lĩnh Việt Nam để ứng dụng, hoàn chỉnh giáo lý Đức Phật, hoàn thành sứ mệnh của mình đối với nhân dân, với tổ tông, với triều đình, với đất nước và các nước lân bang. Điều này vẫn còn có giá trị đến ngày nay và mai sau.

Trong kinh Phật dạy bảy điều làm cho một xã hội cường thịnh là:

Một là hòa hợp trong dân chúng.

Hai là dân chúng đoàn kết.

Ba là pháp luật nghiêm minh và có truyền thống dân tộc.

Bốn là dân chúng biết kính trọng đạo đức,

biết kính trọng người lớn tuổi.

Năm là xã hội an ninh, không có các hiện tượng hà hiếp, bắt cóc, cưỡng ép các thiếu nữ, phụ nữ.

Sáu là có tín ngưỡng và tôn trọng truyền thống tín ngưỡng.

Bảy là kính trọng và ủng hộ chư tăng (kinh Tăng Chi Bộ).

Và Phật cũng dạy mười nhiệm vụ của nhà vua là:

Thứ nhất, là sự rộng rãi bố thí, bác ái. Người cai trị không được có một thèm khát và bám víu nào đối với tài sản, tiền của mà phải bố thí cho dân được no ấm.

Thứ hai, một đạo đức tốt đẹp, không sát hại, lừa bịp, và bóc lột kẻ khác, không tà dâm, nói lời sai quấy và rượu chè. Tóm lại phải giữ gìn tối thiểu năm giới luật phổ biến.

Thứ ba, hy sinh tất cả vì hạnh phúc của dân, vua phải sẵn sàng từ bỏ tiện nghi cá nhân, tên tuổi danh vọng và ngay cả sự sống của mình vì lợi ích của dân.

Thứ tư là trực hạnh. Phải xa lìa sợ hãi và thiên vị khi thi hành nhiệm vụ, phải thành thật trong ý

định và không được lừa bịp quần chúng.

Thứ năm là khổ hạnh. Vua phải sống một đời sống giản dị, không xa hoa, phải biết tự chế bản thân mình.

Thứ sáu là nhu hòa. Vua phải có tính tình hòa nhã.

Thứ bảy là không thù hận, ác độc. Vua không có tư thù với bất cứ ai. Thứ tám là bất hại, không hãm hại ai, đề cao hòa bình, ngăn chặn chiến tranh, tránh dính dáng đến bạo động và sát hại sinh mạng.

Thứ chín là nhẫn nhục. Vua có thể chịu đựng những khó khăn, khổ nhọc và những sự nhục mạ mà không mất bình tĩnh.

Thứ mười là không đối lập, không ngăn cản. Nghĩa là không được đi ngược lại với ý chí của toàn dân, không được cản bất cứ biện pháp nào đưa đến sự lợi lộc cho toàn dân. Vua phải cai trị thuận với ý chí của dân. (kinh Bốn Sinh).

Trong kinh Chuyển Luân Thánh Vương, Phật cũng dạy:

Một vị Chuyển Luân Thánh Vương hãy nương trên pháp, an lập trên pháp, thành tựu nơi pháp, cung kính tôn trọng, quán sát pháp, lấy pháp làm đầu, thủ hộ chính pháp; răn dạy các thế nữ bằng pháp; chăm sóc, dạy dỗ các vương tử, đại thần, các quan lại, trăm quan và thứ dân bằng pháp hộ trì, chăm sóc các sa môn cho đến các cầm thú; tin người chân tu, ngộ đạo mà hỏi những việc thiện ác, những việc nên làm, những việc không nên làm; giúp đỡ người nghèo khó, cần thận trong việc sửa đổi luật cũ.

Chính pháp ở đây là sống trên tinh thần vô ngã, có chính kiến, sống thiện, từ bỏ tham ái ở đời, hết lòng phục vụ nhân sinh.

Chúng ta thấy những điều Phật chỉ ra ở trên thật là cao đẹp. Có thể nói, trên thế gian này có hai bậc Đại Bồ Tát đã thực hiện gần như trọn vẹn lời dạy của Đức Phật. Đó là vua A Dục ở Ấn Độ, vị vua đã ủng hộ đạo Phật rất mạnh mẽ. Ngài trị vì nước Ấn Độ trước công nguyên khoảng 300 năm. Đặc biệt, Ngài khuyên mọi người nên tu tại nhà hơn là xuất gia và Ngài cũng rất quý trọng các tu sĩ xuất gia. Ngài đã dự đoán được chiến tranh sẽ tàn phá đất nước, kinh sách Phật sẽ bị đốt nên Ngài đã cử người đi truyền đạo Phật ra các quốc gia khác và đã gửi kinh sách ở Srilanka, hiện vẫn còn tại viện bảo tàng Srilanka.

Người thứ hai là vua Trần Nhân Tông của nước Đại Việt cách nay hơn 700 năm. Nước Đại Việt thời bấy giờ là quốc độ Phật. Từ Vương tôn công tử đến thứ dân hầu hết là Phật tử, nơi nào có dân là nơi ấy có chùa. Đi chùa học kinh là một trong những tư cách đạo đức của người Việt thời bấy giờ. Chúng ta thấy được điều đó qua sử sách và di sản văn hóa lưu truyền đến ngày nay.

Vua Phật Trần Nhân Tông đã thực hiện trí tuệ và đạo đức như thế nào?

Từ thời niên thiếu đến khi trực tiếp cai trị đất nước, lúc làm Thái Thượng Hoàng đến khi xuất gia tại kinh thành và sau cùng là lên hắc núi Yên Tử để thực hành đời sống của một Bậc Giác Ngộ Chính Pháp. Như Thánh Đăng Lục đã ghi:

“Năm 16 tuổi được làm Hoàng Thái Tử, Ngài cố từ chối mấy lần, xin cho em mình thay thế đều không được vua cha chấp nhận. Thánh Tông cưới trưởng tử của Quốc mẫu Nguyên Từ tức Thái Hậu Khâm Từ cho Ngài. Tuy sống trong cảnh vui hòa hạnh phúc mà tâm Ngài vẫn hướng về đường tu.

Một hôm, vào giữa đêm, Ngài vượt thành trốn đi, định vào núi Yên Tử (năm 16 tuổi). Đến chùa Tháp ở núi Đông Cứu thì trời vừa sáng, trong người quá mỏi nhọc, Ngài vào nằm nghỉ trong tháp. Vị tăng trong chùa thấy dáng mạo Ngài khác thường, ông làm cơm thiết đãi. Hôm ấy, Thái Hậu đem trình bày hết cho Thánh Tông nghe. Vua liền sai quần thần đi tìm khắp nơi, bắt đắc dĩ Ngài phải trở về. Khi lên ngôi (năm 20 tuổi) dù ở trong cảnh vinh hoa tột bậc, nhưng Ngài vẫn tự giữ mình thanh tịnh. Có lần Ngài ngủ trưa trong chùa Tư Phúc ở đại nội, chợt mộng thấy từ nơi rốn mọc lên hoa sen vàng lớn như bánh xe, trên hoa có Đức Phật vàng, một người đứng bên cạnh chỉ Ngài nói: “Biết Đức Phật này chăng? Đức Phật Biến Chiếu đấy!”, Ngài liền giật mình tỉnh dậy, đem điều mộng trình lên vua cha. Thánh Tông mừng cho là việc khác thường.

Do đó, Ngài thường ăn chay, thân thể ốm gầy, Thánh Tông thấy lạ bèn hỏi. Ngài thưa thật nguyên do với vua cha. Thánh Tông khóc, bảo: “ Ta nay già rồi, trông cậy một mình con, nếu con làm như thế thì sự nghiệp tổ tông sẽ ra sao?” Ngài nghe vua cha nói vậy cũng rơi nước mắt.

Bản chất Ngài rất thông minh và hiếu học, có nhiều tài năng, xem hết các sách, thông cả nội điển lẫn ngoại điển. Những lúc nhàn rỗi, Ngài thường mời các thiền khách đến bàn hỏi về tâm tông. Ngài tham học với Thượng Sĩ Tuệ Trung, đạt sâu tới chỗ thiền tủy và thờ Thượng Sĩ làm thầy.

Không lâu sau, Ngài nhường ngôi cho Anh Tông (36 tuổi). Và Ngài đi thẳng vào núi Yên Tử (năm 42 tuổi) siêng năng chuyên lo tu hành, sống theo Mười hai hạnh đầu đà, tự lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngài lập chùa chiền, cất tịnh xá, thuyết pháp độ tăng, học chúng tụ về đông đảo. Sau đó, Ngài đến chùa Phổ Minh ở phủ Thiên Trường đón chư tăng về đây lập hội giảng pháp trải qua mấy năm. Sau đó, Ngài lại đi vân du thông thả, đến trại Bồ Chính lập am Tri Kiến và ở lại đây (trại Bồ Chính nay ở Nghệ An, thuộc Chiêm Thành xưa kia dâng cho Lý Thánh Tông).

Năm 47 tuổi (1304), Ngài đi khắp thôn xóm khuyến hoá dân chúng từ bỏ dâm tử, đồng thời dạy họ tu hành thập thiện. Mùa đông năm ấy, vua Anh Tông dâng biểu thỉnh Ngài vào đại nội trao cho Tâm Giới Bồ Tát tại gia. Hôm Điều Ngự vào thành, vương công, bá quan chuẩn bị đầy đủ lễ nghi nghênh đón và sau đó đồng thọ giới pháp.

Tháng giêng năm 1308 (năm 51 tuổi), Điều Ngự sai Pháp Loa đến chùa Báo Ân, huyện Siêu Loại nối pháp trụ trì và giảng dạy. Tháng tư năm ấy, Ngài đến kiết hạ tại chùa Vĩnh Nghiêm, Lạng Giang, cũng sai Pháp Loa trụ trì, giảng dạy và chính Ngài giảng Truyền Đăng Lục và quốc sư Đại Nhất vì chúng giảng kinh Pháp Hoa.

Giải hạ, Ngài vào núi Yên Tử, không để những người tịnh nhân, người giúp việc trong chùa ở lại mà chỉ để lại mười vị thị giả thường theo Ngài. Điều Ngự lên ở am Tử Tiêu giảng truyền Đăng Lục cho Pháp Loa. Thị giả lần lượt xuống núi, chỉ còn đệ tử thượng túc là Bảo Sát ở lại.

Từ đó, Ngài vào các hang động, rồi về ngôi nơi thất đá. Bảo Sát bạch: **“Tôn Đức tuổi đã cao mà xông pha sương tuyết như vậy lỡ ra có chuyện gì thì mạng mạch của Phật pháp thế nào?”** Ngài đáp: **“Thời giờ của ta đã đến, ta muốn tạo cái kế lâu dài như vậy!”**.

Ngày mừng 5 tháng 10, người nhà của công chúa Thiên Thụy lên núi thưa, “Công chúa bệnh nặng mong gặp Tôn Đức rồi chết”. Điều Ngự bèn ngui bảo, “thời tiết đến rồi!”. Ngài bèn chống gậy xuống núi, chỉ đem theo một thị giả. Ngày mừng 10 đến kinh đô, qua ngày rằm, Ngài dặn dò xong liền trở về núi, nghỉ đêm ở chùa Siêu Loại. Sáng sớm hôm sau, Ngài đi bộ đến ngôi chùa nhỏ ở làng Cổ Châu, đề bài kệ:

Số đời một hơi thở

Lòng người hai biển bạc

Cung ma cai quản ngặt

Cõi Phật vui khôn ngần.

Ngày 17, Ngài nghỉ lại chùa Sùng Nghiêm tại Linh Sơn, Hoàng Thái Hậu Tuyên Từ thỉnh đến am Bình Dương thiết trai, cúng dường. Điều Ngự vui vẻ bảo: “Đây là lần cúng dường cuối cùng”.

Ngày 18, Ngài đi bộ đến chùa Tú Lâm trên ngọn An Sinh Kỳ Đặc, cảm thấy đau đầu, Ngài nói với hai Tỳ Kheo Tử Doanh và Hoàng Trung: *“Ta muốn lên ngọn Ngọa Vân mà sức không thể đi được, biết làm sao đây?”* Hai Tỳ Kheo thưa: *“Hai đệ tử giúp cho thầy lên đó!”*. Vừa lên tới ngọn Ngọa Vân, Điều Ngự tạ ơn hai Tỳ Kheo và bảo: *“Hãy xuống núi gắng lo tu hành, chớ cho sinh tử là việc nhàn rồi!”*.

Ngày 19, Điều Ngự sai thị giả Pháp Không lên am Tử Tiêu, núi Yên Tử gọi Bảo Sát xuống gặp.

Ngày 21, Bảo Sát đến Ngọa Vân, Điều Ngự trông thấy mỉm cười bảo: *“Ta sắp đi đây, ngươi đến sao trễ vậy! Ngươi đối với Phật pháp có chỗ nào chưa rõ, hãy mau thưa hỏi!”*.

Ngày 1 tháng 11, nửa đêm sao trời sáng tỏ, Điều Ngự hỏi:

“Hiện giờ là giờ gì?”.

Bảo Sát thưa: *“Giờ Tý”*.

Điều Ngự đưa tay mở cánh cửa, nhìn ra bảo: *“Chính là giờ ta đi!”*.

Bảo Sát hỏi: *“Tôn Đức đi đâu?”*.

Điều Ngự đáp:

Tất cả pháp chẳng sinh

Tất cả pháp chẳng diệt

Nếu hay hiểu như thế

Chư Phật thường hiện tiền

Nào có đến đi gì?

Bảo Sát liền hỏi: “*Nếu không sinh không diệt thì thế nào?*”

Thượng Hoàng bỗng nhiên lấy tay che miệng Bảo Sát và nói,

“*Đừng nói mơ!*”. Nói xong, Ngài nằm theo thế sư tử lạng lẽ mà tịch.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư nói về Ngài như sau:

“Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu, sinh năm Mậu Ngọ Nguyên Phong, năm thứ 8, tháng 11 ngày 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chế hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên Đồng Tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi. Bấy giờ ở am Ngọa Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù phú hưng sáng ngời thuở trước, thật là bậc vua hiền của nhà Trần”.

Qua các nội dung trên, chúng ta thấy Ngài là một vị Minh Vương khi làm vua, là Thánh Vương khi làm Thái Thượng Hoàng và là một vị Phật khi lên núi Yên Tử thực hành 12 hạnh đầu đà.

Khi ấy đất nước, nhân dân và cá nhân Ngài là một. Đây là điểm hết sức đặc biệt của Ngài!

Con người Việt Nam đầy lý tưởng ấy đã thực hiện trí tuệ và đạo đức như thế nào?

Trước nhất đối với bản thân Ngài

Chúng ta thấy rất rõ rằng Ngài đã thể hiện ý thức, tư tưởng, ý chí và hành động trong việc tinh cần học tập và ly dục là con đường đưa đến hạnh phúc cho chính Ngài **và ảnh hưởng tốt đẹp trực tiếp cho đất nước và nhân dân**.

Ông nội và cha của Ngài đều là những người chứng đạt được tâm vô lậu, chứng đạt thánh trí hay tuệ giải thoát mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã chứng đạt. Thánh trí đó là gì? Đó là bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Trong đó, Ngài cũng chứng thực rằng nguồn gốc của mọi khổ đau là lòng tham ái, sự sân hận và ngu si. Những con đường để giải quyết tận gốc nguyên nhân gây ra khổ đau là thực hành Bát Chánh Đạo: chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính tinh tấn, chính mạng, chính niệm và chính định. Muốn thực hiện được những vấn đề trên thì phải nỗ lực học tập và ứng dụng nội điển, quay cái nhìn vào thế giới tâm của mình, như Ngài đã tự thuật trong bài “Hành trạng của Thượng Sĩ Tuệ Trung” rằng:

“Một ngày kia, ta hỏi Người về cái gốc của tôn chỉ thiền, Thượng Sĩ ứng khẩu đáp: **“Hãy quay nhìn lại cái gốc của mình chứ không tìm đâu khác được”**. Ta bỗng bừng tỉnh con đường phải đi, bèn xốc áo thờ Người làm thầy.

Như vậy, Ngài quyết tâm học tập nội điển, khám phá những điều Đức Phật đã khám phá để tự mình chứng đạt và ứng dụng, đạt đến thánh trí, quyết tâm ly dục, đạt cứu cánh hạnh phúc tại

cuộc đời này. Đạt thánh trí để làm gì?

Đối với vai trò một Minh Quân:

Với cương vị là Vua, Ngài ra sức hoàn thành bốn phận của mình đối với tổ tông, với dân, với nước nên Ngài ra sức học tập nội điển và ngoại điển để đem thánh trí, trí tuệ thiện xảo và lòng từ bi cũng như sự dũng cảm mà lo cho dân, cho nước.

Đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ:

Ngài một lòng thờ phụng, giữ gìn truyền thống đạo đức và kỷ cương trị nước của ông cha. Khi cha Ngài sắp mất, Ngài đứng một mình bên cạnh, sử dụng chính pháp để giúp cha được cái chết thanh thản, tâm hồn định tĩnh, hòa vào ánh sáng trí tuệ vô thượng, hay còn gọi là hòa vào vô lượng quang A Di Đà, như trong Thánh Đăng Lục đã ghi:

Rồi vua đuổi hết kẻ hầu hạ, chỉ còn Nhân Tông đứng hầu một bên “Thưa, bệ hạ còn nhớ lời của Ngài Vĩnh Gia chăng?”

“Rành rành thấy không một vật

Cũng không người, chừ cũng không Phật

Cõi cõi đại thiên bọt nổi trôi

Tất cả thánh hiền như điện chớp

Dầu cho vòng sắt trên đầu chuyển

Định tuệ sáng tròn vẫn không mất.”

Đây là hình ảnh Ngài đã đóng vai Phật A Di Đà đứng bên cạnh vua cha mà tiếp dẫn thần thức vào cõi định tuệ sáng tròn vẫn không mất, thật là tuyệt diệu! Rất phù hợp với sự khẳng định thế giới Cực lạc Di Đà của Ngài trong Cư Trần Lạc Đạo rằng: “Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về cực lạc”. Sau này khi về phủ Thiên Trường nơi có nhiều kỷ niệm của vua cha, Ngài đã thổ lộ tình hiếu tử qua hai câu thơ:

“Phổ Minh phong cảnh y như cũ

Phảng phất tình cha mộng thấy nhiều”.

Đối với con:

Ngài ân cần, nghiêm khắc dạy dỗ con đường thánh đạo cho một bậc Thánh Vương (hay còn gọi là Thánh Vương chính pháp) là phải thực hành năm giới: không giết hại, lừa bịp và bóc lột kẻ khác; không tà dâm, không nói lời sai quấy; không rượu chè; không phung phí tiền của của nhân dân và triều đình.

Trong Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu có đoạn ghi về việc Ngài trở về kinh, các quan đều không hay biết, vua Anh Tông uống rượu say và Ngài rất giận, triệu tập các quan răn dạy, còn vua Anh

Tông phải nhờ Đoàn Nhữ Hài dâng biểu tạ tội. Thấy lời lẽ trong tờ biểu rất khẩn thiết, Ngài cho gọi vua đến dụ rằng: “Chả lẽ trăm không còn con khác có thể nối ngôi hay sao? Trăm vẫn sống đây mà còn như thế thì sau này sẽ như thế nào! “. Vua dập đầu tạ tội.

Lại một lần khác, Ngài xem sổ triều đình thấy vua Anh Tông ban chức tước hơi nhiều, bèn ghi lên đầu rằng: “Một nước nhỏ bằng bàn tay sao lại có nhiều quan như thế này. Từ đó, vua Anh Tông thận trọng không khinh suất trao chức tước nữa.”

Ngài còn làm lễ thọ Bồ Tát Tâm Giới cho vua Anh Tông tu hạnh Bồ Tát tại gia, theo mẫu người Bồ Tát Việt Nam thời ấy (tức theo yêu cầu, nhiệm vụ của quốc gia dân tộc) như sau:

“Sạch giới lòng, dồi giới tướng

Nội ngoại nên Bồ Tát trang nghiêm

Ngay thờ Chúa, thảo thờ Cha

Đi đỗ mới trọng phu trung hiếu.”

Đối với thầy dạy đạo:

Ngài nhận Tuệ Trung Thượng Sĩ làm thầy để thờ, vì Tuệ Trung Thượng Sĩ đã chỉ cho Ngài con đường tu thẳng tắt là: **“Hãy quay nhìn lại cái gốc của mình chứ không tìm đâu khác được”**.

Đối với tướng lĩnh và quan lại:

Được thể hiện trong cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1285 và sau khi đại thắng quân Nguyên năm 1288. Đặc biệt khi được cấp báo về tình hình chiến sự Nội Bàng, Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Lúc ấy vua ngự chiếc thuyền nhẹ sang lộ Hải Đông. Ngày đã gần chiều, Vua chưa ăn cơm sáng, có tiểu tốt là Trần Lai đem dâng cơm gạo xấu. Vua khen là trung, ban cho tước thượng phẩm, kiêm chức tiểu thư xã xã Hữu triều môn ở Bạch Đằng”.

Như vậy, Ngài luôn sát cánh với các tướng lĩnh trực tiếp chỉ huy mặt trận. Ngài và các tướng lĩnh là một.

Còn như trường hợp Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư phá giặc có công, được phong Phiêu kỵ Đại tướng quân, rồi đến Tử Phục Thượng Vị hầu. Sau thông dân với Thiên Thụy công chúa (con gái Thánh Tông, chị ruột Trần Nhân Tông đã gả cho Hưng Vũ Vương Nghiễm là con trai của Quốc Tuấn) nên bị mất chức, tịch thu tài sản. Khánh Dư lui về ở Chí Linh làm nghề bán than. Khi ấy, Khánh Dư đi thuyền đến Bình Than. Vua sai nội thị đi gọi. Tới nơi, Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá yết kiến vua. Vua nói: “Không ngờ nam nhi mà sa cơ đến nông nổi này”. Rồi xuống chiếu miễn tội. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi dưới hàng các vương. Khi bàn việc đều hợp ý nên vua phong chức ấy.

Sau chiến thắng quân Nguyên năm 1288 Ngài đã khen thưởng rất xứng đáng cho các tướng lĩnh như Đại Việt sử ký toàn thư đã ghi.

Còn đối với những người nộp biểu hàng giặc trong lúc giặc đang ở thế mạnh vào cướp thì cũng

để cho họ sống yên bằng cách cho đốt các hòm đựng biểu hàng giặc. Riêng những trường hợp hàng giặc trước đó đều phải bị xử nặng, kể cả trường hợp vắng mặt, như Đại Việt sử ký toàn thư ghi.

Ngài cũng đã thọ Bồ Tát Tâm Giới cho tất cả quan lại triều đình.

Đối với nhân dân:

Một lòng thương yêu như thương con đỏ. Chăm sóc và giúp đỡ về vật chất, tinh thần và đạo đức như Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Mùa xuân tháng giêng, ngày 15, Thượng Hoàng ở phủ Thiên Trường, mở hội vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng, bạc, tiền, lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh giới thí”.

Ngài còn dạy dân sống theo chính pháp như trong Tam Tổ Thực Lục ghi: “Năm 1304, Điều Ngự đi khắp xóm làng dạy dân chúng phá bỏ các dâm từ và thực hành thập thiện”. Thập thiện là mười điều Phật dạy cho chúng sinh thực hành để được sống yên vui, hạnh phúc và hòa hợp. Phá bỏ dâm từ là phá bỏ các miếu thờ, mang tính mê tín dị đoan.

Ngoài ra, Ngài chỉ đạo khuyến khích trưng nông nghiệp để lương thực được đầy đủ, phát triển về thương mại như chợ búa và hải cảng. Ngài chăm lo vật chất, tinh thần, đạo đức và tâm linh cho nhân dân như người cha hết lòng lo lắng cho con.

Đối với đạo Khổng, đạo Lão:

Ngài đã thực hiện tinh thần bình đẳng và sử dụng trí tuệ Phật để sử dụng đạo Thánh mà truyền bá đạo Phật và xây dựng đất nước như tinh thần của ông nội Ngài là Trần Thánh Tông. Qua bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam, Ngài dạy rằng: “Giáo lý của Đức Phật, ta phải nhờ tiên thánh mà truyền lại cho đời”.

Đối với lân bang:

Chung quanh Đại Việt có hai nước thường quấy nhiễu là Chiêm Thành, Ai Lao và các Triều Đại Phương Bắc thường xuyên xâm lược thời bấy giờ. Do đó, việc bảo vệ Tổ Quốc hết sức gian khổ. Toàn dân vừa phải chống trả sự quấy nhiễu của Chiêm Thành mà còn phải giúp quân binh, thuyền bè cho Chiêm Thành chống quân Nguyên, vì an ninh của Chiêm Thành cũng là an ninh của Đại Việt. Đồng thời, ra sức chống quân Nguyên xâm lấn nước Đại Việt.

Vào thời kỳ xuất gia, Ngài đã dùng chính pháp để an định tâm của vua và dân Chiêm Thành. Đây là việc làm của bậc Chuyển Luân Thánh Vương như trong kinh Phật thuyết. Vị Chuyển Luân Thánh Vương biết dùng chính pháp để trị hoá, nên các lân bang cũng dễ thuận theo và thậm chí lân bang có thể phát tâm dâng cúng những thứ quý báu, kể cả đất đai. Dưới triều Trần Nhân Tông, khi xuất gia, thực hiện hạnh Đầu Đà, Ngài đã mang y bát khất thực và thăm Chiêm Thành gần một năm. Vua Chiêm rất kính trọng và cảm động. Sau chuyến đi đó là việc gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là Chế Mân. Vì cảm đức của Ngài, vua Chiêm đã dâng Châu Ô và Châu Rí. Nhưng đối với Ai Lao, Ngài chinh phạt nghiêm khắc khi Ai Lao quấy biên giới Đại Việt.

Đối với quân xâm lược phương Bắc, Ngài khôn khéo lấy sự bố thí vật báu, sự nhẫn nhục tốt độ để tránh các nguy cơ xâm lược. Ngài còn tìm cách tránh né không chầu để giữ tính độc lập, tính tự chủ của một vị vua một nước bằng đường lối ngoại giao mềm dẻo, nhẫn nhục như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi việc Ngài từ chối qua chầu vua Nguyên, có đoạn:

Cô thần bẩm khí yếu đuối, vả lại đường sá khó khăn, chỉ luống phôi xương trắng làm cho bệ hạ phải xót thương mà không ích lợi gì cho triều đình trong muôn một. Cúi mong bệ hạ xót thương tiểu quốc xa xôi, khiến cho thần cùng những quan quả cô độc giữ được tính mạng, để suốt đời phụng sự bệ hạ. Đó là điều may mắn lớn cho cô thần và cũng là phúc cho sinh linh”.

Nhưng Ngài cũng kiên quyết củng cố sức mạnh về quân sự, về kinh tế và đào tạo các tướng lĩnh tài ba, giáo dục quan quân cùng nhân dân một lòng đoàn kết, sẵn sàng chiến đấu và anh dũng chiến đấu để chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Đối với nội bộ hoàng tộc:

Ngài là một người ngộ đạo hết sức gương mẫu trong cuộc sống nên Ngài cũng ra sức xây dựng tình đoàn kết thương yêu nâng đỡ lẫn nhau trong hoàng tộc. Là vị vua tu hành học rộng, đạo đức nên Ngài là trung tâm đoàn kết của hoàng tộc.

Đối với việc xây dựng nước Đại Việt:

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp để đảm bảo lương thực, chủ động lương thực no cơm, ấm áo cho dân và phòng ngừa thiếu thốn lương thực khi có chiến tranh. Về giao thông thương mại cũng được phát triển.

Sau khi đánh đuổi quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, Ngài đã công bố đại xá cho cả nước và tha tô thuế tạp dịch cho những vùng trải qua chiến tranh như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi:

“Tháng tư mùa hạ (1288), Thượng Hoàng ngự ở hành lang thị vệ (vì cung điện bị đốt) đại xá thiên hạ. Phàm những nơi nào từng bị binh lửa cướp phá thì miễn tô thuế và tạp dịch toàn phần, còn chỗ khác thì tha hoặc miễn theo thứ bậc khác nhau”.

Xây dựng và cải tổ bộ máy hành chính sau chiến tranh như Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Trong tháng 2 năm 1290, chọn quan văn chia đi cai trị các lộ”.

Đối với việc ứng dụng Phật pháp:

Ngài rất mực tôn thờ, kính trọng và ứng dụng chính pháp để trị nước, dạy cho triều đình và nhân dân về giới luật, đạo đức vì những điều Phật dạy thực sự sẽ giúp cho họ thành người có đạo đức và trí tuệ.

Đối với hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử:

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý rằng, trong giáo lý Phật, thiền bị hiểu lầm rất nhiều. Ngày nay, người ta thường chú ý đến hình thức, kỹ thuật tọa thiền và có khi còn cho rằng đó là cốt lõi thiền của Phật Giáo. Kỹ thuật đó được diễn ra ở tu viện, trong núi rừng. Người ta cho đó là thiền chân chính. Nếu hiểu như thế sẽ không đúng với thiền của Đạo Phật. Không nên hiểu là những người

theo thiền phái này đều xa đời và vào chùa, núi ngồi thiền suốt ngày để đạt được một năng lực siêu hình nào đó. Nếu có thứ thiền đó thì đó là thiền của dục vọng nhằm thỏa mãn tâm lý hảo huyền của người đời.

Chúng ta phải hiểu mục đích của thiền trong Đạo Phật là tẩy sạch những tâm nhiễm ô, tẩy sạch những thứ làm cho tâm dao động như ý tưởng về tham ái, dâm dục, sân hận, biếng nhác, ác độc, phiền não, bất an, hoài nghi... Đồng thời, thiền sẽ giúp huân tập những đức tính tốt đẹp như tập trung chú ý, thông minh, ý chí nghị lực, an tĩnh để cuối cùng giúp hành giả có trí tuệ nhìn thấu suốt bản chất của mọi sự vật. Lúc này gọi là thực chứng chân lý. Tức là thực chứng vô ngã. Pháp luyện tâm hay tu thiền này gọi là thiền quán Tứ Niệm Xứ, đã được Đức Phật khẳng định là con đường duy nhất khiến chúng sinh được thanh tịnh, vượt qua sầu não, hủy diệt các khổ của thân tâm, đưa đến hành xử chân chính, thực chứng Niết Bàn như Phật đã thuyết trong kinh Trung Bộ thuộc hệ Pali Nam Tông và kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc hệ Sansrit Bắc Tông.

Trước nhất là thực chứng chân tâm hay tâm vô lậu nơi mình. Một trạng thái tâm ổn định vững bền. Tâm này là tâm mẹ, tâm gốc của các tâm sinh diệt. Từ sự thực chứng này khởi tu, phát triển và hoàn thiện Phật tính. Đường lối này dùng quán Tứ Niệm Xứ làm nhân để chứng ngộ vô ngã. Hiểu được như vậy thì trong cuộc sống hằng ngày của mình, tất cả mọi hành vi nhằm đạt được mục đích đó đều được gọi là thiền. Dĩ nhiên, thiền tọa rất cần thiết nhưng tránh bệnh nghề nghiệp và lợi dụng.

Riêng thiền phái Trúc Lâm đã mượn pháp luyện tâm bắt nguồn từ Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư là: “Trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật” để tỏ tâm mình, để hiểu kinh Phật và tu theo kinh Phật đạt đến chỗ đại giác. Từ chỗ kiến tính mà khởi tu phát triển, hoàn thiện Phật tính. Đường lối này dùng kiến tính làm nhân để chứng ngộ vô ngã. Phương pháp này được áp dụng cho tất cả mọi người có nhân duyên, không phân biệt tại gia hay xuất gia. Và khuyến khích các thiền giả phải học rộng kiến thức kinh điển cũng như kiến thức ở đời để phát huy Đạo Phật phục vụ cho đời. Đây là điểm nổi bật đặc biệt của thiền phái này. Đường lối thiền này ngoài việc giúp cho thiền giả được giải thoát, còn thúc đẩy, khuyến khích hành giả ứng dụng trí tuệ giải thoát giúp hoàn thành nhiệm vụ mà cộng đồng đang đòi hỏi, nâng cao đời sống đạo đức và tâm linh cho nhân dân. Nó được hình thành và phát triển từ một vị minh quân, một vị Thánh Vương Trần Nhân Tông của Việt Nam cách đây hơn 700 năm. Ngài đã chọn núi Yên Tử để khai sinh thiền phái Trúc Lâm và cũng là trung tâm đầu não lãnh đạo Phật giáo thời bấy giờ.

Phật giáo trong thời kỳ này lại do một vị Minh Vương, vị Thánh Vương chính pháp chứng đạo lãnh đạo tinh thần các tu sĩ và lãnh đạo thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thì tinh thần, tư tưởng tu hành thời ấy hướng theo tư tưởng và hạnh sống của Trần Nhân Tông là lẽ đương nhiên.

Trần Nhân Tông là người rất sáng suốt trong việc dùng giáo lý nhà

Phật để đem lại sự bình an cho cộng đồng. Sự bình an đó trước nhất đến từ sự no cơm ấm áo và đất nước hòa bình, trật tự, an ninh và đoàn kết dân tộc.

Ngài đã dùng giáo lý nâng đỡ trí tuệ, đạo đức của triều đình và nhân dân lên một mức cao hơn.

Ở mức cao nhất, Ngài thuyết pháp nâng đỡ cho họ thăng hoa trong cuộc sống, tức cuộc sống giải thoát. (Giải thoát tương đối và giải thoát tuyệt đối như kinh Kim Cang, kinh Bát Nhã và

kinh Đại Bát Niết Bàn mà Phật đã thuyết).

Ngài đã chủ động nắm lấy giáo pháp giống như người bắt rắn biết dùng cây nạng chẹn chặt vào cổ của nó, thì sẽ bắt được nó an toàn và hạnh phúc trong việc cần đến con rắn ấy. Đây là điều rất khó, vì thường thì người tu dễ bị pháp chuyển hơn là mình chuyển pháp.

Do chúng đạt được tâm vô lậu và tuệ giải thoát nên Ngài đã lấy giáo lý của Phật làm giáo lý của Ngài. Ngài lấy trách nhiệm của tiên thánh làm trách nhiệm của Ngài. Ngài đã chủ động, tự tại chế pháp dạy dân, dạy các vị bồ tát là vua, quan, tướng lĩnh, cung nữ học và hành theo con đường Bồ Tát đạo. Tức là nương vào chính pháp, dùng chính pháp để sống và cống hiến trọn vẹn đời mình cho lợi ích của nhân dân.

Ngài thúc đẩy các vị xuất gia ra sức học tập kinh điển, học tập các kiến thức thế gian để hòa nhập vào công cuộc lo cho dân giàu, nước mạnh và xã hội đạo đức. Cho nên, trong buổi lễ truyền trao y bát tại chùa Báo Ân, huyện Siêu Loại (nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội), Ngài đã trao cho nhị tổ Pháp Loa 20 hộp sách nội điển được chép bằng máu và 100 hộp sách ngoại điển.

Nội điển được chép bằng máu có nghĩa là phải tôn kính chính pháp và coi chính pháp như chính mạng sống của mình, không được buông lơi, xem thường, nhưng việc học hỏi công việc và các kiến thức ở đời là rất quan trọng cần phải nỗ lực thật nhiều thì chính pháp mới thực sự có ích cho con người và xã hội. Chính pháp áp dụng để nâng cao đời sống con người, loài vật và các loài thực vật cũng như cảnh vật nữa! Chứ không phải chính pháp của Phật chỉ dành cho một số ít tu sĩ xuất gia. Chính pháp như vậy mới hữu dụng, có giá trị thực tiễn xứng đáng để mọi người học tập và ứng dụng. Dĩ nhiên, nó sẽ mở rộng khắp toàn cầu và tồn tại lâu dài theo sự sống của hành tinh này và có thể xa hơn nữa.

Tu học với tinh thần nói trên mới đáp ứng được nhu cầu của nước Đại Việt lúc bấy giờ. Do nhiệm vụ của đất nước thời bấy giờ, Ngài đã sử dụng tinh thần Phật giáo Đại Thừa theo đường lối Tổ Sư Thiền làm phương tiện để khai thác trí tuệ Phật nơi mình và khơi dậy trí tuệ, đạo đức tâm linh toàn dân cùng nhau xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống cộng đồng ngày một tiến bộ.

Tất cả các thiền phái như Thảo Đường, Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Mật Tông (không nhiều) đều hướng theo tinh thần, tư tưởng người lãnh đạo tối cao Trần Nhân Tông với triết lý “Cư Trần Lạc Đạo”:

“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Đối cảnh vô tâm, hỏi chi thiền”.

- Ngài đã xây dựng cốt cách của người sống theo tinh thần Cư Trần Lạc Đạo là:

“Mình ngồi thành thị

Nết dụng sơn lâm”

- Để xác định mục tiêu cho trí tuệ của bậc trí giả, Ngài khẳng định:

Người trí không phải:

“Lo hoán cốt, ước phi thân,

Đan thần mới phục

Nhắm trường sinh, về thượng giới

Thuốc thảo còn đam”.

Mà là người:

“Sách Dịch xem chơi, yêu tính sáng hơn yêu châu báu

Kinh nhân đọc dấu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim.”

Ngài chí tâm chỉ dạy mọi người yêu tính sáng hơn quyền cao tối thượng và hơn mọi sự thành tựu khác.

- Để xác định mục tiêu của tu thiền, tu Phật Ngài nói:

Biết vậy! Miễn được lòng rồi, chẳng còn phép khác.

Dứt trừ nhân ngã, thì ra thực tướng kim cương

Dứt hết tham sân, mới lấu lòng màu viên giác

Tích nhân nghĩa, tu đạo đức

Ai hay này chẳng Thích Ca”

- Để giải quyết quan niệm tu tại gia, xuất gia vào núi rừng, Ngài khẳng định:

“Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tất

Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực cả đồ công”.

Điều này cũng đã được Ngài Xá Lợi Phất, đệ tử đệ nhất của Đức Phật Thích Ca khẳng định.

- Để xác định Phật ở đâu? Ngài nói:

“Vậy mới hay!

Bụt ở trong nhà

Chẳng phải tìm xa

Nhân khuấy bốn nên ta tìm bụi

Đến cốc hay chĩnh bụi là ta”.

Tựa trung lại, Ngài dạy là phải kính trọng Phật pháp, nương nơi Phật pháp ứng dụng trí Phật mà hoàn thành nghĩa vụ làm người đối với đời, đối với Tổ Quốc và sống giải thoát. Nương tựa vào chính pháp là nương vào tinh thần vô ngã, không tham ái ở đời, không sân hận, sống đời đạo đức, biết lo cho hạnh phúc của bá tính, biết tránh tổn kém cho nhân dân. Trên cơ sở ấy, cộng với các kiến thức chuyên môn, xã hội mà hoàn thành nghĩa vụ một thành viên trong gia đình, trong cộng đồng.

Đối với đệ tử:

Ngài rất mực chăm lo cho sự tiến bộ của họ trên con đường tu học, đặc biệt là động cơ tu học phải vì nhiệm vụ đòi hỏi của cộng đồng và mục tiêu giải thoát của chính mình. Ngài quan tâm giảng dạy cho họ kinh Đại Thừa và Ngũ Lục.

Ngài cũng rất ân cần quan tâm đến sự tiến bộ của thị giả Bảo Sát. Trong giây phút cuối cùng, Ngài đã khai ngộ cho Bảo Sát bằng động tác lấy tay che miệng Bảo Sát. Như đã biết qua trong Thánh Đăng Lục nêu trên.

Đối với cái chết và hậu thế:

Như chúng ta đã thấy ở trên, Ngài đã giúp vua cha trong lúc trút hơi thở cuối cùng. Còn đối với người chị ruột là công chúa Thiên Thụy khi đau nặng muốn gặp Ngài trước lúc chết, trong Tam Tổ Thực Lục ghi: “Ngài xuống núi về kinh thành thăm và nói với Thiên Thụy rằng: “Thời tiết đến, chị cứ đi, nếu âm phủ có hỏi thì chị hãy bảo:

“Xin đợi một lát, em tôi là Trúc Lâm Đại Sỹ sẽ đến”.

Đây là một kĩ thuật tâm linh đặc biệt giúp cho thần thức người sắp chết an tĩnh hoàn toàn để hòa vào vô lượng quang của chư Phật, hay ít nhất cũng không hoảng hốt sợ hãi để tránh việc đầu thai vào những nơi kém cõi. Còn đối với cái chết của Ngài, như đã thấy ở trên, Ngài đã an nhiên nằm nghiêng bên phải theo thế sư tử, đưa tâm thức vào vô lượng quang chư Phật, tức trở về tính sáng tự nhiên của bản tâm mà an nhiên viên tịch. Thật tuyệt vời!

Đối với các đời sau, có điều nên nhớ là những ngày cuối cùng trên núi Yên Tử, Ngài thường sống trong các hang đá. Khi thị giả Bảo Sát lo âu thắc mắc thì được Ngài giải thích là “Thời giờ của ta đã đến. Ta phải lập kế trường viễn”. Chúng ta rất cảm kích tấm lòng của Ngài đối với chúng sinh đương thời và chúng sinh đời sau!

**** Qua các công đức nêu trên, chúng ta không thể phủ nhận Trần Nhân Tông là bậc trí tuệ Siêu Việt mà cả nước Đại Việt thời ấy nương tựa. Trí tuệ ấy biết dùng tâm Bồ Đề làm nhân, lòng từ bi làm gốc, phương tiện làm cứu cánh như trong kinh Đại Nhật (bộ kinh chính của Mật Tông) đức Phật Tỳ Lô Giá Na đã thuyết.***

Kết luận:

Tôi xin được tóm lược một số điểm:

1. Đối với giáo lý của Phật Tổ, Trần Nhân Tông là một hình ảnh ứng dụng trọn vẹn. Thời điểm tỏ ngộ được nguồn tâm vô nhiễm, vô lậu hay nguồn tâm bất sinh bất diệt là lúc được Tuệ Trung Thượng Sĩ khai ngộ trong dịp làm tang của người mẹ. Từ ấy, Ngài đã đi vào cửa thiền. Sự tỏ ngộ ấy đã soi sáng, hướng dẫn trong mọi hành vi, tư tưởng, trong sinh hoạt hằng ngày và đã đưa Ngài vào một đời sống thiền trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh. Thậm chí, ngay trong lúc chiến đấu chống quân xâm lược nhà Nguyên, Ngài cũng chiến đấu trong trạng thái thiền là rất bình tĩnh và sáng suốt trong chỉ đạo các tướng lĩnh cũng như trực tiếp chỉ huy các trận đánh. Ngài đã sống trong cảnh giới thiền, tức cảnh giới của trạng thái tâm tĩnh lặng, tự do và sáng tạo.

2. Chính từ sự tỏ ngộ này, Ngài đã nắm được cốt lõi và giá trị của giáo pháp Phật Tổ và Ngài tu tập theo giáo pháp ấy, nương vào giáo pháp ấy mà trị nước như vai trò của vị Chuyển Luân Thánh Vương đã nêu ở trên.

3. Từ sự tỏ ngộ nguồn tâm vô nhiễm nơi chính mình, Ngài đã thực sự từ bỏ tham ái, sống đời đạo đức, học hành kinh điển Phật Tổ. Ngài có những hiểu biết và ứng xử phù hợp với chính pháp đối với việc dựng nước, giữ nước, đối với tổ tông gia đình, dòng họ, đối với sự vô thường của mạng sống con người, đối với nền hòa bình lâu dài của nước Đại Việt và khu vực.

4. Trần Nhân Tông đã thể hiện lòng thương yêu và khoan dung vô hạn đối với dân, với nước, với tất cả mọi người chung quanh mình.

5. Ngài hết sức bản lĩnh, khoan dung trong nội bộ hoàng tộc và đối với kẻ thù.

6. Ngài đã rèn luyện được sự kiên nhẫn theo tinh thần Phật dạy, nhẫn được những việc khó nhằn như đã thể hiện qua đường lối đối ngoại với nhà Nguyên.

7. Ngài đã sống được đời sống định tâm đến giây phút cuối cùng và đã giúp cho mọi người có nhân duyên sống chung quanh Ngài cũng thực hiện đời sống bình tâm đến lúc chết.

8. Ngài đã đạt một tuệ nhãn nhìn thấy các pháp bản chất là bất sinh, bất diệt như bài kệ tịch diệt nêu trên. Trí tuệ này là hành trang cho con người sống an nhiên tự tại giữa cõi đời tạm bợ, huyễn hoặc, vô thường và đầy đau khổ.

9. Con đường hoàn thiện về trí tuệ và đạo đức của Ngài cũng đi qua các giai đoạn căn bản như các bậc đại giác ngộ khác, tạm chia làm bốn giai đoạn.

- **Giai đoạn 1: Nhân duyên tầm đạo:** 16 tuổi, Ngài đã lên lên núi Yên Tử để tìm đường đi tu, nằm mộng thấy hoa sen nở trên rốn. Từ đó, Ngài tìm hiểu các kinh Phật, ăn chay, trao đổi Phật học với các thiền sư để xác định đường lối tu học chứng đạo.

- **Giai đoạn 2: Nhân duyên ngộ đạo:** Đến khi được Tuệ Trung Thượng Sĩ ấn tâm và Ngài ngộ đạo từ đó.

- **Giai đoạn 3: Phát triển sự ngộ đạo qua đời sống thực tiễn:** Trong thời kỳ làm vua, Ngài đã ứng dụng tinh thần đạo đức của Phật Đà.

- Giai đoạn 4: Hoàn thiện sự ngộ đạo qua đời sống thực tiễn: Từ khi làm Thái Thượng Hoàng đến khi xuất gia hoàn toàn.

10. Trần Nhân Tông đã có những ý tưởng tạo kế lâu dài cho con cháu Đại Việt nói riêng và cho tinh thần của chúng sinh nói chung, như đã đề cập ở trên mà ngày nay con cháu Đại Việt phải suy ngẫm ý tưởng đó.

11. Bài học của ngài để lại cho các thế hệ sau là:

* Người Phật tử nói riêng và con người nói chung phải biết kết hợp hài hòa giữa đạo và đời để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đạo đức và tâm linh.

* Con người muốn hoàn thành bốn phận làm người một cách vinh quang và sống đời giải thoát là phải tầm đạo, ngộ đạo, phát triển và hoàn thiện sự ngộ đạo qua thực tiễn gắn liền với nhiệm vụ con người trong một khung cảnh xã hội đương thời đòi hỏi.

* Con người nếu biết tôn trọng, cung kính chính pháp, nương vào chính pháp, coi mình chính là chính pháp để sống và cống hiến cho lợi ích cộng đồng thì sẽ đạt và sử dụng những kiến thức xã hội và kiến thức nghề nghiệp một cách tốt đẹp nhất, đem lại sự an vui cho mọi người, đem lại lợi lạc cho quốc gia, cho chính mình và an nhiên tự tại trước mọi hoàn cảnh.

* Con người sống đúng như trí tuệ Đức Phật: Phải phấn đấu để có đủ bốn đức hạnh, gồm:

a. Đức tin:

Tin tưởng vào giá trị đạo đức, tinh thần và tâm linh. Đặc biệt, Ngài đặt hết niềm tin vào trí tuệ Phật vì Đức Phật là một bậc giác ngộ, một bậc toàn giác mà chúng sinh cần phải nương vào trí tuệ Phật để hoàn thành thân phận của mình trong cộng đồng, vượt qua mọi khổ đau, đem lại hạnh phúc cho tha nhân và chính mình.

b. Giữ gìn và thực hành mười điều thiện:

* Thân thì từ bỏ vĩnh viễn sự sát sinh, trộm cướp, tà hạnh.

* Miệng thì từ bỏ vĩnh viễn sự nói dối, sự nói ly gián, nói thô ác và nói thêu dệt.

* Ý thì từ bỏ vĩnh viễn sự nghĩ tham dục, nghĩ giận dữ và nghĩ tà kiến.

c. Con người phải sống cuộc đời đạo đức, với tấm lòng trong sáng từ bi, hỉ xả không tội lỗi, có lòng trắc ẩn với nỗi khổ đau của cộng đồng, của cá nhân để cùng chia sẻ.

d. Con người phải thực chứng tâm vô lậu để mở mang trí tuệ, phát triển lòng từ bi hỉ xả.

* Trần Nhân Tông đã đưa tâm thức về an trú nơi tâm đạo và tùy duyên đưa ra những tình cảm, những tri thức, những lòng dũng cảm mà hoàn thành bốn phận làm người của mình một cách an nhiên tự tại. Ngài luôn ý thức và gìn giữ nguồn tâm trong sáng hơn xa ngọc vàng châu báu, hơn xa quyền uy tối thượng, khai thác nguồn tâm trong sáng của chính mình có lợi nhất cho

mình và tha nhân.

Ngài còn đi xa hơn nữa như trong kinh Phật dạy: “Ta đã tỏ cho đệ tử ta các phương tiện, để họ dùng có thể tạo nên từ thân thể “tứ đại giả hợp” này một thần thức khác đủ cả tứ chi và có khả năng thần thông. Đúng như một người rút chiếc tên trong cây sậy hay lưỡi kiếm khỏi vỏ, như con rắn lột xác. Tức là phải ý thức chiếc tên với cây sậy là hai vật khác nhau, ý thức lưỡi kiếm với vỏ kiếm khác nhau, con rắn với xác rắn là khác nhau...”. Trần Nhân Tông đã làm được điều ấy.

Trần Nhân Tông, một vị vua Việt Nam đã có khả năng ứng dụng sự khám phá vĩ đại về Phật tính của Đức Phật để hoàn thành sứ mệnh của một vị thánh vương trong lúc làm vua, hoàn thành sứ mệnh của bậc chuyển pháp luân trong thời kỳ xuất gia và đã biết tận dụng cái gọi là chết để trở thành vô lượng quang, vô lượng thọ mãi mãi xuất hiện mọi nơi để hộ trì cho thế giới cần đến ánh sáng của chư Phật, ánh sáng đạo đức và trí tuệ. Ngài là tấm gương sáng ứng dụng trí tuệ Phật mà tất cả những người có động cơ làm người đúng đắn đều phải suy ngẫm và noi theo, nhất là đối với Phật tử.

Bốn Giai Đoạn Của Trần Nhân Tông

Con đường giải thoát của Vua Phật Trần Nhân Tông tạm chia làm bốn giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thời niên thiếu Ngài sinh ra như để làm Phật. Sử ký có ghi:

“Có tinh anh của thánh nhân

Nên đạo mạo thuần túy

Nhan sắc như vàng

Thể chất hoàn toàn

Thần khí tươi sáng

Được tên là Kim Phật

Vai trái có nốt ruồi đen

Có thể cáng đáng việc lớn”.

Thánh đấng cũng viết:

“Vua thông minh, đa năng hiểu học

Xem trái mọi kinh sách

Thông nội ngoại điển”.

Trong Trúc Lâm Đại Sĩ xuất sơn đồ cũng ghi:

“Khi lớn Ngài học thông tam giáo và hiểu sâu Phật điển, cả thiên văn, lý số, binh pháp, y thuật...”

Thánh Đấng còn ghi:

“Năm mười sáu được lập làm thái tử, Ngài từ chối và nhường cho em ba lần nhưng cũng không được”. Thời kỳ đầu của Ngài là ra sức học tập rộng rãi. Học để làm vua và làm người đạo đức. Nhưng Ngài học và chú trọng nhiều đến đạo đức giải thoát giác ngộ.

Giai đoạn 2: Giai đoạn trưởng thành

Thời kỳ từ 16 tuổi đến 36 tuổi

Vua cha sắc phong hoàng tử và lập hoàng phi cho Ngài

Ngài miễn cưỡng phục mệnh vua cha

Nhưng lòng thường để tâm vào Phật học và thiền

Ngài lên ngôi hoàng đế năm 20 tuổi

Đây là thời kỳ đế quốc Nguyên Mông hung hãn nhất thế giới

Chuẩn bị xâm lăng Đại Việt

Lực lượng quân sự của Nguyên Mông như đá

Lực lượng quân sự của Đại Việt như trứng!

Ngài đoàn kết được triều đình, quân đội và toàn dân

Nên Ngài đã lập được chiến công hiển hách có một không hai

Năm ấy Ngài mới 29 tuổi!

Sau chiến thắng

Ngài ra sức lãnh đạo đất nước và dân tộc

Xây dựng lại đất nước đã điêu tàn vì chiến tranh xâm lược

Cho đến năm 36 tuổi, Ngài truyền ngôi cho con

Để chuẩn bị cho thời kỳ đi sâu vào đời sống đạo

Giai đoạn thứ hai này

Ngài ra sức thực hành bốn phận tự nhiên của con người

Là xây dựng hạnh phúc riêng của bản thân

Và hạnh phúc chung cho toàn dân

Ngài vừa cống hiến vừa tận hưởng hạnh phúc trần tục

Gần như hoàn chỉnh trọn vẹn

Quả thật một tấm gương hiếm hoi!

Giai đoạn 3: Giai đoạn ở ẩn

Từ 36 tuổi đến 42 tuổi

Đây cũng là giai đoạn chuẩn bị triệt để giải thoát

Về ẩn cư tại phủ Thiên Trường (Ninh Bình)

Và làm Thái Thượng Hoàng

Trong thời kỳ này

Ngài chuẩn bị cắt đứt tất cả mọi sợi dây ràng buộc

Như gia đình, triều đình, hoàng hậu và cung phi

Cùng với cảnh sống của bậc đế vương

Quả thật là khó!

Giai đoạn 4: Xuất gia hoàn toàn

Từ năm 42 tuổi đến cuối đời là năm 51 tuổi tịch diệt

Giai đoạn này Ngài từ biệt Hoàng Thái Hậu, các cung phi

Và tất cả cảnh sống của bậc đế vương để khoác y tu hành

Như một tỳ kheo

Trong thời kỳ này Ngài tự xuất gia, tự tu hành, tự sống hạnh đầu đà

Tức đi bộ và truyền đạo khắp cả nước

Ngài dạy cho dân, cho triều đình về ngũ giới, thập thiện

Ngài đi đây đó để vận động phá bỏ các việc thờ cúng mê tín dị đoan

Ngài lấy kho của triều đình để ban phát cho nhân dân những nơi đói khổ

Ngài dạy tăng tu hành chân chính đúng chánh pháp...

Cuối cùng, Ngài lên núi Ngọa Vân viên tịch

Trước khi lên núi viên tịch

Ngài ghé về kinh đô Thăng Long thăm người chị ruột là công chúa

Thiên Thụy sắp qua đời

Rồi hôm sau dùng bữa cơm chay cuối cùng với Hoàng Thái Hậu tại ngôi chùa gần chân núi Yên Tử

Trong đêm, Ngài nhờ hai đệ tử dìu lên núi Ngọa Vân

Quãng đường gần 10km từ nơi dùng bữa cơm cuối cùng với Hoàng

Thái Hậu lên đỉnh núi cao hơn 1000m.

Trước giờ phút thu thần tịch tịnh

Ngài còn khai ngộ cho đệ tử thân cận là Bảo Sát thẩm nhận tính không vạn pháp.

Ngài hòa vào ánh hào quang chư Phật

Cuộc đời của Ngài trọn vẹn theo từng giai đoạn cho đến phút cuối cùng

Cuộc đời của Ngài trọn vẹn theo từng giai đoạn.

Cuộc đời của Ngài là bản kinh thực tiễn vô cùng quý báu cho mỗi chúng ta

Trên thế gian này còn tìm đâu nữa

Hãy lấy tư tưởng và cuộc đời của Ngài

Dựng thành lý luận và thực tiễn

Làm nền tảng trên con đường sống đạo

Hãy thiền quán về tư tưởng và cuộc đời của Ngài.

27/01/2001 (16 tháng Chạp)

Hiện Tượng Xuất Gia

Có nhiều người hỏi tôi rằng

Tại sao Trần Nhân Tông bỏ đời sống Thái Thượng Hoàng để đi tu?

Đây là sự trả lời của tôi:

Thế nào là đi tu?

Tụng kinh là tu?

Ngồi thiền là tu?

Niệm Phật là tu?

Cạo đầu là tu?

Mặc áo cà sa là tu?

Ăn chay là tu?

Biết cúng là tu?

Học tam tạng kinh điển là tu?

Thờ tượng Phật hay bồ tát là tu?

Sửa tâm là tu?

Ở chùa là tu?

Làm từ thiện là tu?

Nuôi trẻ con mồ côi hay tàn tật là tu?

Nuôi người già không nơi nương tựa là tu?

Trần Nhân Tông “đi tu” để “chứng đạo”?

Chứng đạo để làm gì?

Hay để thành Phật?

Thành Phật để làm gì?

Để giữ nước chăng?

Hay để cải cách lại đạo Phật cho có tính Việt Nam?

Hay để lập “Thiền Phái Trúc Lâm” thuần túy “thiền” Việt Nam?

Hay để dùng đạo Phật thắng giặc Nguyên Mông?

Hay “để tính kế lâu dài” cho con cháu?

Ngài “đi tu” là để xây dựng hòa khí với lân bang chăng?

Hay để giáo dục hoàng tộc?

Hay để giáo dục và an ủi nhân dân?

Hay để tạo cho nhân dân tăng thêm sức mạnh tinh thần thông qua đức tin với đạo Phật?

Ngài đã sử dụng khả năng nhận biết và ý chí như thế nào trong các giai đoạn của cuộc đời?

Nhân cách của ngài là gì?

Có phải nhân cách cao quý nhất của con người là dám từ bỏ cái khó từ bỏ nhất không?

Một con người nhân cách cao vời vợi như vậy chẳng lẽ lại còn bị bệnh ham chuộng đạo sao?

Có cần xem xét và đánh giá lại các kết luận về Ngài trước đây không?

Tạm biệt

Duy Tuệ

Cư Trần Lạc Đạo

1. Trần Nhân Tông có cần xuất gia tu hành và theo hạnh đầu đà không?

Qua các tài liệu còn lưu lại, ta được biết Ngài đã thấu hiểu con đường của Đức Phật là quay vào trong để thưởng thức đời sống giải thoát khi Ngài đang là một vị hoàng đế, chuẩn bị đối đầu với sự xâm lược của quân phương Bắc Nguyên Mông mạnh nhất và hung hãn nhất loài người lúc bấy giờ, cách đây khoảng gần 700 năm.

2. Nhưng khi chiến thắng quân xâm lược hung hãn Nguyên Mông một cách anh dũng và trọn vẹn, Ngài truyền ngôi cho con là Hoàng đế Trần Anh Tông lúc Ngài mới có 36 tuổi. Trong thời kì làm Thái Thượng Hoàng, Ngài có thì giờ đắm chìm trong đạo mà nhìn ngắm thế gian. Ngài chuẩn bị cho sức sáng tạo mới mà Đại Việt đòi hỏi.

3. Sau sự thưởng thức đời sống giải thoát này, Ngài cũng đã sẵn sàng cho cuộc hành trình mới mà người thế gian hay sống bằng con mắt thịt, bằng trí tuệ bên ngoài không thể nào hiểu nổi Ngài.

4. Ngài quyết định tự xuất gia. Tôi đến thăm nơi Ngài xuất gia xưa kia là Hành Cung Vũ Lâm, nay là huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Được biết, nơi này là điểm tập hợp cuối cùng của Ngài với các tướng lĩnh và đại biểu các tầng lớp nhân dân để quyết định phản công quân Nguyên Mông. Sau chiến thắng ấy, Ngài quyết định trở lại thăm nơi này và quyết định tuyên bố xuất gia theo Phật. Nay còn đền thờ lưu niệm. Vừa là người giải thoát, vừa là người suốt đời chỉ sống cống hiến cho dân, cho nước nên việc quyết định tự xuất gia của Ngài cũng do yêu cầu của sự tồn tại và phát triển của Đại Việt thời bấy giờ.

5. Việc xuất gia rất có ý nghĩa:

Thời kì này là thời kì hòa bình sau chiến thắng quân Nguyên Mông. Con trai Ngài là Hoàng đế Trần Anh Tông đã có bản lĩnh trị nước nên cũng là lúc Ngài thực hiện cuộc sống thanh thân tâm thân lúc tuổi bắt đầu xế chiều.

Sau sáu năm làm Thái Thượng Hoàng, Ngài cũng chuẩn bị cho cuộc thưởng thức đời sống thánh nhân theo kiểu truyền thống thánh nhân trên hoàn vũ. Đây là ý nghĩa sống đạo, sống bên trong, sống với tâm thanh tịnh bên trong, Niết Bàn tại tâm. Đây là hình ảnh của Đức Phật.

Qua việc tự xuất gia, sống hạnh đầu đà cũng để xây dựng một đạo Phật phù hợp với văn hóa và đạo lí Đại Việt còn có giá trị nhiều cho ngày nay, tức Ngài thiết kế đường lối lâu dài cho đạo Phật Việt Nam theo tinh thần đạo và đời không thể tách biệt. Qua cuộc đời, qua nhiệm vụ đòi hỏi của từng thời kì của dân tộc mà đạo biểu thị mình, đồng thời đời cũng nương vào đạo mà phát triển và vui hưởng một cách giải thoát niềm vui của vô thường.

Ngài tham gia đóng góp cho đời trên hình ảnh người tu sĩ đạo Phật. Ngài như vị Phật vừa hoằng hoá độ sinh, vừa thực hiện nghĩa vụ với đời đang đòi hỏi ở Ngài. Mọi hành xử của Ngài phù hợp với đòi hỏi tự nhiên của Đại Việt và không vì tính cách cá nhân, cũng một phần Ngài

đã quá đủ cho nhu cầu cuộc sống cá nhân, Ngài không có nhu cầu nào khác ngoài thưởng thức tâm đạo trong sứ mệnh người công dân yêu nước, yêu cộng đồng của mình. Ngài quả là chim đại bàng vương có đôi cánh đạo và đời hoàn chỉnh, mạnh khoẻ và lộng lẫy lạ thường!

6. Như vậy, việc xuất gia hay không xuất gia không là vấn đề riêng của Ngài mà nghiêng về đòi hỏi của dân tộc nhiều hơn. Ngài đã biết lấy lòng dân làm lòng của Ngài như ông nội của Ngài là Hoàng đế Trần Thái Tông trước kia đã làm vậy.

Do vậy nên mới có “Cư trần lạc đạo phú”.

7. Có học giả xa xưa cho rằng Ngài làm bài “Cư trần lạc đạo phú” trong thời kì làm Thái Thượng Hoàng. Nếu điều này là đúng thì hoá ra Ngài tự mâu thuẫn với chính Ngài sao? Vì bài này khẳng định tu hành hay sống đạo cốt lõi là ngộ bản tâm thuần khiết nơi chính mình, tức “Phật ở trong nhà chẳng phải tìm xa”. Bài này phải được làm thời Ngài đã xuất gia, vì mọi hành vi của Ngài là để giáo dục mọi người đương thời và mai sau. Nghĩa là việc tu hành không nhất thiết phải xuất gia hay tại gia, không nhất thiết phải sống trên núi non hay thành thị, “sở dĩ ta làm như vậy là do yêu cầu phần vinh lâu dài của Đại Việt đó thôi”.

8. Ngài là mẫu người giác ngộ giải thoát sống theo con đường của Phật. Cách thể hiện của Ngài không hoàn toàn giống Phật tổ, nhưng vị giải thoát giác ngộ là một. Ngài tận hưởng trong nội tâm cho riêng mình, và Ngài tận hưởng bên ngoài cõi đời trong việc hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ Tổ Quốc và dân tộc đòi hỏi, hoàn thành một cách đầy hương vị tự tại của người đã giải thoát. Việc thưởng thức mùi vị giải thoát cao nhất ở Ngài được thể hiện qua những ngày cuối đời, và lúc từ biệt đệ tử để đi vào sự yên nghỉ vĩnh hằng như chúng ta đã biết qua nhiều tài liệu.

9. Đây là mẫu người ngộ đạo, sống đạo hoàn chỉnh, tuyệt vời, hùng dũng của dân tộc Việt Nam cách nay gần 700 năm. Chưa có một vị hoàng đế nào của nhân loại sống đẹp như vậy cho đến tận hôm nay. Người Việt Nam cần phải làm sáng tỏ ngày một nhiều hơn di sản văn hóa phi vật thể này, góp phần làm sáng tỏ đạo đức và đạo lý dân tộc cho con cháu giống Việt noi theo, cũng góp phần xây dựng hướng ra cho những ai quan tâm đến đời sống đạo.

Bangkok -Thailand,

28/11/2001

Dân Tộc - Tín Ngưỡng - Pháp Trị

Nhân dịp ngày giỗ đức Vua Phật Trần Nhân Tông

Tôi xúc động về cuộc đời của Ngài quá đổi!

Đời người có hai việc trọng đại

Đó là sống và chết

Trong một lần nói chuyện với gần hai trăm Phật tử

Tại một ngôi chùa ở Sài Gòn

Có Phật tử hỏi tôi rằng:

Tu cũng chết, không tu cũng chết

Vậy thì tu chi hỡi Thầy?

Tôi trả lời: Đúng thế, nhưng nếu biết sống hợp Đạo thì sống sẽ ra sống và chết sẽ ra chết. Ở Việt Nam có Vua Trần Nhân Tông cách nay gần bảy trăm năm đã làm được như thế.

Công thức sống của Ngài là: Dân Tộc, Tín Ngưỡng, Pháp Trị

Đối với Ngài, dân tộc và Tổ Quốc là trên hết

Nhưng dân tộc ấy phải có tín ngưỡng để thăng hoa

Dân tộc và Tổ Quốc ấy phải được cai trị bằng chính pháp.

Về dân tộc:

Cái quý nhất của một dân tộc là không khổ đau vì mất độc lập tự do

Cái quý thứ hai là không khổ đau vì mất bình đẳng và mất nhân phẩm

Cái quý thứ ba là không khổ đau vì nghèo đói

Cái quý thứ tư là tinh thần được thoải mái dưới chính sách lãnh đạo của quốc gia

Đó là những sự quý báu căn bản của một dân tộc

Trong thời đại cai trị của nhà Trần

Đặc biệt dưới thời Vua Phật Trần Nhân Tông trị nước

Ngài đã đáp ứng cho nhân dân mình được những điều quý báu ấy.

Về tín ngưỡng:

Tín ngưỡng thuộc về đức tin

Không thể dùng tri thức mà phân tích được

Tri thức có mặt thì đức tin vắng bóng

Tin những gì?

Trước nhất tin vào tấm lòng và trí tuệ của những bậc vĩ nhân.

Họ thực sự hiến dâng đời mình cho hạnh phúc của dân tộc và nhân loại đến lúc họ phải ra đi.

Nhưng tấm lòng, trí tuệ và sự cống hiến của các Ngài mãi mãi bất tử

Trong lòng mọi người.

Vì vậy mọi người kính trọng và tôn thờ

Và những tấm lòng vàng ấy

Mãi mãi trở thành niềm khát khao của cộng đồng

Nó khó trở thành hiện thực trở lại nên nó dễ thành biểu tượng cầu cúng.

Niềm tin thứ hai là

Trong cuộc sống và chung quanh cuộc sống của con người

Có một thực tại tồn tại vận hành không phụ thuộc vào tri thức và ý chí

Không phụ thuộc vào ngôn ngữ và chữ viết

Nó tự vận hành rất thông minh và cân bằng mọi việc

Con người có khả năng cảm nhận nó

Nhưng không biết làm sao diễn tả hay nói lên được

Con người cảm nhận được rằng

Nếu không có thực tại sống động và màu nhiệm này

Thì con người giống như cái cây đã bị bật rễ nên không còn sức sống

Đức tin như một bộ rễ chuyển sức sống cho cây phát triển, đức tin đã giúp cho tâm hồn con người thăng hoa!

Cao hơn nữa sẽ trở thành bất tử!

Đức tin còn được gọi là tín ngưỡng!

Con người thể hiện đức tin hay tín ngưỡng bằng nhiều cách

Tùy theo căn cơ của mình.

Họ có thể thể hiện qua thờ Mẫu, thờ Thánh, Thần, Phật, Chúa...

Do vậy, các nhà lãnh đạo sáng suốt phải quan tâm hướng dẫn

Cho quần chúng thực hiện đức tin đúng chính pháp

Đức Vua Phật Trần Nhân Tông đã làm việc ấy

Rất tích cực và rất thành công cách nay gần 700 năm!

Mặc dù Ngài theo con đường của đức Phật.

Đó là căn cơ thượng đẳng của Ngài

Nhưng Ngài cũng tôn trọng các tôn giáo khác

Và Ngài cũng đối xử bình đẳng với các tôn giáo

Và các loại tín ngưỡng chính đáng của các dân tộc

Thực hiện tốt niềm tin tín ngưỡng

Sẽ giúp cho tâm hồn nở hoa

Và ấy chính là chất keo thương yêu đoàn kết

Không gì lay chuyển được của một dân tộc

Nó làm cho con tim mỗi người tràn đầy yêu thương

Trong khi đó, tri thức dễ đưa lại hận thù mất đoàn kết!

Vì vậy, một đất nước muốn có sự phát triển bền và đẹp cần phải trợ duyên và hướng dẫn cho tín ngưỡng phát triển.

Nhưng phải ý thức rằng

Các hội tôn giáo không phải là Đạo và tín ngưỡng.

Nó là một tổ chức cho những người có khuynh hướng về một niềm tin

Gặp gỡ và cùng nhau chia sẻ đức tin

Nó là phương tiện cho con người, cho các tín đồ sử dụng

Để thỏa mãn phần nào về đức tin của mình

Và đặc biệt nó sẽ là phương tiện tốt cho người lãnh đạo

Hướng nhân dân của mình thực hiện đức tin hay tín ngưỡng

Đúng chính pháp thông qua nó.

Niềm tin thứ ba cũng vô cùng quan trọng

Tin vào trí tuệ của các Đấng Giác Ngộ

Đặc biệt là Đức Phật. Tại sao lại tin vào Ngài?

Vì Ngài ở trong thực tại thế gian giác ngộ về thực tại

Vì giác ngộ thực tại nên tâm Ngài là gương trong in bóng của thực tại

Nên Ngài sáng suốt dù dặt chúng sinh tự tại trong thực tại

Vượt ra khỏi đau khổ và Niết Bàn

Chỉ ít cũng thức tỉnh trước cái gọi là khổ đau

Để nghiêng về phía Niết Bàn.

Phật giác ngộ như vậy

Nên Phật nhìn con người, thế giới và cuộc sống

Bằng cả nhục nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, thiên nhãn và Phật nhãn

Như vậy, Phật giúp cho chúng sinh giải quyết các vấn đề khổ đau

Bằng cái nhìn và sự nhận biết

Nên Ngài Trần Nhân Tông đã chọn con đường của Phật

Con người đặt niềm tin vào trí tuệ Phật

Để khai mở trí tuệ Phật nơi chính mình

Cũng là điều đầy nhiệm màu và thú vị

Chúng ta là con cháu của Ngài

Không nên tôn trọng Ngài một cách hời hợt nông cạn

Mà phải thực sự tập sống theo tinh thần của Ngài.

Về pháp trị:

Ngài Trần Nhân Tông đã trị nước theo chính pháp. Bản thân Ngài cũng thực hành ngũ giới và thập thiện ngay từ khi là hoàng tử, khi là hoàng đế.

Sau này, Ngài cũng dạy cho các hoàng tử và quan lại

Cũng sống theo thập thiện và ngũ giới

Ngài cũng dạy dân chúng sống như vậy

Phật nhìn thấy thập thiện và ngũ giới là con đường trung đạo

Đưa đến cho chúng sinh đầy ân phước làm người

Con đường thập thiện và ngũ giới giúp chúng sinh phát triển cân đối giữa thân thể và tinh thần

Giúp cho họ làm chủ mọi triết thuyết

Vừa quân bình vừa tùy theo nhu cầu của thực tại sinh động.

Trần Nhân Tông đã dựa vào thập thiện và ngũ giới

Để ngồi trên ngai vàng mà ngai vàng không trói buộc

Để sống trong ngũ dục mà ngũ dục không trói buộc

Để phát huy tình thương và lòng nhân ái cho triều đình và nhân dân

Để quên mình mà sống cho dân tộc và Tổ Quốc

Để điều hành lòng dân, tín ngưỡng, tất cả các triết lý và luật pháp truyền thống

Chăm lo cho nhân dân tùy theo hoàn cảnh của đất nước.

Vinh quang thay minh triết của Ngài, vị vua trị nước theo chính pháp trên con đường của Phật!

Hà Nội, 20/12/2001

Cung Ma Cõi Phật

“Sở dĩ một hơi thở

Lòng người hai biển bạc

Cung ma chật hẹp lắm

Nước Phật khôn xiết xuân”.

Vua Phật Trần Nhân Tông từng nói: “Đời người một hơi thở”, con người thường nói “trút hơi thở cuối cùng” là gì? Khi con người trút hơi thở ra mà không thu vào được, thế là chết. Đức Phật đã chọn quán hơi thở làm một trong những phương pháp điều tâm để đạt thánh trí. Nhưng đa số độc giả đọc đến bài kinh Tứ Niệm Xứ thường không lưu ý giá trị thực tiễn của bài kinh, mà hay phóng tâm đi tìm những chuyện phức tạp, rắc rối và có vẻ “mật - không phổ biến” mới thỏa mãn tâm lý của mình. Chúng ta thường bị tâm trí đánh lừa, và tâm trí thường dẫn dắt con người ra khỏi thực tại để dẫn thân vào mơ mộng. Kỹ thuật kiểm soát hơi thở chính là phương pháp rất hữu hiệu giúp ta ở trong tình trạng của thực tại. **Thực tại là vắng bóng của tâm trí, thực tại sẽ phát huy sự màu nhiệm của tâm, để đời sống tâm linh của chúng ta làm chủ tâm trí và lúc ấy chúng ta sẽ được hạnh phúc!**

Nhờ vào phương pháp kiểm soát hơi thở mà thánh trí phát sinh mới nhận ra được “đời người một hơi thở”. Cuộc đời chúng ta thật quý giá nhưng luôn bị đe dọa, giống như một người đang giữ một vật quý báu nhất trần gian thì mạng sống luôn bị đe dọa từ nhiều phía vậy. Con người thật sự quý giá vô cùng, không vật gì, thứ gì quý giá hơn nhưng lại bị đe dọa trầm trọng bằng một hơi thở! Đừng tin tưởng rằng thở ra, thở vào là quyền của mỗi người. Chúng ta thật sự không có quyền đó. Luật vô thường mới có quyền đó. Nhưng chúng ta lại không thể mua chuộc hay nịnh bợ hoặc thỏa thuận gì được với luật vô thường. Do vậy, con người phải thức tỉnh được điều này mà đừng bỏn và từ bỏ tham vọng, ý đồ và mưu mẹo để hơn thua, chiếm đoạt, nhận chìm và tiêu diệt nhau.

Do vậy, đừng quá tin vào quyền năng của lý trí, của ý muốn mà hãy quay về với thực tại và ý thức về luật vô thường, thiết kế lại đời sống của mình trong tình trạng chúng ta không thể thỏa thuận gì được với luật vô thường. Phải biết rằng “đời người một hơi thở”, đức Phật hoàng Trần Nhân Tông đã sống với ý thức ấy trong cuộc đời của mình.

“Lòng người hai biển bạc”. Nếu thánh trí phát sinh, ta dễ thấy được “lòng người hai biển bạc”. Lòng người ở đây là tâm của con người. Tâm vốn thanh thản không bị giới hạn, không bị cột chặt vào bất cứ gì. Tuy thế, tâm con người lại thường bị lệ thuộc vào hai cảnh giới mộng ảo là lòng tham về danh và lòng tham về lợi. Hai lòng tham này cũng vô bờ bến, tạo ra hai thế trận chôn chặt thân tâm người. Tâm không ngã vào lợi thì cũng ngã vào danh, hai thế trận này đã trở thành tâm thường xuyên của con người! Và con người khó vượt ra hai biển tham danh, tham lợi quá. Từ gọng kìm của hai biển tham danh, tham lợi này mà phát sinh ra vô lượng tâm trí để phục vụ cho hai biển tham ấy. Ở đây, có thể thêm vào một biển nữa là biển tình ái. Biển tình ái cũng mênh mông và chôn chặt con người không ít, có nhiều khi cả đời người. Khi về già,

biển tham danh, tham lợi có thể cạn nhưng chưa chắc biển ái tình đã cạn. Trong lúc còn sức khoẻ thì biển ái tình này thường pha lẫn vào hai biển tham danh, tham lợi, nhưng khi càng về già, nhất là sự già nua của tứ đại thì biển tình ái dần tách ra hai biển kia và chi phối con người về mặt tâm lý nên trong thực tế, cuộc sống cũng không ít người già bị biển ái tình hành hạ làm khổ đời mình, khổ cho nhiều người khác, khổ lây cho xã hội.

Do vậy, con người phải thường xuyên tỉnh táo, nhận biết tai hại của các biển tham danh, tham lợi, tham ái tình để tâm trở lại cõi tự do mệnh mông của nó, cõi Niết Bàn. Ở cõi tự do ấy có sự khoái lạc đặc biệt mà sự khoái lạc của sự thỏa mãn danh, lợi, ái tình không thể sánh được. Mà thực ra, có ai thỏa mãn được với ba biển tham lam ấy đâu. Lòng tham là vô đáy, làm gì có chuyện thỏa mãn.

Các biển tham ấy đã tạo ra địa ngục, tạo ra cung ma nên đức Phật Trần Nhân Tông đã nêu lên trong bài kinh, “cung ma cai quản chặt”. Con người phải biết tỉnh táo và nhận biết về cung ma nơi chính tâm mình. Tâm mình đã trở thành cung ma thì cảnh vật xung quanh cũng là thế giới ảo của ma, vì cảnh bên ngoài chính là ảnh của tâm. Hằng ngày hằng giờ phải thường kiểm điểm xem tâm mình có đang là cung ma của chính mình hay không? Khi con người nhận biết được tình trạng ấy thì cung ma dần dần sẽ tan biến để trả lại cho tâm trạng thái linh nguyên thủy của nó.

Lời kinh ghi: “Cõi Phật khôn xiết xuân”.

Thế nào là cõi Phật? Ở đây có một thực tế đầy hấp dẫn nhưng ít ai thưởng thức được. Thực tế đó là trạng thái tâm vô nhiễm của chính mỗi con người. Tâm không nhiễm phàm cũng không nhiễm thánh. Thực tế ấy có sẵn ở mọi người. Nếu nhận biết được điều này thì hạnh phúc hiện tiền. Những ai đã từng yêu, từng sống với tình yêu nam nữ và thực hiện các nghĩa vụ trách nhiệm trong tình yêu ấy đều thừa nhận rằng, tình yêu có đẹp đến đâu, có tuyệt vời đến đâu rồi cũng không bằng giá trị của tự do. Trạng thái tự do thực sự cao quý hơn nhiều so với tình yêu nhưng tại sao con người lại ít ca ngợi tự do như ca ngợi tình yêu vậy? Quả thực con người có được bao nhiêu người sống với tâm trạng tự do? Chỉ có vài bậc thánh thôi ư? Không phải vậy đâu. Khi con người đã có kinh nghiệm ngự trị trong trạng thái tự do thì suối nguồn tình yêu chân chính sẽ tuôn chảy mãi không ngừng. Tình yêu của trạng thái tâm tự do là tình yêu tràn đầy, tình yêu được ban cho chứ không phải tình yêu để được thứ gì đó. Vậy khi con người muốn hưởng được cực lạc của tình yêu siêu việt thì phải tỉnh táo, nhận ra được trạng thái tự do của tâm Phật trong mình.

Lời kinh nói “cõi Phật khôn xiết xuân”, nghĩa là ở đó chỉ có tình yêu vô điều kiện, thứ tình yêu ban cho mà không bao giờ hết, ban cho không điều kiện, không nhu cầu nhận lại điều chi. Đức Giê-su, Đức Phật Thích Ca đã sống như vậy, Đức Phật Trần Nhân Tông cũng đã sống như vậy trọn đời mình.

Mùa xuân là mùa sinh sôi nảy nở của thế giới, là mùa thanh thoi của con người. Nếu dừng để các lòng tham ái khống chế thì tâm con người lập tức là “cõi Phật khôn xiết xuân”.

Chúng ta hành động cho cuộc sống theo tinh thần của Bát Chánh Đạo là hành động theo chính nghiệp, nghĩa là làm những nghề chính đáng để thỏa đáng nhu cầu chứ không để thỏa mãn

tham vọng điên cuồng của mình.

15/08/2001

Cần Chú Ý Đến Những Vấn Đề Cốt Lõi Tư Tưởng Của Ngài Trần Nhân Tông

Chúng ta nghiên cứu về cuộc đời Phật Hoàng Trần Nhân Tông để làm gì? Chúng tôi là người Phật tử Việt Nam cũng có nhiều ưu tư đi tìm hướng đi tâm linh cho chính mình, và nếu được sẽ góp phần tham gia xây dựng hướng đi cho đạo Phật, cho Phật tử Việt Nam! Trên tinh thần đó, chúng tôi có nhiều bài nghiên cứu về cuộc đời Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông để giới thiệu cùng quý Phật tử tham khảo. Việc làm này chỉ mong tìm ra hướng đi tâm linh phù hợp nhất cho mỗi Phật tử Việt Nam, nhằm đạt được ba mục tiêu: tốt mình, tốt đạo, tốt đời.

1. Quan điểm Phật giáo tổng quan:

Đức Trần Nhân Tông không có tâm phân biệt đối với các hệ phái Phật giáo. Ngài không kẹt trong cái nhìn về đạo Phật, bị bó hẹp trong các hệ phái. Như chúng ta thấy, quan niệm về các vị Phật thì Phật giáo Nam Tông chỉ thừa nhận một số vị Phật ra đời trước đức Thích Ca và Phật Thích Ca là Phật Bốn Tôn, Phật Di Lặc là Phật Vị Lai nhưng không nhắc đến Phật A Di Đà. Đức Trần Nhân Tông tôn kính các vị Phật như nhau nhưng lại thêm rằng các vị Phật ấy đều có trong tâm ta cả, như thấy trong Cư trần lạc đạo phú:

“Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc”

“Tích nhân nghi, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích Ca”

“Cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chửn thực ấy là Di Lặc.”

“Vậy mới hay!

Bụt ở trong nhà

Chẳng phải tìm xa

Nhân khuấy bản nên ta tìm bụi

Đến cốc hay chính bụi là ta”

2. Mẫu người Phật tử Việt Nam:

Ngài đã đưa ra mẫu người Phật tử Việt Nam thời bấy giờ mà vẫn có giá trị đến ngày nay cho Việt Nam và cả thế giới nữa.

Mẫu người ấy như thế nào?

Đứng ở phạm trù là một Phật tử, nên sống theo hạnh bồ tát là người đã ngộ được bản tâm, đã chứng nghiệm được tính không của vạn pháp, phát đại bi tâm sống với chúng sinh để làm chỗ dựa tinh thần giúp đỡ họ.

Nhưng đứng về phạm trù chủ quan cuộc đời thì Ngài lấy tiêu chuẩn trượng phu Việt Nam làm tiêu biểu. Tiêu chuẩn trượng phu Đại Việt là “Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu”. Ngày nay, khái niệm chúa được hiểu là Tổ Quốc, là quyền lợi của nhân dân và chính sách cai trị của các nhà lãnh đạo đất nước, kết hợp hạnh đức bồ tát với tiêu chuẩn trượng phu Đại Việt đã tạo ra mẫu người Phật tử Việt Nam lý tưởng thời bấy giờ là:

“Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên bồ tát trang nghiêm”

“Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu”

Trên tinh thần đó, Ngài đã thiết kế một mẫu người Việt Nam như đã nêu ở trên. Khi trao quyền cho Pháp Loa, Ngài trao một biểu tượng thiết kế độc đáo cho con người làm người là biểu tượng 20 cuốn kinh nội điển viết bằng máu và 100 cuốn kinh sách ngoại điển.

Như vậy, người tu sĩ hay bất cứ ai cũng phải lấy mẫu thiết kế ấy mà phấn đấu. Hai mươi cuốn kinh Địa Tạng viết bằng máu nghĩa là con người phải lấy Giới, Định, Tuệ làm gốc, làm mạng mạch cuộc sống của chính mình. Giới đây là giới lòng, là tư cách tác phong, tư cách làm người khác hẳn với bản năng sinh tồn do lòng tham muốn được thỏa mãn với những ham muốn trần tục. Tuệ đây là tuệ giác hay là tinh thần vô ngã, là tinh thần mình vì mọi người. Nắm lấy và phát huy Giới, Định, Tuệ một cách chính pháp. Tức con đường đưa đến Ngũ Minh (Thánh Minh, Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nhân Minh, Nội Minh) và đây là căn bản tối quan trọng để xây dựng một mẫu người lý tưởng cho hạnh phúc của cuộc đời. Một khi mỗi con người thực hành đúng nghĩa con đường này thì càng thấy vai trò của tư tưởng “Cư trần lạc đạo” của Ngài Trần Nhân Tông là một sợi chỉ vàng xuyên suốt một cách sáng tạo, mới lạ, con đường thực dụng hấp dẫn đối với con người học đạo và lãnh đạo. Con người ấy cần biết rằng, “Tâm ý làm đầu các pháp” và thực hành sự biết đó là căn bản nhất trong các pháp. Tâm ý như thế nào thì các pháp sẽ như thế ấy.

Về bản tâm, ai cũng hiểu rằng mình có sẵn bản tâm vốn thanh tịnh, vốn là gốc của muôn pháp, không cần phải đổ mồ hôi sôi nước mắt làm bất cứ việc gì để có được bản tâm ấy. Nó có sẵn rồi, mọi người chỉ việc dùng ý thức nhận ra nó, rồi dựa vào nó mà phát ra vô lượng tâm ý tùy thuận hoàn cảnh cộng đồng mà làm lợi lạc cho cộng đồng mình. Thế là xong.

Thực ra, Trần Nhân Tông không cần chờ đến tác động của thiền phái để được ngộ tâm pháp. Kinh nghiệm của các thiền phái hay kinh điển chỉ giúp cho Ngài về mặt ấn chứng để biết rằng, Ngài đã đúng đắn trong việc khám phá bản tâm và sử dụng sự khám phá ấy. Không nên quan trọng hóa về nội dung và phương pháp tu dụng. Điều này chỉ nhằm giải quyết nhu cầu cho một bộ phận nhỏ giới tu sĩ chứ không thể giải quyết vấn đề trọng đại của toàn dân, của Tổ Quốc được.

Điều vĩ đại của Đức Phật Thích Ca là sự khám phá Phật tính ở mỗi chúng sinh, và sự khám phá tính không (sự trống rỗng) của thế giới đã tạo nên một động lực thúc đẩy sự thăng tiến thánh trí trong mỗi cá thể con người nói riêng và chúng sinh nói chung. Điều không ít vĩ đại của Trần Nhân Tông là đã biết khai thác kết quả sự khám phá của đức Phật vào thực tiễn bản thân mình để trở thành một người lãnh đạo tuyệt vời của dân tộc, góp phần rất to lớn có ý nghĩa lý luận và thực hành trong việc giữ nước và xây dựng đất nước.

Từ những căn bản của tư tưởng và cuộc đời của mình, vua Phật Trần Nhân Tông đã để lại cho chúng ta một sự học vô cùng quý báu có giá trị vượt thời gian và chính kiến, bởi lẽ tư tưởng và việc làm của Ngài là vì dân, vì nước. Và quý hơn nữa, nó vượt ra khỏi quan niệm hẹp hòi của bất cứ thiền phái nào và thậm chí vượt ra khỏi sự ràng buộc của tôn giáo.

02/08/2001

Làm Rõ Thêm Về Những Điểm Nổi Bật Của Trần Nhân Tông

(Thư gửi ông Ngô Văn Quán, Giám đốc Trung tâm UNESCO Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học Việt Nam)

- Trong tài liệu Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên, Ngô Sĩ Liên đứng trên cái nhìn của nho giáo cộng thêm con mắt của người chưa chứng ngộ chân lý đã kết luận, “Trần Nhân Tông là vị vua anh minh nhưng đáng tiếc là người quá say mê Phật giáo.”
- Các nhà nghiên cứu Phật giáo lại ca ngợi rằng, ở địa vị một vị vua lại sớm nhường ngôi cho con để theo con đường tu hành, sau cùng là đi xuất gia theo Phật làm một vị tỳ kheo hay tu sĩ để tu tập chứng đạo.
- Người đọc ngày nay suy nghĩ gì về hai ý tưởng ấy? Nếu thông thường mà hiểu theo hai ý nghĩ ấy thì chắc chẳng có nhà chính trị nào ủng hộ Trần Nhân Tông cả. Tại sao?

Thứ Nhất

Chuyện say mê một tôn giáo đối với một người nắm quyền sinh sát trong tay đối với một quốc gia quả thật phải coi chừng, và người ấy vì quá say mê như vậy nên đầu óc đương nhiên hành động theo cái tâm tầm tối. Bất cứ loại say mê nào cũng chỉ làm cho tâm trở thành thiên kiến và như vậy rất dễ có tinh thần cực đoan tôn giáo.

Thứ Hai

Nếu một người quá anh minh như Trần Nhân Tông thì là người vô cùng quý báu của dân tộc, nay lại từ bỏ tất cả để tìm đường tu hành nào đó để mong đạt một khả năng giác ngộ nào đó, thì hoá ra Ngài cũng chỉ là con người cá nhân ích kỷ và cũng chẳng có trí tuệ gì. Bởi vì, trước khi rời ngai vàng quyền lực nhường ngôi cho con, Ngài đã xác nhận rằng Tuệ Trung Thượng Sĩ đã khai trí cho Ngài con đường tiến đến giác ngộ, và con đường đó không phải là đi tìm một nhà sư để thọ giới và tu tập hay bất cứ một con đường nào bên ngoài tính giác của mình. Con đường của Tuệ Trung Thượng Sĩ (mà Trần Nhân Tông nhận làm thầy) là tự mình khám phá giác tính nơi chính mình. Chính vì thế mà chẳng có tài liệu nào nói Ngài đã thọ giới sa di với vị sư nào để có cơ hội tiến lên thêm các bậc thang cao hơn như đại đức, thượng tọa, hòa thượng... để được nhiều người tôn sùng. Ngài có cần ai tôn sùng sự tu hành của Ngài không? Tôi chắc là không. Mọi suy nghĩ, quyết định và hành động của Trần Nhân Tông đều từ lòng thương dân, thương nước. Ngài không quan tâm chuyện gì khác ngoài việc thương yêu đồng bào của Ngài, và làm hết sức mình để bảo vệ và giúp đồng bào của mình ngày thông minh hơn, tỉnh táo hơn, no đủ hơn và sống thoải mái tinh thần hơn. Hiện tượng xuất gia theo Phật cũng là một con đường mà Ngài sử dụng để bảo vệ và chăm sóc nhân dân.

*** Vậy ngày nay, chúng ta nhìn thế nào để thấy rằng Trần Nhân Tông chính là một viên ngọc vô giá của người Việt Nam nói riêng và loài người nói chung?**

1. Về nêu cao tinh thần độc lập của người Việt:

Không chịu khuất phục Bắc triều, tìm cách từ chối gập Bắc triều để được phong vương như các vị vua Việt trước kia.

2. Về đạo đức và nhân cách cá nhân:

Có tinh thần học tập từ nhỏ, kể cả học đạo Phật. Siêng năng học tập và làm việc vì lợi chung của dân tộc và các học trò cho đến hơi thở cuối cùng. Thực hành cuộc sống gương mẫu trong mọi thời mọi nơi. Dững cảm từ bỏ mọi ưu quyền bổng lộc để làm gương cho cả triều đình. Một người như vậy mới chinh phục và lãnh đạo được Trần Hưng Đạo trên mọi mặt. Có cuộc sống đạo đức như thế mới dạy con làm vua không được vung phí của công. Có đạo đức như vậy, mọi quan lại mới chịu nghe theo Ngài mà sống thanh liêm, một lòng lo cho dân cho nước. Chứ nếu Ngài cũng trên ngôi cao chín tầng, hưởng bổng lộc rồi dùng quyền uy và pháp luật để dạy và răn đe quan lại thì ai nghe?

3. Về giáo dục nhân cách cho quan lại triều đình và cho toàn dân:

Ngài làm lễ thọ bồ tát giới cho vua Trần Anh Tông và tất cả các quan lại. Bồ tát giới trong đạo Phật theo tư tưởng Ngài là trang nghiêm bên ngoài và trang nghiêm bên trong ("Sạch giới lòng, giỏi giới tướng; Nội ngoại nên bồ tát trang nghiêm" - Cư Trần Lạc Đạo phú). Không phải Ngài say mê Phật giáo đến mức mù quáng mà ép buộc người ta vào tôn giáo. Nhưng Ngài hiểu quá rõ tính nết của hầu hết các quan lại triều đình và các thành viên trong hoàng tộc là thường xuyên tranh dành ảnh hưởng về quyền lực, thu vén quyền lợi và hà hiếp kẻ yếu là dân. Do vậy, Ngài mạnh dạn sử dụng thế mạnh của Ngài sẵn có là người đầy uy quyền của triều đình, dám từ bỏ tất cả mọi hưởng thụ và không tham lam để thực hiện cuộc sống đơn giản vừa với sức của mình và phù hợp với hoàn cảnh của dân của nước. Ngài biết cân bằng và gương mẫu thực hiện sự công bằng trong cuộc sống cá nhân, triều đình và nhân dân. Có như vậy thì mới giữ được nước khi nước lâm nguy. Có như vậy mới đoàn kết một lòng toàn dân và triều đình dựng xây lại đất nước sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá.

4. Về tinh thần đoàn kết dân tộc và tôn trọng tự do tín ngưỡng:

Không kì thị mà ngược lại, tạo điều kiện cho Khổng giáo, Lão giáo cùng tồn tại và phát triển chung với đạo Phật.

5. Về lòng từ bi với nỗi khổ của dân:

Thương dân, đem kho ra phát cho dân khi có nạn đói; để ý đến đời sống của các tù nhân trong mùa đông lạnh giá; gặp dân và cho xem lại những vụ án dân kêu oan.

6. Cái nhìn đối với những người xâm lược bờ cõi:

Khi họ thua trận thì tạo điều kiện cho họ trở về nước bình yên; tôn trọng các tướng của giặc khi họ đã chết, bị đứt đầu thì Ngài ráp đầu lại và lấy áo bào phủ lên rồi cho đưa thi thể họ về nước đàng hoàng. Khi kẻ thù xâm lăng thì quyết chiến quyết thắng, nhưng khi thắng trận rồi thì quên chuyện thù hận trong quá khứ để hướng tới tương lai xây dựng đất nước.

7. Về tư tưởng tu hành và thực hiện lòng tin tín ngưỡng đối với các nhà sư và dân trong nước:

Riêng Ngài, Ngài không nhận một nhà sư nào để làm thầy trong thời gian đóng vai là một nhà sư Phật giáo. Ngài thừa nhận Tuệ Trung Thượng Sĩ là thầy. Trong khi đó, Tuệ Trung Thượng Sĩ lại là một người của hoàng tộc và là một vị quan của triều đình. Tuệ Trung Thượng Sĩ tu thiền nhưng không ăn chay. Trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo, Ngài giải thích mục đích của việc tu hành là gìn giữ cho tâm bình yên và trong sáng rồi tùy duyên mà ứng xử, ứng xử mà vẫn giữ được sự bình yên và vô tâm trước mọi sự việc trước mắt.

8. Về cái dũng:

Không khiếm nhược trước đội quân xâm lược hung hãn nhất thế giới thời bấy giờ và đã chỉ huy hai cuộc chống đại quân xâm lược phương Bắc thắng lợi vẻ vang. Cái dũng thứ hai là dám từ bỏ hoàng hậu, hoàng gia, cung tần mỹ nữ để sống cuộc sống gương mẫu của một người không tham lam những chuyện mà hầu hết con người trên hành tinh này tham muốn. Ngài dám từ bỏ mọi sự hưởng thụ cá nhân để làm gương cho toàn triều đình và nhân dân. Đó là cái dũng vô biên và cũng là cái đức khó làm của nhân loại, kể cả những người theo đuổi con đường giác ngộ giải thoát nhưng vẫn đầy lòng tham.

9. Về cách ứng xử để cân bằng cho từng cá nhân, gia đình và cộng đồng:

Ngài chủ trương và đích thân đi giảng dạy khắp nơi trong đất nước về năm nguyên tắc ứng xử mà mỗi người Việt Nam cần hiểu và áp dụng để giữ sự điều hòa cho chính mỗi cá nhân, mỗi gia đình và cho toàn cộng đồng. Năm nguyên tắc ứng xử ấy là:

- a. Không được giết người và gia súc, động vật.
- b. Không được lấy của cải tài sản, tiền bạc hay những vật khác mà không được người chủ của nó tự giác cho, không được ỷ thế của mình mà hà hiếp lấy tiền của tài sản của người, không được lợi dụng ưu thế của mình để nghĩ ra nhiều thủ đoạn để lấy tiền của của người khác.
- c. Không được quan hệ tình dục loạn luân, không lợi dụng mọi hình thức để thỏa mãn tình dục, không được ngoại tình, không được mua bán và dùng áp lực để thỏa mãn tình dục.
- d. Không được dùng những chất cay, những chất kích thích làm cho đầu óc tối tăm vì sẽ dễ gây ra những hậu quả cho bản thân, gia đình và cộng đồng.
- e. Không được hút thuốc phiện hay cần sa vì sẽ gây ra nhiều hậu quả xấu cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Nói tóm lại, Trần Nhân Tông là một tấm gương về:

- Đạo đức của người lãnh đạo đất nước.
- Là tấm gương sáng về nhân cách cá nhân người Việt.
- Là tấm gương sáng của trí tuệ vô ngã và trí tuệ cân bằng và đoàn kết mọi thế lực

trong nước.

- Là tấm gương thương yêu và tin dân.
- Là tấm gương sáng suốt, sống tích cực và hữu ích khi thực hiện niềm tin tín ngưỡng nói chung và Phật giáo nói chung.
- Là tấm gương sáng của lòng dũng cảm với ngoại bang ý thể mạnh ức hiếp dân tộc và xâm lấn bờ cõi; dũng cảm từ bỏ mọi thứ hưởng thụ mà loài người mơ ước để thực hiện lợi ích cho dân cho nước.
- Là tấm gương trí tuệ thực hiện vai trò của bản ngã tạm bợ để thực hiện những hành động có tính vô ngã phục vụ cho lợi ích của số đông.
- Là tấm gương giáo dục về cách ứng xử cho mọi người để đảm bảo sự điều hòa cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Đó là những vấn đề chúng ta cần xem xét, đánh giá cụ thể để làm sáng lại viên ngọc vô giá này cho người Việt và loài người!

Cali, ngày 30/07/2006

Số Đời

“Số đời một màn kéo

Tình người đôi mắt ngân”

(Trích Trần Nhân Tông toàn tập của Lê Mạnh Thát)

Đọc hai câu kinh trên, tôi không cảm được xúc động khi tôi kéo khoảng thời gian cách đây hơn bảy trăm năm về trước mặt, để nhìn thấy Phật Hoàng Trần Nhân Tông trong những ngày cuối đời từ núi Yên Tử về kinh thành Thăng Long thăm người chị ruột là công chúa Thiên Thụy bị đau nặng sắp qua đời!

Biết chị không thể ở lại với đời, Ngài dặn dò: “Thời tiết đến, chị cứ đi. Nếu có Diêm Vương hỏi thì chị trả lời, chờ em tôi là Trúc Lâm Đại Sĩ sẽ đến”. Từ giã chị, Ngài ngủ qua đêm tại chùa Siêu Loại, sáng hôm sau lên đường về núi Yên Tử, qua chùa thôn Hương Cổ Châu, Ngài đề lên vách bốn câu:

“Số đời một màn kéo

Tình người đôi mắt ngân

Cung ma chật hẹp lắm

Cõi Phật khôn xiết xuân”.

Tôi thật sự xúc động, “số đời một màn kéo; tình người đôi mắt ngân”. Sinh ra trong cõi đời này, chúng ta bị động hoàn toàn, rồi đóng không biết bao nhiêu vai trên sân khấu cuộc đời. Khi màn kéo, chúng ta không thể đóng được vai nào nữa. Chúng ta bị đặt vào các vai diễn một cách bất đắc dĩ trong một chuỗi dài các vở bi hài kịch, cười ít khóc nhiều. Hai con mắt chúng ta không lớn lắm, những giọt nước mắt mỗi khi chảy cũng không nhiều lắm, nhưng cả một đời hai dòng suối này không dứt, đời này rồi vô lượng đời nữa cộng với vô lượng đời đã qua có lẽ nhiều hơn nước của đại dương!

Không ai không khóc, từ người dân thường đến các bậc quân vương, từ người nghèo khó đến những người giàu sang phú quý tột đỉnh! Biết vậy, chúng ta nên sống vị tha, thông cảm lẫn nhau, đừng ghen ghét nhau, đừng bôi xấu nhau, đừng hãm hại nhau, đừng mưu toan đê tiện với nhau. Tất cả những tâm xấu xa đó là “cung ma chật hẹp lắm”.

Có những thế giới khác bên cạnh thế giới khổ đau này. Những thế giới đó đẹp lắm, đó là” cõi Phật khôn xiết xuân”. Ngoài cõi Phật ra cũng còn có các cõi khác thấp hơn chung quanh ta như cõi thánh, cõi trời, cõi a tu la, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi súc sinh, cõi địa ngục. Có các thánh và các mẫu nhưng các vị ấy sống nhiều tình thương và rất hiền hòa. Các Ngài không lừa lọc, các Ngài sống bằng con tim chứ không sống bằng trí. Nếu các vị ấy dùng trí để sống thì cũng không thoát khỏi cảnh “tình người đôi mắt ngân; cung ma chật hẹp lắm”.

Người Việt Cao Quý

Cái đẹp của giống Việt
Là biết vận dụng
Trí tuệ phương tiện của thế gian
Để khám phá chính mình
Trên ý nghĩa đó
Đạo Phật từ Ấn và Trung
Vào Việt Nam khoảng hai nghìn năm nay
Các nhà truyền giáo
Giới thiệu những lời Phật Thích Ca dạy
Theo nhiều kiểu khác nhau
Nhưng sau hơn một ngàn năm
Người Việt tiếp cận với kinh sách Phật giáo
Đến thế kỷ mười ba
Đức vua Trần Nhân Tông trị vì
Người đã công bố với toàn dân Việt rằng:
“Bụt ở trong nhà
Chẳng phải tìm xa
Nhân khuấy bản nên ta tìm bụt
Đến cốc hay chính bụt là ta”.
Rằng Phật tại tâm ta
Tại quên điều quan trọng ấy
Mà ta cứ đi tìm Phật ở bên ngoài
Khi thức tỉnh được điều ấy

Thì chính ta đây là Phật

Chữ Phật đây không phải ông nào

Chữ Phật đây chỉ chung cho người thức tỉnh

người chứng ngộ, người giải thoát, người có tâm tự do

tuyệt đối, người không đánh mất mình trong trí thức

Cho nên Trần Nhân Tông tuyên bố:

“Biết chân như, tin bát nhã

Chớ còn tìm Phật tổ Đông Tây”.

Đức Phật Thích Ca cũng xác nhận rằng:

“Có vô lượng chư Phật”

“Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có

tiềm năng Phật và sẽ thành Phật”

Trạng thái Phật là trạng thái tâm vô tâm tướng

Nên ngài Trần Nhân Tông tuyên bố:

“Hãy xá vô tâm

Tự nhiên hợp đạo”.

Những lời tuyên bố ấy

Lan rộng khắp nhân gian

Mãi đến hôm nay

Hầu như mọi người dân Việt

Tin tưởng và nhận rằng

Phật chính tại tâm ta

Tu Phật là nhận biết Phật của mình

Và để cho Phật của mình làm việc

Thậm chí nhiều người tín đồ đạo Chúa

Cũng nhận ra rằng

Nếu có Chúa

Thì chính tại lòng ta.

Có lần tôi đến thăm một làng Hồi giáo

Tại tỉnh Đồng Nai nước Việt

Tôi trò chuyện với vài tín đồ nam giới

Họ nói rằng

Sau nhiều lần làm lễ cầu nguyện

Thánh Ala

Tại chính lòng ta

Chính những tín đồ Thiên Chúa

Họ rất tâm đắc lời Chúa dạy:

“Hãy dành trọn tình thương cho Chúa

Và hãy yêu thương mọi người chung quanh

như yêu thương chính ta vậy”.

Chúa là tình thương

Hãy dành trọn tình thương cho Chúa

Nghĩa là cái đáng thương yêu nhất

Chính là tình thương vô điều kiện.

Hãy thương yêu mọi người quanh ta

Như chính ta

Một người sống như vậy

Nếu Chúa không phải tại lòng ta

Không phải ta.

Thì ta là ai?

Sự đẹp đẽ nhất của người Việt hôm qua

Hôm nay và mai sau

Là họ nhận ra rằng

Họ chính là một khối khổng lồ

Vô biên tình thương

Bất kể họ thuộc tôn giáo nào.

Tôn giáo chỉ là

Lớp áo bên ngoài

Giúp họ vui với cộng đồng tương ứng

Còn thật tận bên trong

Họ tự biết rằng

Họ chính là Phật, là Chúa, là Ala!

Là lòng thương yêu tất cả muôn loài!

Là sự sáng suốt, đoàn kết vượt qua gian khổ

Để cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no.

Nhưng nếu là những người không phải giống Việt

Chưa chắc họ đã công nhận điều ấy

Họ chỉ hướng về

Tiền bạc và quyền lực

Cùng với sự thỏa mãn khoái lạc xác thân

Họ không cần Phật, Chúa bên trong

Họ không dám nhận nếu đó là điều có thật

Họ thích nhân danh Phật, nhân danh Chúa

Chứ họ không muốn nhận ra chính mình Là Phật, là Chúa!

Nhân danh thì dễ thỏa thích điên cuồng

Không cần chia sẻ

Còn nếu nhận ra

Họ cảm thấy mất đi bản ngã!

Cho nên có người nói:

“Thà sống ở địa ngục trần gian Hơn là chấp nhận thiên đàng”.

Còn người Việt thì sao?

Không từ chối quyền lực

Không từ chối danh vọng

Không từ chối vàng bạc châu báu

Họ cho đó là phước báu của họ

Họ không điên cuồng tạo ra nó

Nhưng họ không từ chối khi nó đến

Họ không sử dụng nó trong trạng thái

Tham sân si

Họ sử dụng nó trên nền tảng đạo lý Việt Nam

Ấy là sự văn minh của người Việt

Là vẻ đẹp, là đạo lý, là thiêng liêng của người Việt.

Tuệ Giác Việt Nam

1. Tôi nói không biết đúng hay sai

Chưa lần nào tôi tìm thấy có bài viết nào nói về Tuệ giác Việt Nam.

2. Việt Nam có điểm nổi bật là gì?

Thứ nhất là mở mang bờ cõi và thống nhất đất nước, dân tộc.

Thứ hai là chiến thắng các quân xâm lược hung hăng nhất thế giới.

Thứ ba là từng bước phát triển về kinh tế, chính trị, an sinh xã hội và nhân phẩm con người.

3. Dĩ nhiên trong quá trình lịch sử ấy cũng có thể này thế khác

Nhưng cái tiến bộ lấy quyền lợi dân tộc làm mục tiêu sống ấy là điều cơ bản nhất.

4. Ấy là những giá trị của bề nổi

Còn giá trị vô hình mang tính phi vật thể nữa

Như các di sản văn hóa, tư tưởng.

5. Một số di sản tinh thần như

Lòng yêu Tổ Quốc nồng nàn, đoàn kết thương yêu nhau

Tư tưởng Tổ Quốc thống nhất, dân tộc thống nhất

Đặc biệt là tinh thần dung hợp văn hóa, dung hợp triết học, dung hợp tư tưởng để phục vụ dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước.

6. Cái gì tạo nên những tài sản khổng lồ và chắc chắn bền vững ấy?

Phải chăng đó là TUỆ GIÁC VIỆT NAM.

7. Cái ấy rất khó thấy vì không thành văn tự

Cái ấy rất khó thấy vì nó không thuộc về một sức mạnh cụ thể nào.

Cái ấy rất khó thấy vì nó không thuộc tri thức nên không tổng kết được.

Cái ấy bao hàm và chi phối mọi lực lượng.

Cái ấy nằm trên tất cả mọi lực lượng có thể nói được.

Cái ấy là sức sống chung của cả dân tộc

Và cũng là Phật tính của Tổ Quốc.

Khi Tổ Quốc có nhu cầu

Nó thường xuất hiện ở một số con người gọi là anh hùng dân tộc.

Vì vậy mà Việt Nam có rất nhiều anh hùng dân tộc.

8. Đất nước trải qua nhiều thăng trầm thì cái ấy càng hiển lộ mạnh hơn

Cái ấy chỉ có thể được trực nhận qua thiên quán

Và tự biết mà khó nói ra bằng lời.

Cái ấy là ân huệ lớn của giống Việt

Tôi nghĩ rằng, cái ấy luôn được tôn thờ trong tâm của mỗi người Việt Nam.

Đó là: TUỆ GIÁC VIỆT NAM!

22/03/2002

Quốc Độ Phật Yên Tử

Ta từ hư vô
Du hí núi rừng Yên Tử
Vì nơi đây
Nhiều núi liên hoàn
Tạo ra một Mạn-đà-la hóa thân Cổ Phật
Trên những đài sen liên hoàn núi trùng điệp điệp.
Đỉnh chùa Đồng nơi Phật A Di Đà thường trụ
Đến Hoa Yên, trung điểm Phật Thích Ca
Tháp Tổ đi liền trên trục Phật thường hằng
Vân Tiêu là trí tuệ Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi
Thác Ngự Dội là từ bi Quán Âm Bồ Tát
Am Dược là diệu pháp của thế gian
Qua trung tâm Ngài Thích từ Trí Văn Thù
Giọt lệ Quán Âm là Chùa Bảo Sái
Rơi từ Ngự Dội qua Hoa Yên trung điểm.
Đó là toàn cảnh của Mạn-đà-la nhiệm màu Cổ Phật
Được thiết kế như cung điện
Cho các Đấng giác ngộ thần thông du hý
Vì vậy nơi đây Chư thiên thường lui tới
Để dẫn đường cho người thiện tướng
Đức Điều Ngự Giác Hoàng
Ngài Pháp Loa hay thầy Huyền Quang Tam Tổ
Cũng là những hóa thân của vô lượng đấng từ bi

Phật quốc này sẽ hộ trì và nâng đỡ Việt Nam

Vì vậy nhân dân phải giữ gìn

Như giữ gìn chính pháp của Phật Cổ quyền năng.

Từ Hà Nội Việt Nam

Chuyển mình về cảnh tiên non nước Hạ Long

Sẽ đi qua thành Phật quốc Trúc Lâm Yên Tử

Nơi cổng thành có chùa Trình chào đón

Đó là tạo hóa tự nhiên

Chúng sinh gìn giữ để hưởng phúc lành

Vì đức của bậc giác ngộ

Muôn loài chúng sinh hưởng muôn đời không hết!

Bất cứ chúng sinh nào

Đến chùa Trình lễ Phật

Là đã vào Phật quốc thế gian

Bỏ lại sau lưng việc đời bấn sạch

Theo đường mòn về đến Hoa Yên

Và thêm một chút lên cao về hướng hư không

Sẽ gặp Vân Tiêu nơi Bồ Tát Văn Thù ngự trị

Phật tâm sẽ hiển bày

Gắng thêm chút nữa vượt qua núi Bất Thối

Đến đỉnh chùa Đồng, Viên mãn Phật tính nơi ta.

Núi Yên Tử, Việt Nam - 10-2000

Bài Học Trong Ngày Giỗ Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông

(Gửi cho các vị đang chuẩn bị ngày giỗ của Ngài)

Ngày 1 tháng 11, quý vị làm Lễ giỗ Đức Trần Nhân Tông

Tại CLB Trần Nhân Tông Linh Xuân, Thủ Đức.

Chúng ta kỷ niệm ngày Ngài hoá kiếp trên đỉnh Yên Tử

Cách nay gần bảy trăm năm.

Là để có dịp nghiên cứu và học tập những giá trị bất hủ của Ngài

Những giá trị ấy phải cụ thể có lợi cho mọi người và cho Tổ Quốc.

Nói về Ngài nói hoài không hết

Chỉ cố gắng tập trung vào những điểm quan trọng

Nhằm có thể giúp ta có được bản lĩnh và nhân cách như Ngài

Có được lòng thương người và trọng lễ công bằng trong cuộc sống.

Người Việt Nam thường nghe về Ngài như một thiền sư “thuần Việt”

Và thường nhắc đến chốn Yên Tử như là nơi Ngài xây dựng “Thiền phái Trúc Lâm”. Riêng tôi, tôi không nhìn sự vinh quang của Ngài là lập chốn thiền môn (và cũng chưa hẳn Ngài đã lập chốn thiền môn).

Bởi tất cả mọi hình tướng đều bị lợi dụng và hiểu lầm

Hoặc bị sử dụng không phù hợp hoàn cảnh của đất nước đang đòi hỏi

Hoặc không phù hợp với giá trị của trí tuệ của các bậc tiền bối để lại

Sẽ gây ra tổn thất về tinh thần không nhỏ cho một dân tộc.

Chúng ta cũng nên có những công trình vật chất vừa phải

Để tưởng nhớ và tôn vinh các anh hùng và vĩ nhân của dân tộc và nhân loại

Nhưng phải cẩn trọng trong việc sử dụng giá trị tinh thần

Phải dựa trên quyền lợi của toàn dân mà khai thác giá trị tinh thần của nó

Chứ đừng thối phồng theo thứ tư tưởng hẹp hòi ích kỷ

Bởi lẽ trí tuệ và tình thương của các vĩ nhân luôn đứng trên mọi mâu thuẫn.

Các ngài luôn đứng trên đại dương để chiếu ánh sáng vào những con rạch

Chứ không trong những con rạch nhỏ bé để phát sáng trí tuệ của mình.

Ngoài Yên Tử như ngày nay

Còn có một thánh địa lịch sử mà chúng ta chưa trùng tu được

Đó là Am Ngọa Vân

Nơi Ngài đã chọn để hoá kiếp

Trên ấy còn nhiều di tích để minh chứng trí tuệ và tình thương của Ngài.

Đôi khi chúng ta cũng nên tự hỏi

Rằng Ngài biết rất rõ là Ngài đang đến thời phải hoá kiếp

Đường lên Yên Tử rất tiện lợi lại có nhiều nhà sư đang tu học tại đó

Tại sao Ngài không chọn nơi này để ra đi

Mà lại chọn Am Ngọa Vân, nơi đỉnh cao rất xa và rất khó lên?

Tôi mong rằng một ngày nào đó, chúng ta sẽ trùng tu được

Am Ngọa Vân!

Tôi trở lại chữ thiền

Ai định nghĩa được chữ thiền và ai thích dùng chữ này?

Tôi cũng bỏ nhiều thời gian để cố hiểu chữ thiền

Nhưng thật tình, tôi cũng chẳng hiểu gì về chữ này

Người ta đã dùng chữ này theo nhiều mục đích khác nhau

Và khéo phủ lên nó nhiều điều huyền hoặc

Chung quy cũng vì lợi và danh.

Chúng ta không thể sống lập dị với thế giới được

Chúng ta không thể tách rời sự chuyển động của thế giới được

Ngài dạy, “Ở đời vui đạo hãy tùy duyên”

Tại sao lại không tùy duyên mà sống

Tại sao cứ mãi lập dị theo sách vở để lại?

Sách vở là chuyện của quá khứ và không thể là điều như đình đóng cột.

Cuộc sống không thể là bản copy, dù bản cũ có chính xác đến đâu đi nữa,

Cuộc sống là bây giờ, và “bây giờ” thì cần tinh thần tự do để ứng xử.

Toàn bộ cuộc sống của Ngài là **tinh thần độc lập tự do, thương người và công bằng.**

Bài học quý giá nhất mà Ngài để lại là

Tinh thần độc lập và tự do

Là lòng thương người và lẽ công bằng

Là sự coi khinh danh và lợi cá nhân

Tính Phật của Ngài được nở hoa

Trong hoàn cảnh đất nước sắp bị tràn ngập bóng quân thù

Loại kẻ thù luôn có lòng tham vô đáy

Gieo đau thương tang tóc trên khắp hành tinh

Ngài thật sự là biểu tượng của trái tim lớn và trí tuệ lớn của loài người.

Phần đông con người là nô lệ cho lòng tham lam danh lợi

Bị danh lợi chi phối suy nghĩ, nên họ có thể làm bất cứ việc gì tàn ác bẩn thỉu

Và đầu óc tham lam rất tinh vi, biết sử dụng nhiều hình thức che đậy

Và bảo vệ những suy nghĩ và việc làm tội tệ của chúng.

Không nên đem sự quý báu này đóng khung trong chữ thiền

Để cứ nói mãi đến “thiền độc lập”

Thiền độc lập lại có giá trị gì cho đất nước này và nhân loại trong thời gian qua và ngày nay?

Cuộc sống là một dòng chảy không có điểm cuối cùng

Vậy hãy nương theo tinh thần tự do và độc lập mà tùy duyên ứng xử.

Người Ấn Độ và người Trung Quốc luôn có khuynh hướng ảnh hưởng tư tưởng của họ lên toàn thế giới

Người Mỹ bây giờ luôn muốn ảnh hưởng thế giới bằng vũ khí và tiền bạc

Những nước đang phát triển hoặc dưới sự phát triển lại thường bị ảnh hưởng bởi tư tưởng, tiền bạc hay vũ khí bên ngoài.

Họ cần sức mạnh bên ngoài

Nhưng Trần Nhân Tông ngược lại

Ngài dùng **sức mạnh độc lập tự do, lòng thương người và công bằng**

Để thắng quân xâm lược Nguyên Mông hung hãn nhất thế giới

Cách nay gần bảy trăm năm.

Phật cũng dạy, hãy để cho tinh thần tự do

Đừng nô lệ một ý niệm nào hoặc một pháp tu nào thì trí tuệ siêu việt mới xuất hiện

Trí tuệ của tinh thần tự do là trí tuệ siêu việt

Rồi dùng trí tuệ siêu việt ấy tùy duyên mà ứng xử với hoàn cảnh chung quanh.

Nhưng ở đây cũng cần nhắc thêm một vấn đề dùng làm nền tảng cho ứng xử tùy duyên,

Chúng ta nhớ lại bảy trăm năm xưa, khi từ giã vua cha trên Yên Tử

Công Chúa Huyền Trân xin vua cha một lời dạy cuối cùng

Trước khi rời Đại Việt để theo chồng về Chiêm Thành

Trần Nhân Tông đã dạy: “Con theo chồng về xứ người nên nhớ lời này

Mỗi khi làm việc gì có lợi cho dân tộc thì cứ làm, đừng đắn đo suy nghĩ.”

Sống trong một nước, cần phải dựa vào quyền lợi của dân tộc mà tùy duyên ứng xử

Ứng xử thế nào cũng được, đóng vai gì cũng được

Nhưng ảnh hưởng của nó đối với dân tộc là

Dân tộc ấy phải ngày càng thông minh, mạnh khỏe, đoàn kết thương yêu nhau, phồn vinh và

Dân tộc ấy là biểu tượng của trái tim và trí tuệ của loài người.

Madison, 30/10/2004

Thư Chào Mừng Lễ Kỷ Niệm 699 Năm Ngày Giỗ Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông

Kính chào tất cả quý thiện hữu tri thức và quý đồng đạo!

Dù ở xa quê hương nhưng quê hương luôn trong lòng! Hôm nay, tôi rất đổi vui mừng khi biết tất cả quý vị về đây tham gia lễ kỷ niệm 699 ngày Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch trên núi Yên Tử (ngày 01/11/1308). Ngài đã để lại cho người Việt Nam, không phân biệt tôn giáo hay thành phần xã hội một con đường tâm linh chân thật, rõ ràng, không thể bàn cãi đúng sai trong bài phú “Cư trần lạc đạo” và trong toàn bộ cách sống của Ngài từ lúc còn nhỏ cho đến khi viên tịch.

Nếu mọi người Việt Nam thảo luận và thực hành được thì người Việt Nam sẽ là lớp người có Minh Triết để sống hạnh phúc trên hành tinh này và sẽ được nhân loại ngưỡng mộ!

Trung tâm UNESCO Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học Việt Nam

hiện nay đang từng bước tổ chức truyền bá, thảo luận về Minh Triết Trần Nhân Tông trên cả nước, thông qua hình thức tổ chức các Câu lạc bộ Trần Nhân Tông. Tôi rất mong việc này được các quý tăng ni đồng tình trợ duyên, được tất cả các thiện tri thức hưởng ứng, được các hội viên của Trung tâm UNESCO Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học Việt Nam làm nòng cốt đi đầu. Bởi vì, con đường tâm linh là con đường duy nhất đưa đến hạnh phúc nội tâm và đưa mỗi con người trở thành những con người sáng tạo thật sự, góp phần kiến tạo một thế giới hữu tương tương đối hài hòa về kinh tế, văn hóa, khoa học, đáp ứng lòng khao khát của mọi người.

Con đường tâm linh mà Đức Giác Hoàng đã sáng tạo và để lại bằng cả cuộc đời của Ngài không có gì để bàn cãi đúng sai nữa. Không có gì mập mờ để sai đường hay để kẻ vô lương lợi dụng. Lần giỗ thứ năm này đánh dấu bước đi vững chắc của những người có đủ niềm tin đi đầu, dù đã gặp nhiều khó khăn nhưng đã chứng tỏ sự đúng đắn và được xã hội ủng hộ. Tôi rất mong trong năm 2008 sẽ có nhiều cuộc hội thảo về con đường tâm linh của Đức Giác Hoàng qua bài “Cư Trần Lạc Đạo Phú” và cả cuộc đời của Ngài.

Cũng nhân dịp ngày giỗ Tổ này, năm nay quý hội viên Trung tâm cũng nêu lên nhiều thành quả công tác từ thiện trong năm qua. Công tác từ thiện, cứu đói, làm cầu, làm nhà, trồng cây là những việc làm thể hiện lòng bi mẫn của chúng ta trước cảnh khổ của người khác. Việc này thật sự nên làm và nên phát triển. Quý vị làm từ thiện rất đúng chỗ, đúng người, rất nhiệt tình và trong sáng. Tôi hết lòng tán thán công đức của quý vị tham gia từ thiện và mong rằng việc từ thiện ngày càng phát triển hiệu quả và nhiều người cùng tham gia với quý vị.

Kính chúc quý thiện hữu tri thức và quý đồng đạo mạnh khỏe, an lạc, nhiều may mắn!

California, ngày 10/12/2007

Duy Tuệ

Thư Chào Mừng Các Phật Tử Nauy Nhân Ngày Giỗ Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông

(Lần thứ hai tại Nauy và lần thứ ba tại châu Âu)

Thứ bảy, ngày 8 tháng 12 năm 2007

Tôi chào tất cả quý đồng đạo và quý thiện hữu tri thức!

Hôm nay, quý vị về đây để cùng nhau làm một lễ giỗ tưởng niệm vua Phật Việt Nam, Trần Nhân Tông!

Ngài sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu ngọc (1258), cách nay 749 năm. Ngài nhập Niết Bàn ngày 1 tháng 11 năm Mậu thân (1308), cách nay 669 năm.

Ngài viên tịch trên ngọn núi Yên Tử, trên một tảng đá trong một am thật nhỏ, vừa đủ một người nằm.

Năm 2001, tôi cùng nhiều đồng đạo đã lên tận nơi ấy. Đường đi lên núi rất khó khăn và phải đi trong 4 giờ đồng hồ mới đến được đỉnh cao gần 1.200m so với mặt nước biển. Hiện nay vẫn như vậy. Còn núi Yên Tử có chùa Hoa Yên, chùa Vân Tiêu (ngôi chùa mà các Phật tử Nauy đã công đức cùng chúng tôi xây dựng năm 2001) và chùa Đồng, hiện nay có nhiều di tích của Ngài là nơi mà trước đây Ngài từ bỏ Ngai vàng, từ bỏ cuộc sống của hoàng tộc, từ biệt hoàng hậu và các cung nữ để sống đời một tu sĩ thật giản đơn và dạy đạo cho các nhà sư, cho triều đình và dân chúng.

Ngài thường sống trong am nhỏ hoặc trong hang núi chứ không sống trong bất cứ ngôi chùa nào. Nhưng khi Ngài dạy đạo hay dạy cách tu hành cho các nhà sư thì Ngài dạy tại các chùa từ thành Thăng Long xưa (nay là Hà Nội) đến núi Yên Tử. Ngài thường đi bộ nhiều nơi trên cả nước để dạy cho dân cách sống đạo đức, hợp với lời Phật dạy, đặc biệt là Ngài dạy dân thực hành năm giới luật của Phật: không giết súc vật theo ý của mình, không giết người; không lấy những gì không phải người cho; không uống rượu và hút thuốc phiện hay cần sa; không quan hệ tình dục bất chính; không nói dối hay nói gây mất đoàn kết. Ngoài ra, Ngài dạy tu hành theo Phật là giữ lấy lòng thành thật mà cư xử với nhau, lấy sự bình yên của tâm làm mục đích. Mà muốn yên tâm thì đừng để lòng tham dẫn dắt ý nghĩ, hành động và đừng để ý đến thị phi. Lấy lòng vô tư mà nhìn người, không lấy ý nghĩ riêng của mình để đánh giá người. Nếu làm được như vậy thì chẳng cần đi tìm Phật nơi đâu mà mình cũng là Phật, cũng chẳng cần ngồi thiền hay làm bất cứ pháp nào khác.

Tôi xét thấy những lời dạy ấy thật chí thiết và rất thực tế, dễ hiểu, dễ hành. Chỉ đòi hỏi mình phải có ý chí quyết tâm là được. Chủ trương tu hành của Ngài rất phù hợp với trí tuệ, phù hợp với thế giới ngày nay của con người.

Trong hai lần thăm Nauy, tôi thấy hầu hết người Việt Nam chúng ta sinh sống tại đây, không

phân biệt tôn giáo, đều có thiện tâm và đều có nỗ lực thực hành tâm linh cho mình thêm tốt. Riêng các Phật tử mà tôi đã biết, dù đang bận rộn với cuộc sống nhưng lòng dạ lúc nào cũng có tâm ý thực hành tâm linh, tu tâm dưỡng tính một cách nhiệt tình. Tôi rất thán phục, rất quý trọng và tán thán công đức của tất cả quý vị!

Ngày giỗ lần thứ hai tại Na Uy này đánh dấu một đường lối thực hành tâm linh theo Phật Tổ thực dụng, hữu ích, đơn giản, bình đẳng, phổ cập, không cần hình thức cầu kì, nhưng đem lại kết quả sống hạnh phúc cho ai quyết tâm theo đuổi. Bởi vì, con đường đơn giản không hình thức này phù hợp với những ai không đồng tình với các hình thức phân chia ranh giới giữa con người và con người trong tiến trình mưu tìm hạnh phúc qua thực hành tâm linh, và cùng thực hành niềm tin vào tấm gương của Phật Tổ. Con đường này phù hợp cho những ai biết rõ chỉ có sự hiểu biết mới là chìa khóa thực sự mở cánh cửa của thế giới hạnh phúc. Thực hành những chân lí căn bản Phật Tổ chỉ dạy sẽ mở ra sự hiểu biết trong tâm ta thật sự, không sai.

Tôi hoàn toàn tin tưởng quý đồng đạo, quý thiện hữu có mặt ở đây hôm nay sẽ là những người đi đầu cho một con đường tâm linh theo Phật Tổ lợi ích nhất, gần gũi mọi thành phần trong xã hội nhất, không phân biệt tôn giáo hay niềm tin khác nhau, bình dị và bình đẳng nhất, ít tốn kém thời gian và tiền bạc nhất. Con đường tâm linh bình đẳng và không hình thức này sẽ góp phần phát triển vườn hoa đạo Phật tươi sáng do tính cách phù hợp với trí tuệ và tình hình phát triển của thời đại ngày nay.

Cầu nguyện cho quý vị an lạc và may mắn!

Duy Tuệ



Hiền giả Phật Tuệ và các hiền giả

Minh Triết tại Na Uy tổ chức Lễ Giỗ Phật Hoàng

Hãy Là Đấng Sáng Tạo Cho Chính Mình

Thư của Thầy Duy Tuệ nhân kỷ niệm 700 năm ngày viên tịch của Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông

Nội dung này đến với quý vị là kết quả của sự cầu nguyện hơn ba mươi ngày.

Kính chào tất cả quý thiện hữu quý giá và thiêng liêng!

Năm nay, chúng ta tổ chức lễ kỷ niệm 700 năm ngày Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch trên Am Ngọa Vân, núi Yên Tử có nhiều điều mới hơn các năm trước. Một trong những điều mới là lần này lễ giỗ được tổ chức đồng thời tại Thủ Đức - Việt Nam, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch và Hoa Kỳ.

Tại Việt Nam là lần thứ 6, tại Na Uy là lần thứ 4 và Hà Lan, Đan Mạch, Hoa Kỳ là lần thứ nhất. Điều này nói lên sự thành công ban đầu về con đường khai mở hạnh phúc có thật trong mỗi con người chúng ta, mà bằng chứng hùng hồn là bất cứ quý thiện hữu nào đã nghe và thực hành con đường này ít nhiều đều có hạnh phúc, cuộc sống có chất lượng cao hơn, nhiều hiệu quả hơn, tâm hồn bình an hơn, và biết rất rõ cách khai mở hạnh phúc của mình nằm chính ngay trong cái đầu chứ không đâu xa.

Một điều mới nữa là, năm nay chúng ta chính thức đặt tên gọi cho con đường khai mở hạnh phúc là Thiền Minh Triết. Tên gọi này sẽ thống nhất trên toàn cầu. Nói nôm na, phương pháp thiền này là quan sát để khám phá vấn đề của cái đầu, và sử dụng nó sao cho chất lượng sống cao nhất, thật sự hạnh phúc về cả tinh thần lẫn thể chất! Các phương pháp này đang được sắp xếp lại và xuất bản thành sách, cd, dvd, hình ảnh để có thể truyền tải đến và đem lại hạnh phúc cho nhiều người!

Lại thêm một chuyện mới nữa là, năm nay chúng ta sẽ có chương trình giúp đỡ đời sống tinh thần cho người khiếm thị. Giúp họ mở “con mắt bên trong” để phát huy các khả năng của cảm xúc, thính giác, khứu giác và vị giác để có thể sống hạnh phúc trong suốt quãng đời bất hạnh vì bị khiếm thị. Nhân đây, tôi xin ghi nhận và tán thán công đức của tất cả quý thiện hữu đã đóng góp công sức, tiền bạc cho Quỹ phát triển Thiền Minh Triết để góp phần làm giảm nỗi khổ đau tinh thần cho những người bất hạnh!

Ngoài ra, năm nay chúng ta cũng có kế hoạch giúp đỡ người già biết cách ra đi khỏi thế giới này, giúp họ thoát khỏi sự khủng hoảng tinh thần trước giây phút cuối cùng của cuộc đời. Đồng thời, giúp tuổi trẻ biết cách đi vào cuộc đời, giúp họ tránh bất mãn, chán đời, thất vọng đến nỗi phải quyên sinh.

Thưa quý vị!

Lần này, tôi muốn lưu ý thêm cho chúng ta thấu hiểu sự thật về chuyện xuất gia của Đức Điều Ngự là gì. Có phải Ngài xem thường ngai vàng để đi tu như trong Sử kí hay nhiều người đã nói như vậy? Có phải Ngài đi tu vì ham muốn thành Phật, ham muốn chứng đạo? Bằng sự trải

nghiệm, tôi có thể nói rằng, Ngài không phải như vậy. Có thể nói, toàn bộ cách sống của Ngài, nhất là sau khi nhường ngôi rất sớm cho con để chọn cuộc sống đơn giản qua hình thức một tu sĩ Phật giáo, Ngài đã viết ra một quyển kinh thật, kinh không chữ, kinh bằng cuộc sống thật, cuộc sống bình dị, gần gũi, bình đẳng, không tăng không tục, không vua không tôi với mọi người, và chia sẻ những trải nghiệm hạnh phúc của mình đến mọi người. Ngài muốn gửi một thông điệp đến nhiều thế hệ sau rằng, hãy lấy cuộc sống thực của mình để có cuộc sống hạnh phúc chứ không phải là biểu diễn những pháp tu để dẫn đến hạnh phúc.

Vua Trần Nhân Tông đã trải nghiệm sự bừng sáng con đường tâm linh như thế nào?

Ngài lên ngôi năm 1278, lúc ấy 20 tuổi. Nhờ Tuệ Trung Thượng Sĩ khai thị mà Ngài đã thâm nhận ra yếu chỉ của chư Phật là, khám phá và nhận biết trạng thái tĩnh táo bền vững vĩnh viễn của đầu óc. Đó là thông điệp chính yếu của các Phật gửi đến cho các đệ tử và loài người. Sống cảnh thiên đàng được cũng là do cái đầu, hoặc sống trầm luân khổ đau trong cảnh địa ngục cũng tại cái đầu. Ngài nắm được bí quyết này lúc 28 tuổi, khi đang trên ngai vàng của nước Đại Việt. Kể từ đó, Ngài đã nắm vững chìa khóa tâm linh cho đời mình là hãy quay vào trong để nhìn thấy cái đầu của mình, thấy tất cả các trạng thái và cách làm việc của nó.

Cũng kể từ thời điểm nắm được chìa khóa quan trọng ấy, Ngài đã phát triển các phẩm chất thật tốt đẹp và thật sự hạnh phúc! Cũng từ đó, Ngài làm được những việc khó làm như dừng cảm lãnh đạo cả nước chống lại sự ức hiếp của nước lớn phương Bắc, bảo vệ độc lập cho Tổ Quốc, rồi dừng cảm nhường ngai vàng cho con lúc Ngài còn rất trẻ (36 tuổi), dừng cảm từ biệt đời sống nhung lụa của hoàng tộc để sống giản đơn trong am cốc, núi rừng và gần gũi với nhân dân để giáo dục cho họ sống đạo đức. Nói chung, những tính chất tinh anh của Ngài rất nhiều mà chúng ta có thể tìm các sách vở để đọc cho hiểu, trong đó có quyển Những Điều Dạy Về Phật Của Trần Nhân Tông do tôi viết đã xuất bản tại Việt Nam và tái bản tại Hoa Kỳ.

Năm nay, tôi đưa ra ba bài học quý giá **từ cuộc sống của Ngài có thể giúp chúng ta** phát triển không gian Minh Triết và các phẩm chất tốt đẹp, để chúng ta thật sự hạnh phúc!

Bài học thứ nhất là, hãy quay vào trong nhìn cái đầu của mình để hiểu mình và hiểu người. Đồng thời có thể tự phát huy nội lực hoá giải mọi hoàn cảnh bất an cho mình.

Bài học thứ hai là, buông bỏ sự tự tôn về kiến thức cũng như thành tích của mình, đồng thời chia sẻ những cảm xúc thương yêu hồn nhiên tự đáy lòng mình đến mọi người. Như quý thiện hữu hữu đều biết, kiến thức, bằng cấp, thành tích có thể đem đến cho con người danh lợi nhưng chắc chắn không đem lại hạnh phúc.

Bài học thứ ba là, hãy sống bình đẳng và gần gũi những người đang khổ đau về tinh thần, để thấp sáng ngọn lửa hi vọng, hạnh phúc trong đầu óc và tâm hồn họ. Cách hành xử này nói lên sự trưởng thành của mỗi chúng ta về tâm linh.

Thưa Quý thiện hữu thân mến và thiêng liêng cao cả!

Việc học tập lấy bằng cấp, tu hành những pháp môn cực kì khổ hạnh, khó khăn đến đâu cũng có nhiều người làm được, nhưng thực hiện ba điều đơn giản nêu trên dễ mấy ai làm nổi! Tất cả mọi bằng cấp, lời nói, sự truyền bá và mọi phương pháp thực hành tâm linh dù cao cả hoặc hấp

dẫn đến đâu mà không làm nổi một trong ba điều nêu trên thì chúng ta nghĩ gì về giá trị của nó?

Thưa Quý thiện hữu tri thức!

Trước sự thay đổi nhanh chóng của cuộc sống từ khoa học, kỹ thuật và đặc biệt là sự thay đổi trong nhận thức, thay đổi hoài bão và tâm hồn của con người ngày càng mãnh liệt và thực tế, tất cả chúng ta cần phải coi lại các niềm tin của mình, coi lại những điều quyến rũ mà mình bị mê hoặc, đặc biệt là tin vào suy nghĩ hay những kinh nghiệm sống của mình. Có coi lại, có đặt nghi vấn về giá trị của nó thì không gian tỉnh thức hay thế giới Minh Triết mới có cơ hội được kích hoạt trở lại. Chỉ có như vậy, chúng ta mới thực sự là Đấng Sáng Tạo cho chính mình, gia đình và cho cộng đồng mà mình đang sinh sống.

Để thực hiện hoài bão là một con người luôn sáng tạo trước mọi hoàn cảnh, chúng ta không có con đường nào khác là phải thực hành Thiền Minh Triết, mà chìa khóa nằm trong hai chữ “quan sát”. Quan sát cái đầu của chúng ta như tôi đã nói rất nhiều từ hơn 10 năm nay, kể từ khi tôi quyết định từ bỏ cuộc sống chỉ lo cho cá nhân mình, để chia sẻ kinh nghiệm hạnh phúc với tất cả quý vị và loài người. Quan sát những ý nghĩ, suy tính và những ý tưởng chứa trong đầu óc thì cái đầu sẽ bừng sáng. Đồng thời, luôn tỉnh táo quan sát các cảm xúc giận hờn, thương ghét của mình, quan sát những cảm xúc đau buồn thất vọng... Quan sát như vậy, đầu óc sẽ bừng sáng! Bên cạnh đó cũng luôn tỉnh táo quan sát mọi thứ đang xảy ra, chỉ quan sát thôi thì tự nhiên sự sáng tạo sẽ bừng lên.

Khi tập quan sát thường xuyên cái đầu của mình rồi, quý vị sẽ dựa trên quan sát và lắng nghe để quan sát và lắng nghe những gì đang xảy ra chung quanh, rồi tự nhiên ứng xử phù hợp và tất nhiên là hạnh phúc. Như vậy là sống dựa trên trực giác mới chính xác, phù hợp và hạnh phúc. Còn nếu dựa vào ý nghĩ hay ý tưởng và sự suy luận, luận bàn của mình mà cư xử thì tất nhiên sẽ mãi mãi khổ đau mà không có Thượng đế, Thánh nhân, vị Phật hay Bồ Tát nào có thể cứu được.

Cũng chính từ chân lí này mà cách đây hơn 700 năm, Vua Phật Trần Nhân Tông đã kết luận về hạnh phúc chân thật trong 4 câu kết của bài Phú Cư Trần Lạc Đạo mà nhiều người đã biết:

“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh hỏi chi thiền.”

Nghĩa là, hãy để cái đầu dừng suy nghĩ, suy luận để quan sát vô tư chung quanh mình mà sống thì sẽ vui, sẽ hạnh phúc và luôn mãn nguyện. Còn nếu tùy ý mình mà sống sẽ chuốc lấy khổ đau và không bao giờ có được trạng thái mãn nguyện.

Quý thiện hữu thân mến, quý báu và thiêng liêng!

Hãy là Đấng Sáng Tạo cho chính đời mình trong mọi hoàn cảnh! Hãy lan truyền tinh thần này

đến nhiều người! Hãy nên chấm dứt cảnh

đời nô lệ về tâm linh! Hãy nên chấm dứt cảnh đi xin phước báu tại các nơi khác, vì chẳng ai có quyền, chẳng ai có đủ phước báu để ban thưởng cho chúng ta cả! Hãy tự mình thắp lên ngọn lửa cho chính mình và truyền đến mọi người, mọi nhà. Đó là ngọn lửa Thiền Minh Triết, ngọn lửa sáng tạo lại cuộc đời mình sao cho thật sự hạnh phúc!

Nếu chúng ta cùng đồng lòng như vậy, mỗi người sẽ tạo ra sự bừng sáng cho mình và thúc đẩy sự bừng sáng đầu óc cho toàn nhân loại. Cuộc sống trên hành tinh này sẽ đẹp hơn nhiều so với nỗi thất vọng hàng ngàn năm nay và nhất là trong lúc này!

Chúc Quý vị sức khỏe và hạnh phúc thật, có ích thật cho loài người!

Trân trọng!

Ngày, 11/11/2008

Duy Tuệ

Vì Dân Tộc, Trần Nhân Tông Bước Theo Trí Phật

(Thư của Thầy Duy Tuệ nhân kỷ niệm 702 năm ngày viên tịch của Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông)

Xin chào tất cả các quý vị thiện hữu!

Nhân ngày giỗ Phật Hoàng Trần Nhân Tông, năm nay chúng ta kỷ niệm 702 năm ngày Phật Hoàng Trần Tông viên tịch tại am Ngọa Vân trên núi Yên Tử, hôm nay tôi chia sẻ với quý vị một số hành trạng căn bản chứng minh động cơ và mục đích Trần Nhân Tông tiến bước theo trí tuệ Phật là vì dân tộc Việt Nam.

Tôi muốn chia sẻ điều này để chúng ta luôn luôn tôn vinh ngài là một bậc thầy tâm linh vĩ đại của dân tộc, và hơn thế nữa, để cho chúng ta thấy rõ con đường tâm linh chân chính và quan trọng mà mọi người trong chúng ta phải nhận biết và phát triển để sống xứng đáng làm người.

Trước hết, chúng ta đặt ra câu hỏi rằng: **“Tại sao Trần Nhân Tông quyết định rời bỏ cuộc sống sang trọng, rời bỏ quyền lực của hoàng cung để đi theo con đường của đức Phật? Động cơ và mục đích thật trong chuyện này là gì?”**

Nếu nói để thành Phật thì không phù hợp với những gì ngài đã khẳng định về các vị Phật rằng “Di Đà là tính sáng trong, Tịnh Độ là lòng trong sạch, Di Lặc là giữ giới đoạn tham, Thích Ca là rèn luyện đạo làm người và làm các việc thiện ở đời để tích đức”. Nhờ Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy của Trần Nhân Tông khai tâm, cho nên ở tuổi hai mươi tám, ngồi trên ngai vàng, ngài nhận ra yếu chỉ của chư Phật là nhận ra chân tâm hay tính sáng sẵn có nơi chính mình. Chính nhờ nhận thức sâu sắc này mà ánh sáng trong đầu óc của ngài bùng sáng lên, đưa ngài đến quyết định rời bỏ ngôi vua khi mới chỉ ba mươi sáu tuổi. Và sáu năm sau, ngài quyết định rời đời sống hoàng cung đầy quyền lực, sang trọng, rời bỏ hoàng hậu yêu quý, xa lìa hàng trăm cung tần mỹ nữ để theo bước chân của đức Phật. Sự bùng sáng bên trong đã tạo ra một sức mạnh vĩ đại. Sức mạnh ấy là nguyên nhân chính giúp ngài đủ sức từ bỏ một cuộc sống hết sức khó bỏ. Trong mỗi chúng ta, nếu tự kiểm điểm lại, bây giờ chúng ta nhìn thấy rất rõ ở đời không phải là quyền lực hay là quyền lợi to lớn mới khó bỏ, mà có khi chỉ là một thứ quyền nhỏ nhoi hay quyền không thực tế mà ở tuổi sáu mươi bảy mươi cũng khó có ai tự nguyện rời bỏ vị trí, rời bỏ quyền lực của mình.

Vấn đề ở Trần Nhân Tông khi đi theo bước chân trí tuệ của đức Phật, ngài đã chọn mục đích phụng sự cho dân tộc. Ngài đã tiến hành một cuộc giáo dục rộng lớn cho toàn dân, cho cả triều đình, không sót một ai. Lúc bấy giờ, những nội dung và phương pháp cụ thể để phát triển tâm linh, phát triển tính sáng của họ, bởi vì tâm linh và tính sáng của mỗi người quyết định tất cả mọi suy nghĩ, mọi cảm xúc, mọi hành vi của người ấy, quyết định con người ấy sống hạnh phúc hay đau khổ, và cũng quyết định dân tộc ấy tồn tại một cách khỏe mạnh, minh mẫn, hay là tồn tại một cách yếu đuối hay nghèo nàn.

Để phát triển tính sáng này, ngài xác định thế nào là tính sáng bên trong. Để không lầm lẫn, ngài nói rằng tính sáng bên trong chính là lòng trong sạch, trước nhất là lòng trong sạch. Lòng trong sạch chính là Phật. Mỗi người chúng ta là Phật, Phật chính là ta, hay chính là Phật, không khác, nếu như mình gìn giữ được lòng trong sạch. Trong công cuộc giáo dục toàn diện, từ nhân dân đến triều đình, ngài phân định:

- Người dân bình thường thì nên học và thực hành năm giới luật trong đạo Phật. Đó là: không giết người; không trộm cắp, không cướp của; không uống rượu say sưa be bét; không ngoại tình, không quan hệ nam nữ bừa bãi; không hút sách, không nghiện thuốc. Bên cạnh đó, ngài còn dạy dân tránh xa những hình thức thờ cúng, thờ phượng mang tính chất mê tín dị đoan. Ngài không nhắc gì đến tội, phước, nghiệp chướng, rửa nghiệp, trả nghiệp, v.v. Ngài không nói gì đến luân hồi, nhân quả. Ngài không nhắc gì đến địa ngục, thiên đàng. Chúng ta lưu ý điều này.

- Còn đối với quan lại thì thế nào? Trong hệ thống quan lại triều đình, bao gồm cả các nhà trí thức, các nhà khoa học, các nhà kinh tế, các doanh nhân, quan văn, quan võ, v.v. Ngài hướng dẫn tất cả các vị quan ấy sống theo tinh thần Bồ Tát đạo của Phật giáo Đại thừa. Bồ Tát là người có đủ bi, đủ trí, đủ dũng, đủ sáng suốt, và có tri thức chuyên môn để giúp dân, giữ nước. Đó là Bồ Tát. Và bên trong đầu của người Bồ Tát thường kiểm soát những xúc cảm tiêu cực, những suy nghĩ tiêu cực, những ý muốn tiêu cực, để tính sáng bên trong phát triển, nghiên cứu và học tập những phương pháp phát triển tính sáng bên trong. Còn

bên ngoài, ăn mặc phải đàng hoàng, nghiêm trang, đúng đắn, quan hệ phải rõ ràng, minh bạch. Không kết bè kết nhóm, hà hiếp người yếu, không hối lộ, móc ngoặc, tham ô, không chơi bời trác táng. Phong cách của người quan phải thể hiện một đời sống đạo hạnh, làm người dân chung quanh tin tưởng mình, gần gũi và dựa vào mình.

- Đối với mọi người trong xã hội, ngài dạy chung rằng mỗi người đều phải lưu tâm đến tất cả các phương pháp hay cách thức mà lay động nhận thức sâu sắc bên trong, vì nhận thức sâu sắc là nguồn gốc của sự phát minh, là nguồn gốc của sự thấy để con người vượt qua vô thường. Hãy tìm cách lay động nhận thức bên trong chứ đừng chạy theo lòng chấp của mình. Phải thờ thầy học đạo, phải thờ cha kính mẹ. Có như thế, tính sáng mới mong phát triển.

Ngài cũng khẳng định rằng nếu ai đó tình cờ may mắn gặp được người tri thức thì hạt giống bồ đề một đêm sẽ mọc, khai hoa ưu đàm, tức là nguồn hạnh phúc sâu thẳm bên trong tâm hồn dù ngàn năm chưa hiển lộ, chưa nở thì bây giờ cũng sẽ phải nở.

- Đối với giới tăng lữ, ngài đã sử dụng một thứ diệu lực chứ không sử dụng quyền lực của một chủ tịch giáo hội, hay quyền lực của một ông vua, hay quyền lực của vị Thượng Hoàng, mà sử dụng diệu lực của trí tuệ, diệu lực của tính thấy bên trong, và diệu lực của lòng thương dân thương nước mà tiến hành cải tổ toàn bộ hình thức và nội dung của lực lượng tăng sĩ thời bấy giờ. Ngài khuyến khích toàn bộ số tăng sĩ trẻ tuổi trở về đời sống bình thường dân dã để tiếp tục lao động sản xuất. Bởi vì bất cứ một xã hội nào, tuổi trẻ là nguồn lực lao động chính để phát triển kinh tế, phát triển toàn diện đất nước ấy. Nếu đất nước ấy có rất nhiều tuổi trẻ mà lại lấy có tu hành mà xa lìa hay ra khỏi nguồn lực lao động của xã hội thì sự phát triển của xã hội sẽ vô cùng khó khăn, trong khi việc tu hành thì không nhất thiết phải vào rừng sâu núi thẳm, không nhất thiết phải vào am cốc. Có thể phát triển tính sáng của mình ngay trên đồng ruộng,

ngay trong xí nghiệp, ngay trong việc làm, ngay trong đời sống gia đình. Còn những người còn lại, những vị sư lớn tuổi, ngài cũng xem xét, đánh giá lại, xem những vị nào thực tâm tu hành thì ở lại và nhận thẻ. Còn những vị nào không thực tâm tu hành cũng trở về đời sống bình thường để bớt gánh nặng cho tín đồ. Bởi vì tín đồ sản xuất lúa gạo đã dành một phần rất lớn để nuôi tăng đoàn, mà rất nhiều tăng sĩ như vậy cũng là gánh nặng cho dân chúng chứ không phải đơn giản. Tóm tắt mà nói, ngài dạy rằng hãy yêu tính sáng trong đầu óc mình hơn là yêu ngọc ngà châu báu. Phải thờ cha kính mẹ, phải thờ thầy học đạo. Phải sống thanh tịnh, sống thanh nhàn, sống đơn giản. Đó là những điều kiện, những cơ hội cho tính thấy hay tính sáng bên trong của mỗi người phát triển. Tính thấy quyết định sinh mạng của mỗi con người và góp phần quyết định sự tồn tại như thế nào của một dân tộc.

Nhân kỷ niệm 702 năm ngày viên tịch của ngài, hôm nay chúng ta hướng về những trải nghiệm và hành trạng của ngài, cùng nhau tiến bước, vì hạnh phúc của riêng mỗi chúng ta và vì tình yêu thương với dân tộc chúng ta và loại người. Tôi chúc quý vị mạnh khỏe và hạnh phúc.

California, 06/12/2010

Cổ Phật Quyền Năng

(Bài kể lại cho Hiền giả Duy Trung Ý về Cổ Phật Quyền Năng)

Này Hiền Giả Duy Trung Ý,

Ông thật có phước lớn

Được nghe câu chuyện

Mà chưa có sự sống trên bất kỳ hành tinh nào

Trong vũ trụ mênh mông vô tận được biết đến!

Vị Cổ Phật

Trong nháy mắt,

Một năng lực quyền năng vô biên

Đã chuẩn bị cho ta ra đời nơi hành tinh này

Và chuẩn bị cho ta sự nhìn thấy chân thật.

Trong trạng thái thấy này,

Toàn bộ hữu tướng của thế giới này

Chỉ là những bức ảnh mờ nhạt của bản thể vạn vật.

Trong trạng thái thấy này,

Ta nhận biết Đấng quyền năng màu nhiệm.

Ngài dạy:

“Đã đến lúc Ta cho ông vào cõi chân thật có quyền năng màu nhiệm

Để ông cho loài người biết bí mật về Ta,

Cho loài người biết quyền năng của Mẹ Ta và Ta trong chính họ.

Mẹ Ta mới thật sự vĩ đại và toàn năng!

Không một hình tướng nào trong không gian vô tận không thuộc về Người.

Mẹ Ta không mẹ không cha mà tự nên. Mẹ Ta không có tên có tuổi.

Người sinh ra Ta theo cách riêng của Người.

Người tạo ra Ta từ sự trống rỗng,

Kết hợp với một chuỗi hệ thống hữu tướng tự thân vận động.

Người tạo ra Ta vừa là vô hình vừa là hữu hình,

Vừa vô tình vừa hữu tình.

Phần vô tình thuộc về Người,

Phần hữu tình là từ sự sống của muôn loài.

Ta mang quyền năng vô tận của Người

Cưu mang sự sống cùng khắp mọi nơi.

Mẹ Ta không tên, và không ai hiểu hay thấy Người

Nhưng loài vật cảm nhận được,

Vì chúng sống trong luật nhiệm màu của Người.

Ta cũng không tên như Mẹ

Nhưng cõi này cứ gọi Ta là Vô Tận

Để chỉ bản chất vô tận và toàn năng

Vì Ta là đầu tiên và duy nhất

Còn lại là hóa thân Ta.

Ta giao cho ông sứ mệnh truyền dạy bí mật về Ta!

Về Mẹ Ta!

Và về các hóa thân Ta!

Bởi ông được chọn,

Nên những gì được truyền dạy từ ông

Là quyền năng tối thượng của Mẹ Ta!

Là bản chất vô tận và không thể hiểu được của Người!

Là chân lý của Ta!

Ông hãy khéo biến nó thành giáo lý
Soi sáng đầu óc và mở rộng tình thương cho con người,
Để đầu óc chúng không náo loạn,
Cho mắt chúng không mù lòa
Cho tình yêu chúng có hướng đi.
Ông khéo nói từ trong sâu thẳm,
Nên ánh sáng trong âm điệu của ông
Mang thánh lực của Mẹ Ta mà cứu rỗi loài người.

Giáo lý về Sự thật

Ta tuyên bố cùng người,
Không có một sự thật nào ở hành tinh nào được cho là thiên đàng!
Cũng không có một sự thật nào được gọi là địa ngục!
Các khái niệm này phóng chiếu
Từ những kẻ hèn hạ mù lòa, nhưng có tính lừa dối lạnh lùng
Bày đặt ra để dụ người ngu và người nhẹ dạ cả tin
Nghe thấy như thật.
Người là người được chọn để trải nghiệm cái thấy chân thật,
Và cũng từ đó để nhận ra
Cái thấy mù lòa của đầu óc người ngu và kẻ lừa dối phỉnh phờ.
Cũng giống như nhiều hành tinh có sự sống khác,
Không biết gì về bí mật nhiệm màu trong đầu của mình.
Chúng chỉ có chút quan niệm để sống tạm qua ngày,
Và coi đó là cái thấy chân thật. Chúng chỉ biết chùng ẩy thôi,
Nên chúng sống nhưng thật sự là chưa sống, Đầu óc lại hơn thua suốt kiếp
Vì chúng chưa nhận ra sự thật về chính bản thân mình.

Từ giờ trở đi,

Loài người nơi đây sẽ bắt đầu học về giáo lý chân thật!

Vì vậy,

Trên mảnh đất Việt Nam này

Sẽ là vùng Đất Thánh thứ hai!

Để quét sạch các rác rưởi thánh thần hàng ngàn năm

Còn tồn tại đến tận hôm nay.

Giáo lý chân chính

Sẽ dạy khả năng phát triển nhận thức chân thật.

Trong nhận thức chân thật

Chứa quyền năng của Mẹ Ta

Không chứa bất cứ hình ảnh thần linh nào!

Đầu óc kẻ nào chứa các thứ thần linh

Kẻ ấy chưa biết về giá trị làm người của chúng.

Kẻ ấy không đáng tin cậy

Nhưng đáng ngờ vực

Và Mẹ Ta sẽ quyết định về linh hồn của chúng.

Với tư cách thiêng liêng,

Ta nói

Không có sự thật nào để gọi là giải thoát,

Hay để từ đó quan điểm giải thoát hình thành!

Nhiều chúng sinh loài người tham lam,

Cứ mong sau khi chết sẽ sướng hơn bây giờ

Nên bị kẻ lan lợi phỉnh phờ vẽ ra bức tranh giải thoát.

Ông nên thuyết giảng cho chúng bình tâm tĩnh trí,

Đừng vì tham mà ngậm phải lưỡi câu lừa dối!

Rồi khi tỉnh dậy

Có ân hận cũng đã muộn rồi.

Không có sự thật nào của cuộc sống được gọi là khổ đau!

Cuộc đời tồn tại và vận hành rất thật,

Mà chỉ có nhận thức chân chính mới nhận ra và thấu hiểu.

Nhưng không thể mô phỏng về sự thật này theo bất kỳ quan niệm nào

Để cho rằng

Khổ hay đau là thật.

Không có sự thật nào được cho là quả báo!

Người trí dùng hình ảnh quả báo để răn đe kẻ hung ác.

Người tham và ngu dùng quả báo để hù dọa và trục lợi kẻ đần cái gì cũng tin và sợ.

Sở dĩ có người tin thiên đàng, địa ngục, quả báo, giải thoát, hay khổ đau

Là vì chúng chưa hiểu thế nào là thấy chân thật.

Cho nên, chúng không thể thấy chân thật của sự thật.

Tóm lại mà nói,

Con người chưa thật sự tồn tại với nhận thức chân thật.

Họ luôn sống bằng con mắt phóng chiếu,

Nên luôn khổ đau và rất cực đoan.

Giáo lý về Quyền năng của Nhận thức

Lại nữa,

Người hãy truyền dạy cái thấy toàn năng của Ta đến chúng

Rằng,

Trong bộ não huyền vi của loài người

Mẹ Ta đã đặt sẵn một cái bọc nhiệm màu với quyền năng tối thượng của Người.

Khi chúng phát triển khả năng hiểu biết chân thật về nhận thức chân thật,

Thì quyền năng của Mẹ Ta sẽ hiện ra trong ấy.

Chúng sinh các cõi ngày ngày lưu tâm phát triển khả năng này

Để sống vui và có ích muôn loài.

Cho chúng biết đây là điều phải học!

Giáo lý về Nhân quả

Phải nương theo giá trị hiện đời

Và khả năng nhận thức của từng con người cụ thể,

Mà dùng nhân quả để dạy chúng sinh đừng sống hung ác ngang tàng.

Nhân và quả thường được mô phỏng bởi kẻ ngu cho người ngu.

Nó cũng được mô phỏng từ người trí cho kẻ tham lam.

Nhưng nó tuyệt nhiên không thể dùng cho người Minh Triết!

Chính thực,

Không có sự thật nào được gán cho là do nhân hay quả.

Sự thật nào cũng là sự thật!

Phải nhìn thấy chân thật và diễn tả chúng chân thật

Mà đầu óc không hiện ra một ý tưởng gì, Huống chi là nhân với quả!

Giáo lý về Linh hồn

Linh hồn thánh thiện của một con người

Bắt nguồn từ nhận thức chân chính và thông thái

Và tình yêu dân tộc thông thái của người ấy.

Bởi linh hồn của một chúng sinh

Không thể tách khỏi đất nước, khí hậu và thiên nhiên nơi chúng sống.

Vậy nên có sự khác nhau đôi chút

Trong cách thức tồn tại và quan niệm về linh hồn.

Do vậy,

Một thứ tình yêu riêng và kiến thức riêng sẽ hình thành

Là nguồn gốc dẫn tới nền văn minh và văn hóa riêng của dân tộc ấy. Nó cũng dẫn tới nền dân chủ thông thái có tính riêng để tồn tại.

Dân chủ thông thái dẫn tới tình yêu tự do thông thái.

Nó là chiếc chìa khóa riêng vạn năng của mỗi dân tộc để vui hưởng an lạc thái bình.

Không ai bắt chước được ai, nhưng cùng nhau tồn tại

Bởi nó có giá trị chung ẩn sâu trong ấy,

Mà mọi sự bắt chước sẽ làm cho một dân tộc tụt hậu.

Cho nên,

Phải gìn giữ sự trong suốt từ gốc rễ!

Phải xua đuổi tất cả những hình ảnh thần linh hay tâm linh như nhuốc

Làm mờ đục, tẩm tối đầu óc dân tộc.

Hãy trừng phạt những kẻ xấu

Cố tình gieo rắc những sự mơ hồ vào đầu óc dân tộc mình

Nặng hơn là trừng phạt kẻ ngoại xâm,

Bởi kẻ ngoại xâm không thể nguy hại lâu dài cho một dân tộc,

Như những kẻ đầu óc nghèo hèn của chính dân tộc ấy.

Chúng mô phỏng và gieo rắc khái niệm tâm linh mơ hồ,

Làm linh hồn dân tộc có thể tụt hậu dài lâu

Làm cho dân tộc ấy thường sống trong sợ sệt, nô lệ và yếu hèn.

Lâu ngày nó biến thành văn hóa trong ứng xử sẽ nguy to!

Vì thế,

Mỗi người phải phát triển tính tự do của nhận thức

Thì nhận thức sẽ là nhận thức chân thật. Phải dùng nhận thức chân thật

Để tự mình bảo vệ tự do thông thái cho chính mình,

Bảo vệ và phát triển tình yêu thông thái với tự do

Cho dân tộc!

Một con người tồn tại đúng như thật

Chỉ khi dân tộc mình thông thái, tự do và độc lập!

Linh hồn một dân tộc bắt nguồn từ tình yêu dân tộc tự do,

Và sự thông thái dựng xây nền văn minh dân tộc ấy!

Không có gì làm giảm sự trong sáng anh linh của linh hồn dân tộc,

Nên khi một dân tộc lâm nguy

Thì anh linh của dân tộc ấy hiện ra bảo vệ.

Vậy nên,

Ngay trong thời bình,

Muốn dân tộc văn minh và văn hóa thăng hoa

Hãy mạnh tay quở trách những kẻ thầy cúng dê hèn!

Hãy dạy dân quyết tâm không tin và không sợ thần linh xấu xa mơ hồ như bần!

Ngay trên hành tinh này,

Biết bao nhiêu tinh anh của nhiều dân tộc

Đã bị thiêu chột vì tin, sợ và truyền bá thần linh. Vua tôi hùa theo thầy cúng!

Bài học này loài người chưa thấm một hay sao?

Chỉ có thờ mỗi Mẹ Ta!

Một thứ ánh sáng minh mẫn màu nhiệm toàn năng!

Không một hình thù thần linh nào khác!

Các thần thánh chỉ là những quan niệm như bần dê hèn.

Nếu loài người cứ tồn tại mãi trong đầu óc hoang đường

Thì các người sẽ bỏ mặc dân tộc các người,

Người mẹ sinh ra và cưu mang gian khó,

Để chạy theo sự phóng chiếu về thần thánh hoang đường.

Như vậy, chúng sẽ vô tình góp phần làm dân tộc kém phần tươi sáng.

Nhưng cái nguy hiểm lớn nữa, là những người quản trị cộng đồng

Cũng chưa nhận thức đầy đủ về nhận thức chân thật,

Nên dễ tin theo những tên họa sỹ mù

Mô phỏng các thể giới có tính siêu hình theo ý tưởng thuộc về thần linh,

Và chúng sẽ nhìn thấy bức tranh mô phỏng này như thật.

Và như vậy,

Cả dân tộc cứ yếu đuối kéo dài

Điều này không phù hợp với giáo lý căn bản chân chính của Ta!

Những giáo lý căn bản này đã được hóa thân Trần Nhân Tông thể hiện.

Hãy thông thái mà chọn kẻ tội tởm gia cho thông thái

Hãy nhìn cho rõ và nhận thức đầy đủ những điều quan trọng khác!

Khi Ta nói đến các tác phẩm nghệ thuật cổ xưa

Là Ta muốn bao gồm những thứ thuộc về chữ và hình

Mà loài người nhiều thế hệ tạo ra từ sự mô phỏng của đầu óc nghèo nàn và gian dối.

Bây giờ Ta nói về kẻ mù lòa không có khả năng thấy sự thật

Nhưng lại có thể vẽ những tác phẩm nghệ thuật cổ xưa

Nhìn qua giống như thật.

Tất cả các tác phẩm này

Đều do người nghệ sỹ mù họa ra.

Ta hỏi người,

Ai là người thấy như thật những bức họa do kẻ mù lòa vẽ ra?

Chính những người ngu dốt cả tin!

Chúng là những người chưa bao giờ hiểu nhận thức chân thật là gì.

Họ chỉ biết nghe, thấy, tin, tôn vinh và dâng cúng lễ vật.

Đúng rồi!

Kẻ ngu dốt thấy các bức tranh hay những câu chuyện này đều là thật.

Họ có tôn vinh người nghệ sỹ là tài ba và hiểu thấu sự thật nên mới có thể vẽ ra.

Quả đúng là người ngu luôn như vậy!

Người nghệ sỹ mù này sống nhờ ai?

Nhờ kẻ ngu dốt!

Ai sẽ thấy những tác phẩm này là dối trá và không đáng nửa xu?

Người trí!

Có bao nhiêu người tin khả năng thấy chân thật của người trí?

Rất ít!

Chính vì vậy mà những nghệ sỹ mù mới tiếp tục tự mãn

Và kiêu ngạo hão huyền với kẻ ngu dốt.

Người phải biết như vậy!

Và cho mọi người trí niềm tin về sức mạnh của họ,

Khích lệ họ hãy mạnh tay giáo hóa kẻ ngu dốt,

Không chừa một phương tiện nào.

Con mắt bất an hay con mắt khổ đau, bệnh hoạn!

Nay Ta truyền chỉ dạy cho người con mắt bất an của loài người.

Từ khi loài người xuất hiện

Chưa ai thoát khỏi cảnh sống của con mắt bất an.

Con mắt này chưa bao giờ nhìn thấy được sự thật Của một sự thật.

Con mắt này dẫn đến chiến tranh.

Nó tự đánh nó,

Và nó đánh người khác,

Nó xúi người đánh người.

Ta chỉ cho người bí mật này!

Ngay giữa hai chân mày người

Có con mắt hình tròn tự xoay xung quanh nó

Và tự vận hành cùng hệ thống cơ thể huyền vi.

Con mắt này có võng mạc hình tròn

Là sự liên kết vô lượng thần nhãn.

Mỗi thần nhãn nhỏ hơn một phần ngàn hạt cải,

Chúng liên kết lại thành một quả cầu võng mạc

Ở bất cứ điểm nào trên quả cầu này cũng phát ánh sáng nhìn thấy.

Con người chưa biết về con mắt bí mật này,

Đã vô tình làm cho con mắt ấy

Không tự vận hành nhiều chiều xung quanh nó

Nên khi nó dừng ở đâu là có bất an ở đó.

Ta chỉ tiết lộ bấy nhiêu thôi,

Phần người liệu sức mà giúp đỡ loài người.

Bây giờ Ta truyền cho người về sự tin cậy

Những nghệ sỹ mù tạo ra các tác phẩm không trung thực

Và loài người tin thờ vào đấy.

Điều Ta truyền cho người là từ ánh sáng toàn năng của Mẹ Ta

Đến lượt người truyền lại

Là sự chân thật đầu tiên!

Những bài ca hay những bảo phẩm tiếp sau của các học trò

Vẫn còn chân thật!

Từ nay,

Những gì Ta truyền cho người hôm nay,

Những gì Ta nói cho người hôm nay,

Những bảo phẩm nào tiếp theo người Đều là chân thật!

Và sẽ thay thế các phế phẩm của những nghệ sỹ mù bệnh hoạn.

Những phế phẩm của bọn họ chỉ là những bức ảnh ảo của một phần sự thật

Không đáng tin cậy,

Và sẽ bị hủy bỏ bởi những người thông thái.

Bây giờ Ta truyền dạy về thờ phụng

Chỉ duy nhất có mỗi mình Ta

Là Vị Cổ Phật Quyền Năng và Vĩnh Hằng duy nhất.

Không thờ Ta bằng một hình thù cụ thể nào!

Giống như Mẹ Vĩ Đại của Ta,

Ta hiện thân trong sự trống rỗng mọi nơi

Trong mọi hình tượng, kể cả các ý tưởng và cảm xúc.

Và Ta cho phép loài người được tạc tượng Hóa thân Ta để thờ phụng

Như thờ phụng giáo lý của Ta

Vị Cổ Phật Vĩnh Hằng và Quyền Năng duy nhất.

Về mọi giới luật phải tuân theo

Tất cả phải dựa vào tính tự nhiên và luật tự nhiên,

Tin dựa vào lực và luật tự nhiên mà cơ thể chúng sinh có khả năng cảm nhận!

Không cảm nhận các lực này qua đầu óc.

Không hành động theo ý con người.

Nhưng Ta cho phép con người hành động theo giấc mơ riêng chính đáng và phù hợp

Nhưng không theo ý muốn, hay quan điểm riêng được,

Vì ý muốn và giấc mơ khác nhau xa lắm!

Tiên tri thay kết luận

Từ bây giờ,

Những gì ông nói ra hay truyền dạy cho đệ tử

Là từ quyền năng của Mẹ Ta,

Từ ánh sáng và tình yêu của Ta,

Vị Cổ Phật Quyền Năng duy nhất!

Nên có sức mạnh diệu kỳ đến kinh ngạc chúng sinh,

Làm cho đầu óc chúng chấn động liên hồi không dứt

Cho đến khi hoàn toàn tự tại.

Ông cùng những học trò

Làm triệu triệu cái đầu thức tỉnh

Sau hàng ngàn năm tăm tối về ánh sáng của chính mình.

Làm thức tỉnh triệu triệu con tim bởi cái đầu bừng sáng.

Rồi một vùng Đất Thiêng thứ hai đi vào tâm thức con người

Sẽ thành tựu trên nước Việt Nam!

Để chuyển đi những thông điệp hay chân lý

Bừng sáng tình thương và thông thái thế gian,

Thay thế cho những điều mơ hồ hàng ngàn năm được tin như thật

Mẹ ta sẽ rất hài lòng.”

Hiền Giả Duy Trung Ý,

Những gì ta vừa kể lại cho ông thật khó tin khó hiểu,

Nhưng lợi lạc cho muôn loài!

Cho chính ông cùng bằng hữu! Cho dân tộc ông trước hết!

Trong thế giới nhiệm màu trùng điệp nơi thế gian này

Đầu óc của hàng tỷ chúng sinh hỗn tạp.

Nhưng nhờ thấy rõ tận tường

Nhờ quyền năng tối thượng của Phật Cổ Quyền Năng và Mẹ Ngài

Mà ta và các ông

Như cười rồing trong hư không du hý cùng mây trắng.

Ông cùng các thiện hữu theo học cùng ta

Không ai sẽ bước qua cái gọi là chết.

Tất cả cùng về chung một ngôi nhà quyền năng nhiệm màu

Tiếp tục đỡ dần những sinh linh nhận thức lẫn vô tình.

Hãy sống trong đức tin toàn vẹn!

Ta kể cho ông nghe chừng ấy tạm đủ rồi

Ông sẽ thấy những điều kỳ diệu!

Duy Tuệ

(Biên tập từ Hy-Lạp, Đan- Mạch, và Na-Uy)

Thư về Hội Thảo Khoa Học Trần Nhân Tông và Lễ Giỗ Ngài lần thứ 703.

Gửi Hiền giả Giác Tuệ,

Cùng thân gửi quý Hiền giả Minh triết và Quý Vị Cảm Tình của Gia đình Minh triết.

Đây là thư nội bộ rất quan trọng có liên quan đến cuộc Hội Thảo Khoa Học Trần Nhân Tông và Lễ Giỗ Ngài vào ngày 24 và 25/11/2011.

Quý vị thân mến!

Việc tổ chức các cuộc hội thảo khoa học về Trần Nhân Tông là sự kiện mà tôi thường quan tâm với tư cách là chủ tịch Hội Đồng sáng lập Trung Tâm UNESCO Nghiên Cứu và Ứng Dụng Phật Học Việt Nam trong nhiều năm nay, kể từ sau cuộc hội thảo tại Yên Tử - Quảng Ninh vào năm 2001. Trong hội thảo lần ấy tôi đã dùng từ Phật Hoàng để tôn vinh Ngài là vị Phật của Việt Nam.

Mục đích lớn và duy nhất của tôi về vấn đề nêu cao giá trị trí tuệ của Ngài là vì muốn nâng **đờ đời sống tâm linh lành mạnh và tích cực cho những tín đồ Phật Giáo Việt Nam** là chính và sau đó đưa trí tuệ và tư tưởng Phật Học của Ngài ra thế giới nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa tâm linh của Việt Nam qua cách thể hiện chân lý của Ngài trong hành trạng của Ngài.

Từ lâu tôi thấy các chùa Việt Nam chỉ thờ các vị gọi là Tổ bên Tàu và Ấn Độ. Điều này sẽ không tốt cho đời sống tâm linh của các tín đồ người Việt. Tôi làm việc này là **dành hết tình cảm cho các tín đồ Phật Giáo người Việt chứ không vì quyền lợi cá nhân hay phe nhóm nào cả**. Cũng không phải để chống lại hay phản bác vị Tổ nào bên ngoài Việt Nam. Tôi ý thức sâu sắc rằng **người Việt Nam rất cần đến tư tưởng và đời sống tâm linh hoàn toàn tự do và phù hợp với văn hóa Việt**.

Nhớ lại cách đây 9 năm khi tôi cho thực hiện lễ giỗ Phật Hoàng tại Thủ Đức cũng không phải dễ dàng gì về sự đồng ý của chính quyền địa phương. Nhưng rồi mọi khó khăn cũng qua dần và mỗi năm ngày càng đông người về tham dự. Và rồi giờ đây ngày giỗ này đã trở thành ngày giỗ của Phật Giáo trong nước. Ngày nay tại nhiều chùa Việt Nam trong nước và nước ngoài cũng bắt đầu thờ phượng Ngài. Đây là điều đáng mừng! Tôi cũng biết nguồn gốc của Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc khá lâu trong lịch sử nên khó lòng mà không thờ các Tổ người Tàu trong các chùa Việt Nam. Chuyện các chùa tôi không thể tham gia được gì, nhưng với người tín đồ thì tôi thấy cần có trách nhiệm với họ vì cái thấy sáng suốt và cụ thể của mình. **Tôi nhìn thấy rất rõ rằng số mệnh duy nhất của con người là người ấy phải thể hiện trách nhiệm đầy đủ với chính bản thân mình và dân tộc mình, chứ số mệnh không phải do sách vở quy định cho con người! Chính bản thân mỗi con người và dân tộc của họ quyết định số mệnh của họ. Triết lý Phật Học của Trần Nhân Tông thể hiện được điều này. Do vậy mà tôi coi vấn đề tiếp tục phát triển những giá trị Phật Học của Trần Nhân Tông như là một trong những mơ ước của tôi.**

Tôi chủ trương tổ chức hội thảo nhiều năm rồi nhưng vì không có tiền nên cứ chần chừ mãi. Năm nay HG Giác Tuệ cùng HG Minh Tuệ (gs Phạm Đức Dương) và vài HG nữa quyết tâm đề nghị với tôi là cho thực hiện tại Hà Nội kết hợp với lễ giỗ. Tôi đã đề cử HG Giác Tuệ thay mặt tôi và với danh nghĩa Trung Tâm UNESCO Nghiên Cứu và Ứng Dụng Phật Học Việt Nam đứng ra tổ chức mà Hiền giả Giác Tuệ là trưởng ban tổ chức và Hiền giả Minh Tuệ là trưởng ban nội dung.

Để việc tổ chức và vận động tài chính đủ cho các chi phí hai sự kiện trên, tôi đề nghị các Hiền giả sau đây thực sự đứng vào Ban Tổ Chức: Ngoài Hiền giả Giác Tuệ, Minh Tuệ và Duy Chính Đạo, tôi đề nghị Hiền giả Duy Trung Ý, Tuệ Tri, Duy Đức Tịnh, Tịnh Tuệ và nhiều Hiền giả trẻ tuổi khác cùng vào trong ban tổ chức. Hiền giả Giác Tuệ sẽ có cuộc họp với quý Hiền giả này và quý Hiền giả khác (bổ sung) để phân công cụ thể. Có thể Ban Tổ Chức sẽ lên đến vài chục vị để đảm bảo việc tiếp khách và phục vụ các sự kiện.

Cuộc hội thảo này sẽ có nhiều Hiền giả nước ngoài về tham dự. Cụ thể sẽ có Hiền giả Phật Tuệ, trưởng Hội Thiền Trần Nhân Tông tại Na-Uy, người có công đức rất đáng quý trọng trong việc truyền bá hình ảnh Trần Nhân Tông tại Châu Âu trong hơn 8 năm nay. Ngoài ra sẽ có Hiền giả Duy Phật Nhân (Gs.Ts. Ivo Vajiev) về dự và phát biểu phác họa bức tranh tương lai về hình ảnh Trần Nhân Tông với tín đồ Phật Giáo Châu Âu.

Tôi nêu tóm lược như vậy qua thư này để quý Hiền giả cùng HG Giác Tuệ thực hiện thành công các sự kiện nêu trên.

Cầu nguyện cho quý vị an lành.

Duy Tuệ

Ngày 6/8/2011

Trần Nhân Tông và Ánh Sáng Độc Lập Tự Do

(Bài tham luận tại Hội thảo Trần Nhân Tông và Con đường chính pháp)

Trân trọng kính chào quý đại biểu!

Thật khó mà nhấn mạnh điểm nào là kiệt xuất của Trần Nhân Tông bởi vì điểm nào cũng quá lớn lao và xứng đáng là một biểu tượng gần như đáp ứng nhiều yêu cầu tiến bộ của từng con người Việt Nam nói riêng và con người nói chung. Riêng tôi vì quá chú trọng đến tính hoàn hảo của đầu óc con người nên tôi quan tâm thật sâu vào **tính độc lập tự do của Trần Nhân Tông trong cách nhìn về mình, về dân tộc và đất nước, và về thiên hạ bên ngoài.**

Trong bài tham luận ngắn ngủi này, tôi chỉ giới hạn trong ba chủ đề ấy. Dĩ nhiên sự vĩ đại của Người bắt nguồn từ tư chất thông thái bẩm sinh quyện những ước mơ hay hoài bão lớn lao và đầy đam mê về ngày mai tươi sáng của dân tộc và con cháu của Người.

Trước nhất và trên hết, Người có cách nhìn và nhận thức về chính mình mang tính độc lập và tự do với quyền lực, lợi ích, và điều kiện hưởng thụ vật chất. Ngài nhận thức độc đáo rằng quyền lực tối cao của vị Hoàng Đế không phải thật sự là mình. Ngai vàng mà Ngài đang cai quản không phải thật sự là Ngài. Sở hữu và hưởng thụ những điều kiện sống vật chất quá đầy đủ muốn gì cũng có, thích gì cũng được không phải là Ngài. Hưởng thú vui với cung tần mỹ nữ của cả quốc gia luôn sẵn sàng phục vụ cũng không phải là Ngài. Mà Ngài thầm nhận thức rằng cái gốc hay sự tinh khiết và an nhàn thanh tịnh và luôn ổn định của đầu óc độc lập tự do trong bộ não mới là chính mình. Cho nên Ngài mới diễn đạt trong Đắc Thú Lâm Tuyền Đắc Đạo Ca rằng:

“Tuần này mà ngẫm,

Ta lại xá ta;

Đắc ý cong lòng,

Cười riêng ha hả.”

Từ sự nhận thức thâm sâu này mà bên ngoài Ngài hoàn toàn tự do với những điều nêu trên, thích sống đơn giản và thư thái như Ngài đã tự ngợi khen trong diễn đạt:

“Công danh chẳng trọng,

Phú quý chẳng màng;”

Ngài không dựa vào những triết lý sống nào hay ý tưởng về hạnh phúc nào xâm nhập từ bên ngoài. Do vậy cho nên, Ngài mới đúc kết một chân lý sống hay một cách kiểm soát tốt nhất cái đầu của mình sao cho luôn cảm xúc hạnh phúc ổn định để sáng suốt trong cuộc sống. Đó là, “Ở đời vui đạo hãy tùy duyên” - Cư Trần Lạc Đạo Phú - chứ đừng suy tư và hành động tùy vào ý tưởng của mình.

Kể đến, Người có cách nhìn và tư duy về dân tộc và đất nước Việt Nam rất phù hợp với thực tế. Ngài chú tâm đến giáo dục dân phát triển kiến thức về đời sống kinh tế từ đồng áng đến kinh doanh, nghề tiểu thủ công nghệ. Sau chiến tranh, Ngài kêu gọi xây dựng cầu đường, phát triển đường sá như một phần công đức và phẩm hạnh của mọi người. Ngài dạy và làm gương đoàn kết trong triều đình, trong toàn dân, và đặc biệt là cư xử tôn trọng mọi tài năng mà quên đi những thiếu sót của họ. Ngài thật sự trọng nhân tài và không thành kiến về quan điểm hay đã mắc phải những sai lầm. Sau chiến thắng quân Nguyên, Ngài cho đốt tất cả các thư tố cáo một số quan lại hàng giặc để bảo vệ nhân tài và tạo đoàn kết trong toàn dân tộc để cùng nhau xây đắp nước non cho bấy giờ và mai sau. Ngài thể hiện hòa hiếu với lân bang như Chiêm Thành và Phương Bắc. Hòa hiếu nhưng vẫn một lòng cương quyết giữ gìn độc lập tự do từ bờ cõi bên ngoài đến bên trong đầu óc. Ngài dạy quan lại học hạnh người Bồ Tát trong tinh thần Phật Giáo Đại thừa rằng, hãy xác định làm quan là để phụng sự dân. Quan lại phải xác định như vậy để an định đầu óc của mình. Hãy lấy tấm lòng rộng rãi với dân mà hàng phục sự chao đảo của đầu óc. Ngài dạy dân thực hành những điều đạo đức có tính giá trị phổ quát chung cho con người như đừng sống dối trá, đừng hãm hại người khác vì riêng tư của mình, đừng tiêu hủy đầu óc và tâm hồn mình trong thói quen uống rượu khó kiểm soát. Đừng dùng tiền bạc, quyền uy, hay đầu óc lạnh lợi mà quan hệ tình dục không phù hợp cho giá trị làm người có trí tuệ và lương tâm. Đừng vì thú vui hay cảm xúc khoái lạc tình dục mà tạo ra những quan hệ và hành động không thể hiện vẻ đẹp của con người, còn gây bất an cho người khác và xã hội. Không vì tham của tham tiền mà giết người hay đánh người để chiếm đoạt. Không tàn nhẫn với người khác nhất là với trẻ em và phụ nữ.

Có điều rất thú vị và vô cùng sáng suốt nơi Ngài là những nỗ lực lãnh mạnh hóa, nhân bản hóa, và độc lập tự do hóa từ ý tưởng về hình ảnh các vị Phật, về thành phần xuất gia, và bãi bỏ các hủ tục và mê tín dị đoan trong Phật giáo Việt Nam. Ngài xây dựng cách suy tư về Phật như là người dạy ta sống đạo đức chứ không phải mơ hồ về sự linh thiêng hảo huyền. Trong Cư Trần Lạc Đạo, Ngài chỉ dạy người Phật tử rằng, ai sống tốt với mình, với gia đình, với xã hội và với quốc gia thì người ấy chính là Phật Thích Ca. Ai không tham lam và vui vẻ với mọi người là Phật Di Lặc. Ai quý trọng sự thanh tịnh và trong sáng của đầu óc bình yên, người ấy là Phật Di Đà. *Phải nói rằng, đây là sự sáng suốt, sự tự do, độc lập, thương người và dũng cảm bậc nhất trên hành tinh này, cho đến mãi tận hôm nay, sau hơn 700 năm tuyên bố thông điệp vô cùng vĩ đại và lợi lạc này, nhất là cho các tín đồ Phật giáo. Thông điệp vô giá này đã góp phần và sẽ mãi mãi góp phần dành lại sự độc lập, tự do của đầu óc những người Việt Nam theo niềm tin Phật giáo, dù thuộc trường phái Phật giáo nào để tránh mê tín dị đoan.*

Cuối cùng là cách nhìn của Ngài đối với thiên hạ chung quanh dân tộc và đất nước chúng ta. Ngài hết sức tôn trọng độc lập của các quốc gia, các dân tộc khác lân bang chúng ta. Dù có lúc Đại Việt hùng cường hay mạnh hơn vài nước lân bang, nhưng Ngài không hù dọa, ăn hiếp triều đình hay dân chúng họ. Ngài tìm cách bang giao và giữ hòa hiếu. Như việc Ngài đến thăm vua Chiêm Thành và gả Huyền Trân Công Chúa cho vua Chiêm để tạo hòa hiếu lân bang. Tuy nhiên, Ngài lại tỏ ra hết sức độc lập với việc Triều đình phương Bắc ý thể dân đông, thế mạnh mà bắt các vua Việt Nam phải chấp nhận sự chuẩn thuận của họ thì mới chính thức làm vua. Ngài khéo léo cương quyết từ chối để giữ thể diện cho dân tộc, để truyền cái tinh anh độc lập tự do cho muôn đời con cháu. Không vì bảo danh lợi hay hèn yếu mà khuất phục sự chuẩn thuận. Rồi cuối cùng Ngài và quan, và toàn dân chấp nhận chiến tranh do triều đình phương Bắc “trừng phạt”.

Toàn dân một lòng chống giặc để giữ độc lập và cuối cùng đã chiến thắng oanh liệt.

Thưa quý vị đại biểu kính mến,

Tôi sơ lược trình bày chủ đề Ánh sáng độc lập tự do trong đầu óc Trần Nhân Tông và ảnh hưởng tích cực của ánh sáng này đối với dân tộc Việt Nam, cách nay hơn 700 năm, căn cứ vào những lịch sử cụ thể còn ghi lại nhằm mục đích tôn vinh Người, tôn vinh tính tinh hoa của dân tộc Việt Nam. Đồng thời cũng để nhắc nhở cho chính tôi người may mắn được sinh ra trên đất nước Việt Nam nhớ phẩm chất quý báu này của người Việt Nam, mà nó cũng quý báu như tài sản thiêng liêng của mỗi con người trên hành tinh này và luôn ưu tư thực hiện nó cho chính mình trước đã, dù đang sống ở đâu, làm bất cứ việc gì để giúp người. Với lòng ngưỡng mộ đặc biệt, tôi tin chắc rằng những ai theo niềm tin Phật Giáo rồi sẽ tôn vinh Ngài là vị Phật lịch sử của Việt Nam mà tôi và nhiều bạn bè Việt Nam gọi là Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Những ai chọn tôn thờ Ngài, người ấy cũng là Phật dù muốn gán cái khái niệm này hay không. Nghĩa là người có phẩm chất tự do và lòng thương người tha thiết nhất.

Trân trọng kính chào và cảm ơn quý vị đã lắng nghe.

Duy Tuệ

Hoa Kỳ, ngày 14 tháng 9 năm 2011

IV - NỘI DUNG THAM KHẢO

Tặng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông cho Thái Lan

TP - Trung tâm Phật giáo Thái Lan có rất nhiều tượng Phật, nhưng khi đoàn Việt Nam trao tặng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông cho nơi này, nó đã trở thành một sự kiện lớn.

Vượt qua Bangkok hầm hập như lên cơn sốt trong sắc đỏ của người biểu tình, tôi bỗng lạc vào một khoảng rừng xanh mát rượi, véo von chim hót.

Cảm giác thế tục và bạo lực của đám đông biểu tình ở Bangkok tan biến hết, thay vào đó là sự yên bình khi nhìn thấy tượng Phật và những mái chùa cong vút ẩn hiện trong rừng cây. Trung tâm Phật giáo Quốc tế Thái Lan rộng đến 40 hecta được khánh thành vào năm 1957 để kỷ niệm 2.500 năm ngày Phật đản.

Trung tâm Phật giáo này nằm trong khu rừng rộng, xen kẽ những con suối, hồ nước trong vắt, chim chóc bay nhảy trên bãi cỏ, những chú rùa phơi nắng tự nhiên. Mặc dù số nhân công cắt cỏ hàng ngày của trung tâm lên tới hàng trăm người nhưng nơi đây vẫn tĩnh lặng.

Không áo đỏ, không biểu ngữ, không ồn ào, chỉ còn sự bình yên.

Nhiều tòa nhà kiến trúc theo phong cách Phật giáo Thái Lan tọa lạc dưới bóng cây. Tòa “viharn” làm bằng đá cẩm thạch chứa 1.418 tấm bia cẩm thạch, thực sự là kỳ quan. Mỗi tấm bia là một trang chính tạng Pali khắc bằng chữ Thái, mạ vàng. Các tấm bia này được chính tay những vị sư khắc, để đảm bảo tính chính xác.

Vào công viên, sẽ nhìn thấy tượng Đức Phật Thích Ca đang đi, cao nhất thế giới do giáo sư Silpa Bhirasri thiết kế vào năm 1955 và được đúc vào năm 1981. Tượng cao 18m, xung quanh có bốn công trình được xây dựng để ghi nhớ bốn giai đoạn quan trọng của cuộc đời Đức Phật: Ngày sinh của Ngài được tượng trưng bằng bảy hoa sen, sự giác ngộ mà Ngài đạt được dưới cây bồ đề, bài Pháp đầu tiên của Ngài và ngày Ngài nhập Niết Bàn.

Hôm ấy, Trung tâm Phật giáo Thái Lan đón nhận thêm một tượng Phật: tượng Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông.

Tháp tùng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông từ Việt Nam sang Thái Lan có ông Ngô Văn Quán, Ủy viên thường vụ BCH Liên hiệp các Hội Unesco Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Unesco Ứng dụng Phật học Việt Nam, phó Tổng biên tập báo Ngày Nay; Giáo sư, TS Phạm Đức Dương, chủ tịch Hội nghiên cứu Đông Nam Á – Việt Nam.

Đặc biệt, buổi lễ tặng tượng có sự hiện diện của đạo sư Duy Tuệ, người đã dành cả đời mình tiếp nối tinh hoa Thiền phái Trúc Lâm – Yên Tử của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, từ đó sáng

tạo ra phương pháp thiền Minh triết, một phương pháp giúp con người khai mở trí tuệ và tình yêu thương. Nhiều người tiếp cận với phương pháp này và đã có những thay đổi kinh ngạc về tinh thần cũng như sức khỏe.

Phía Thái Lan cũng tề tựu những nhân vật có ảnh hưởng lớn đối với Phật giáo nước này: Tiến sĩ Âm nạt Bunxirì, Giám đốc Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Phật giáo - Văn phòng Phật giáo Quốc gia Thái Lan; Tiến sĩ Ka nôộc Xên pa xột, Giám đốc Văn phòng Phật giáo Butthạ Môn thôn; Tiến sĩ Chun na xấp, Giám đốc Sở Ngoại vụ Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Phật giáo Thái Lan...

Một số tờ báo lớn của Thái Lan cũng cử phóng viên đến đưa tin về sự kiện này.

Ông Ngô Văn Quán đã nêu tóm tắt về Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Chỉ tóm tắt thôi, nhưng phía bạn đã rất đổi ngạc nhiên và ngưỡng mộ một vị vua đã trở thành điểm tựa tinh thần để quân dân Đại Việt đánh tan đế quốc Nguyên - Mông mạnh nhất thời bấy giờ, và sau khi đất nước ca khúc khải hoàn, thì Đức Vua đã rời bỏ ngai vàng để lên núi Yên Tử lập nên Thiền phái Trúc Lâm nổi tiếng.

Cũng trong buổi lễ này, Đạo sư Duy Tuệ đã nêu rõ trí huệ Phật của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, di sản của Ngài để lại cho đến nay vẫn làm cho lớp hậu sinh phải ngỡ ngàng.

Tiến sĩ Âm nạt Bunxirì cùng đoàn Thái Lan cung kính đánh lễ Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Trung tâm Phật giáo Thái Lan đã có tượng của vị Phật Hoàng mà từ thế kỷ 13 đến nay luôn tỏa ánh sáng tâm hồn và trí tuệ. Ánh sáng ấy đã vượt qua biên giới Việt Nam.

“Sự kiện này giúp cho người Thái và Việt thông hiểu và gắn bó với nhau hơn”, ông Âm nạt Bunxirì - Giám đốc Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Phật giáo - Văn phòng Phật giáo Quốc gia Thái Lan nhấn mạnh.

Tôi cảm nhận được sự chân thành và không có vẻ gì là ngoại giao, khi ông Âm nạt Bunxirì bày tỏ mong muốn Trung tâm Phật giáo Quốc tế Thái Lan được tìm hiểu và nghiên cứu về Thiền phái Trúc lâm Yên Tử cũng như phương pháp thiền Minh Triết, qua đó đem lại lợi ích thực tiễn trong cuộc sống cho Phật giáo cũng như con người Thái Lan.

Phùng Nguyên

(Báo Tiền Phong)



Ông Âm nạt Bunxiri, thay mặt Trung tâm Phật giáo Quốc tế Thái Lan tiếp nhận bức tượng Phật Hoàng. Bangkok, Thái Lan – Tháng 3 năm 2010. Ảnh : DDT



Các hiền giả Minh Triết toàn cầu, các hội viên Trung tâm UNESCO Nghiên Cứu và Ứng Dụng Phật Học Việt Nam chụp ảnh lưu niệm với Trung tâm Phật giáo Quốc tế Thái Lan – Tháng 3 năm 2010.



Tác giả Duy Tuệ cùng các hiền giả Minh Triết toàn cầu, các hội viên Trung tâm UNESCO Nghiên Cứu và Ứng Dụng Phật Học Việt Nam chụp ảnh lưu niệm tại Lễ trao tặng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông cho Hệ phái Đại Thừa Việt Nam tại Thái Lan – Tháng 3 năm 2010

Trung tâm UNESCO nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt Nam đã tổ chức Đại Lễ Tưởng niệm 702 năm ngày Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn

Sáng ngày 6/12, tại thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm UNESCO nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt Nam đã tổ chức Đại Lễ Tưởng niệm 702 năm ngày Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn. Đây là hoạt động tưởng nhớ công lao và sự nghiệp vĩ đại của vị Hoàng đế thứ ba của nhà Trần được tôn xưng là Điều Ngự Giác Hoàng, là vị tổ sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam, người anh hùng của dân tộc qua hai cuộc kháng chiến vệ quốc giữ nguyên bờ cõi Đại Việt, là nhà văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

Phật Hoàng Trần Nhân Tông – là con trưởng của Vua Trần Thánh Tông và Hoàng Thái Hậu Nguyên Thánh. Năm 21 tuổi Ngài lên ngôi trị vì Đại Việt, lấy đức trị dân, lấy niên hiệu là Thiệu Bảo. Năm 1284, Ngài chủ trì Hội nghị Diên Hồng, lấy ý kiến toàn dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Với tinh thần bảo vệ dân tộc, Tổ quốc Ngài đã lãnh đạo toàn dân đánh thắng 2 lần cuộc xâm lăng của quân Nguyên – Mông. Năm 1299 Ngài lên núi Yên Tử tu hành lấy hiệu là “Hương vân Đại Đầu Đà” và đi khắp nơi khuyến giáo người dân làm điều lành, tránh điều ác, thông qua những triết lý, tư tưởng Phật giáo để xây dựng xã hội, gia đình, cá nhân có đạo đức, đất nước thái bình yên vui.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Ngô Văn Quán, Giám đốc Trung tâm UN-ESCO Nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt Nam cho biết: “Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã để lại cho lớp trẻ những bài học yêu nước, là người có tấm lòng vị tha, nhân ái, yêu chuộng hòa bình. Khi đánh giặc thì kiên quyết chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, hòa bình thì dạy dân làm thập thiện.”

Với nhiều năm nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam, Giáo sư, tiến sỹ Ivo Vasiljev, Hội Ngôn ngữ học Tiếp Khắc cho rằng: “Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông vừa là một vị vua, vừa là nhà tu hành rất tích cực, với mục đích đưa đạo vào đời hết sức là sâu sắc và có giá trị hết sức là cao đối với Việt Nam và thế giới ngày nay.”

Phật Hoàng Trần Nhân Tông là hình ảnh ứng dụng Đạo vào đời sinh động, thiết thực, những bài học quý báu của Ngài đã để lại cho các thế hệ sau biết kết hợp hài hòa giữa đời và đạo, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất, đạo đức và tâm linh. Hiện nay các Câu lạc bộ Trần Nhân Tông trong cả nước đã có nhiều hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các nguyên lý Phật học trong đời sống văn hóa và tinh thần, đặc biệt ứng dụng các biện pháp giải quyết những vấn đề giáo dục nhân cách cộng đồng, giáo dục trách nhiệm công dân đối với đất nước.

Trần thị Mỹ Dung, Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh: “Lịch sử đức Phật hoàng Trần Nhân Tông điều làm cho em cảm kích nhất đó là lòng thương dân của Ngài, điều đó đã được ứng dụng trong suốt cuộc đời của Ngài. Lớp trẻ chúng em nghĩ rằng là những người trẻ phải học tập lòng

thương dân đó bởi vì nếu thừa kế được đạo đức đó thì con người sẽ tốt hơn, xã hội sẽ tốt hơn và thế giới cũng sẽ tốt hơn.”

Cuộc đời và sự nghiệp của Phật hoàng Trần Nhân Tông không chỉ là bài học về đạo trị nước an dân mà còn về tư tưởng tự lập, tự cường, bảo vệ bản sắc và chủ quyền quốc gia dựa trên sự đoàn kết lòng dân. Trung tâm Unesco nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt nam cũng đã xuất bản hơn 20 đầu sách với hàng vạn tư liệu quý giúp cho mọi người học tập gương sáng của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, rèn luyện để hoàn thành nhân cách, phát huy trí tuệ, tôn trọng và cống hiến cho lợi ích cộng đồng, cho chính mình và an vui trước mọi hoàn cảnh. Hoạt động xã hội từ thiện của các Câu lạc bộ Trần Nhân Tông trong cả nước với tổng số tiền hàng chục tỷ đồng đã thể hiện lời khuyến giáo của Phật Hoàng Trần Nhân Tông là đạo đức hướng thiện trong tinh thần “Từ bi vô ngã”.

Theo Phóng sự phát trong Bản tin Thời sự VTV4 ngày 7/12/2010



Giáo sư, tiến sỹ Ivo Vasiljev, Hội Ngôn ngữ học Tiệp Khắc (Hiền giả Duy Phật Nhãn) phát biểu tại Đại Lễ Tưởng niệm 702 năm ngày Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn



Giáo sư Phạm Đức Dương (Hiền giả Minh Tuệ) thăm viếng và chia sẻ tại nơi thờ Phật Hoàng Trần Nhân Tông – CLB Trần Nhân Tông Linh Xuân Thủ Đức, Tp. HCM thuộc Trung tâm UNESCO Nghiên Cứu và Ứng Dụng Phật Học Việt Nam

Hoàng dương tư tưởng cao đẹp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Nhân sự kiện Trung tâm Unesco Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học Việt Nam trân trọng dâng bức tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông cho Open Minds Foundation và Đại học Harvard, Hoa Kỳ, Tuần Việt Nam đã phỏng vấn ông Ngô Văn Quán, giám đốc Trung tâm, về tư tưởng của Phật Hoàng cũng như ý nghĩa của việc dâng tượng này.

PV: Thưa ông Ngô Văn Quán, tại sao Trung tâm Unesco Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học Việt Nam lại dâng bức tượng Trần Nhân Tông chứ không phải một ông vua hay một đạo sư nào khác của Việt Nam?

Ông Ngô Văn Quán: Trần Nhân Tông là một ông vua hiền Phật, một nhân vật lịch sử vĩ đại, anh hùng dân tộc, nhà chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa kiệt xuất. Mới 20 tuổi, Ngài đã lên ngôi vua và hai lần đánh bại đại quân tàn bạo Nguyên Mông xâm lược Đại Việt. Nhưng chỉ tới năm 36 tuổi, Ngài đã truyền ngôi cho con để lên chùa sống đời cư sĩ. Năm 41 tuổi, Ngài chính thức vào núi Yên Tử, tu hạnh Đầu Đà và được giới Phật tử tôn xưng là sư tổ của phái Trúc Lâm.

Đặc biệt, Ngài là một nhà tư tưởng lớn, vượt qua thời đại mình. Nhiều giá trị sâu sắc, đầy tính nhân văn của ngài ở tầm nhân loại, cho đến nay dường như vẫn chưa được phân định, nhận thức và tôn vinh một cách rõ ràng và đúng mức. Chính vì vậy, chúng tôi muốn tìm lại, phát triển và đưa tư tưởng của Ngài hoàng dương ra toàn thế giới.

PV: Ông nói Trần Nhân Tông để lại những tư tưởng ở tầm nhân loại, xin ông cho biết cụ thể tư tưởng đó là gì?

Ông Ngô Văn Quán: Hạt nhân tư tưởng Trần Nhân Tông là: Phật không phải ở đâu xa, không bí ẩn, diệu kỳ mà chính ở trong tâm, tâm thanh tịnh, tâm trong sáng, chính là chân Phật. Ngài giáo hóa cho nhân dân tu tại tâm, rèn đức, phát trí tuệ để thành người có ích cho xã hội, Phật là Đòi, mà Đòi là nghĩ và làm tốt cho hạnh phúc của mọi người, cho sự nghiệp cao cả bảo vệ, xây dựng mái nhà chung là Tổ Quốc.

Tư tưởng của Ngài được chưng cất đơn giản trong bài phú “Cư trần lạc đạo” nổi tiếng:

“Ở đời vui đạo, hãy tùy duyên,

Đói cứ ăn đi mệt ngủ liền.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,

Đối cảnh vô tâm, hỏi chi Thiền.”

PV: Ông nói về việc hoàng dương tư tưởng đó của Ngài, Trung tâm đã làm những gì để hiện thực hóa ước mơ đó?

Ông Ngô Văn Quán: Một cách thành thực, hơn 10 năm qua, Trung tâm đã nỗ lực không mệt mỏi cho công cuộc này. Chúng tôi đã xây dựng mới chùa Vân Tiêu ở Yên Tử, thành lập và đưa vào hoạt động hệ thống các Câu lạc bộ Trần Nhân Tông và Hội thiền Trần Nhân Tông ở cả trong nước và quốc tế, dâng tượng Trần Nhân Tông và hoàng dương tư tượng của Người ra nhiều nước trên thế giới. Chúng tôi đã xuất bản gần 20 đầu sách, với hàng vạn cuốn, trong đó tập “Những điều dạy về Phật của Trần Nhân Tông”, đã tái bản và tập Thơ “Vua Phật Trần Nhân Tông”. Sự nghiệp này sẽ còn được tiếp tục phát triển rộng khắp và nhận được sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài. Trước mắt, nhân dịp kỷ niệm 703 năm ngày Phật hoàng viên tịch, Trung tâm sẽ cùng lúc tổ chức hai hoạt động quan trọng: Hội thảo khoa học “Trần Nhân Tông và Con đường Chính pháp” và lễ giỗ Người tại Hà Nội vào cuối tháng 11 năm 2011.

PV: Cụ thể việc đưa Ngài ra thế giới, Trung tâm đã tiến hành những hoạt động gì, thưa ông?

Ông Ngô Văn Quán: Trung tâm chúng tôi đã đưa tư tượng và hình ảnh vị Vua Phật Việt Nam đến các nước qua sách, tạp chí và các sản phẩm văn hóa nói về Ngài; đồng thời hỗ trợ cho các hiền giả Minh triết tại các nước thành lập các Trung tâm, các Hội Thiền mang tên Trần Nhân Tông tại các nước. Đến nay, Hội Thiền Trần Nhân Tông Hà Lan, Na Uy, Úc châu đã được chính quyền địa phương cho phép sinh hoạt. Tượng thờ Trần Nhân Tông đã được kiều bào ta tại các nước cung thỉnh về Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch. Hàng năm, nhân dịp kỷ niệm ngày mất của Trần Nhân Tông, các Hiền giả minh triết tại các nước Pháp, Mỹ, Cộng hòa Séc, Slovakia, Úc châu, Đan Mạch, Hà Lan, Na Uy... đều tổ chức tưởng niệm Ngài. Tháng 3 năm 2010, các Hội viên của Trung tâm đã cùng gần 300 hiền giả minh triết dự cuộc gặp gỡ và giao lưu toàn cầu, đặc biệt đã tặng tượng Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông cho Trung tâm Phật giáo Quốc tế Thái Lan và chùa Việt Nam thuộc hệ phái đại thừa tại Thái Lan. Tại cuộc gặp gỡ giao lưu này, con dân đất Việt từ mọi miền Tổ quốc và thế giới hướng về Đức Điều Ngự Giác Hoàng, với sự cung kính, tôn nghiêm, khắc ghi trong tâm khảm về trí tuệ, đạo đức, hành trạng của Ngài, cùng nhân dân ta tôn vinh Ngài là biểu tượng của Trí tuệ Phật Việt Nam, là viên ngọc vô giá không chỉ của người Việt Nam mà còn của cả loài người.

PV: Tại sao lần này Trung tâm lại đưa bức tượng dâng tặng tới Open Minds Foundation và Harvard, thưa ông?

Ông Ngô Văn Quán: Đây cũng là một cơ duyên, chúng tôi trân trọng lý tưởng cao quý của Open Minds Foundation, do Giáo sư đáng kính Thomas Patterson, Đại học Harvard làm Chủ tịch và cảm thấy đồng cảm với ý tưởng Ngày Hòa giải Yêu Thương mừng 9 tháng 9. Hòa giải yêu thương cũng là tư tưởng cơ bản của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Chúng tôi cùng bàn bạc với nhau và quyết định dâng tượng Ngài cho Open Minds Foundation và Trường Harvard để thể hiện sự trân trọng đối với trung tâm tri thức của thế giới, đồng thời cũng mong muốn đưa hình ảnh và tư tưởng của Trần Nhân Tông tới được trung tâm văn hóa, khoa học lớn của thế giới.

PV: Có điểm gì đặc biệt ở bức tượng dâng tặng Open Minds Foundation và trường Harvard, thưa ông?

Ông Ngô Văn Quán: Bức tượng tặng Open Minds Foundation và trường Harvard cũng rất đặc biệt, được làm từ loại gỗ mít hơn 100 tuổi và sơn son thếp vàng bên ngoài. Gỗ mít từ ngàn đời

nay đã được coi là thứ cây linh thiêng thường được ông cha ta sử dụng để làm tượng Phật. Để làm bức tượng này, chúng tôi phải nhờ tới nghệ nhân Hồng Ánh ở Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội. Chúng tôi có mẫu tượng theo phiên bản ở chùa Siêu Loại, Gia Lâm nhưng bản thân nghệ nhân làm tượng khi tạc diện cho Trần Nhân Tông phải ăn chay và thiền quán để có thể hình dung ra Đức Phật Hoàng với tình yêu nước và yêu thương con người vô bờ bến. Đó là những tư tưởng tưởng như đơn giản nhưng vô cùng sâu sắc mà Đức Phật Hoàng đã dùng cả cuộc đời mình để làm tấm gương cho hậu thế noi theo.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tác giả: Trần Minh

(thực hiện)

Bài đã được xuất bản trên Tuần Việt Nam VietNamNet.: 18/09/2011 05:00 GMT+7